

B GIÁO D C VÀ ÀO T O  
TR NG IH CL CH NG

---



**BÁO CÁO T ÁNH GIÁ**  
TRONG KÌ M NH CH T L NG  
GIÁO D C IH C

BIÊN HÒA – 5/2009

# M C L C



	Trang
<b>DANH M C B NG VÀ S .....</b>	<b>4</b>
<b>DANH M C CH VI T T T TRONG BÁO CÁO .....</b>	<b>5</b>
<b>T NG H P K T QU T ÁNH GIÁ .....</b>	<b>6</b>
<b>A. PH N GI I THI U CHUNG</b>	
I. Thông tin chung c a tr ng.....	8
II. Gi i thi u khái quát v tr ng.....	8
III. T ch c qu n lý trong tr ng.....	14
<b>B. PH N T ÁNH GIÁ C A TR NG</b>	
<b>Tiêu chu n 1: S m ng và m c tiêu c a tr ng i h c L c H ng.....</b>	<b>33</b>
Tiêu chí 1.1: .....	33
Tiêu chí 1.2: .....	36
<b>Tiêu chu n 2: T ch c và qu n lí.....</b>	<b>38</b>
Tiêu chí 2.1: .....	38
Tiêu chí 2.2: .....	39
Tiêu chí 2.3: .....	41
Tiêu chí 2.4: .....	42
Tiêu chí 2.5: .....	44
Tiêu chí 2.6: .....	45
Tiêu chí 2.7: .....	46
<b>Tiêu chu n 3: Ch ng trình ào t o.....</b>	<b>47</b>
Tiêu chí 3.1: .....	47
Tiêu chí 3.2: .....	48
Tiêu chí 3.3: .....	50
Tiêu chí 3.4: .....	51
Tiêu chí 3.5: .....	52
Tiêu chí 3.6: .....	53
<b>Tiêu chu n 4: Các ho t ng ào t o.....</b>	<b>54</b>
Tiêu chí 4.1: .....	54
Tiêu chí 4.2: .....	55
Tiêu chí 4.3: .....	57
Tiêu chí 4.4: .....	58
Tiêu chí 4.5: .....	60
Tiêu chí 4.6: .....	61
Tiêu chí 4.7: .....	61

<b>Tiêu chu n 5: i ng cán b qu n lí, gi ng viên và nhân viên .....</b>	<b>63</b>
Tiêu chí 5.1: .....	63
Tiêu chí 5.2: .....	64
Tiêu chí 5.3: .....	66
Tiêu chí 5.4: .....	67
Tiêu chí 5.5: .....	68
Tiêu chí 5.6: .....	69
Tiêu chí 5.7: .....	70
Tiêu chí 5.8: .....	70
<b>Tiêu chu n 6: Ng i h c .....</b>	<b>72</b>
Tiêu chí 6.1: .....	72
Tiêu chí 6.2: .....	73
Tiêu chí 6.3: .....	75
Tiêu chí 6.4: .....	77
Tiêu chí 6.5: .....	78
Tiêu chí 6.6: .....	80
Tiêu chí 6.7: .....	81
Tiêu chí 6.8: .....	83
Tiêu chí 6.9: .....	84
<b>Tiêu chu n 7: Nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh .....</b>	<b>85</b>
Tiêu chí 7.1: .....	85
Tiêu chí 7.2: .....	86
Tiêu chí 7.3: .....	87
Tiêu chí 7.4: .....	88
Tiêu chí 7.5: .....	90
Tiêu chí 7.6: .....	91
Tiêu chí 7.7: .....	93
<b>Tiêu chu n 8: H p tác qu c t .....</b>	<b>94</b>
Tiêu chí 8.1: .....	94
Tiêu chí 8.2: .....	96
Tiêu chí 8.3: .....	98
<b>Tiêu chu n 9: Th vi n, trang thi t b h c t p và c s v t ch t khác .....</b>	<b>99</b>
Tiêu chí 9.1: .....	100
Tiêu chí 9.2: .....	103
Tiêu chí 9.3: .....	104
Tiêu chí 9.4: .....	105
Tiêu chí 9.5: .....	107
Tiêu chí 9.6: .....	108
Tiêu chí 9.7: .....	108
Tiêu chí 9.8: .....	109

Tiêu chí 9.9: .....	110
<b>Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính .....</b>	<b>111</b>
Tiêu chí 10.1: .....	111
Tiêu chí 10.2: .....	113
Tiêu chí 10.3: .....	114

## **PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1:** Quy trình và vị trí thành lập Hội đồng Tán giá.
- Phụ lục 2:** Quy trình và vị trí thành lập Ban thẩm ký và Nhóm chuyên trách.
- Phụ lục 3:** Kế hoạch Tán giá.

## DANH MỤC BẢNG VÀ S

<b>B ảng</b>	<b>T ên</b>	<b>Trang</b>
1	S ơ đồ tổ chức cơ cấu trường	12
2	Danh sách cán bộ lãnh đạo chính trị của nhà trường	13
3	Tổng số sinh viên đăng ký thi vào trường, số sinh viên được tuyển vào trường trong 5 năm gần đây như sau:	15
4	Số lượng sinh viên (5 năm gần đây như sau)	16
5	Số sinh viên quốc tế	16
6	Số lượng và tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học (tính 5 năm gần đây như sau):	16
7	Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên	17
8	Bảng 7.3: Số lượng cán bộ chuyên môn của nhà trường tham gia viết bài giảng chuyên đề	81
9	Bảng 7.5.2 Bảng các tài chuyên gia công nghệ	87
10	Bảng 7.6: Tỷ lệ giảng viên tham gia NCKH trong 5 năm gần đây	84
12	Bảng 9.1: Các CSDL mà trường đã tiến hành mua hoặc xin liên kết miễn phí.	98

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

Viết tắt	T
BD-VH-KT	Ban Điều hành Văn hóa K thể thao
BGH	Ban giám đốc
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBGD	Cán bộ giảng dạy
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CLB	Câu lạc bộ
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
TVT, KTCT	Thông tin và truyền thông, Kỹ thuật công trình
VHT	Văn hóa truyền thống
GVCH	Giáo viên chủ nhiệm
HS – SV	Học sinh – Sinh viên
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH – S H – K CL	Nghiên cứu khoa học – Sau đại học – Kì m nh ch t l ng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QHQT – TVVL	Quan hệ quốc tế - Truyền văn hóa
QT – VT	Quốc tế - Văn hóa
TC – HC	Tổ chức – Hành chính
THCN	Trung tâm chuyên nghiệp
TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TW	Trung ương

# T NG H P K T Q U T ÁNH GIÁ

Ngày 15 tháng 5 năm 2009

Mã trường: **DLH**  
 Tên trường: **I H C L C H N G**  
 Khoa ngành: **A, B, C, D**  
 Ngày thi đánh giá: 15/5/2009

Có  
 Không

<b>1. Tiêu chuẩn 1: Sự nghiêm túc và mục tiêu của trường</b>		
1.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>2. Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý</b>		
2.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.6	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.7	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>3. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo</b>		
3.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.6	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>4. Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động đào tạo</b>		
4.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.6	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.7	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<b>5. Tiêu chuẩn 5: Giảng viên, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên</b>		
5.1	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<b>6. Tiêu chuẩn 6: Nghiên cứu</b>		
6.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.6	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.7	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.8	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
6.9	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<b>7. Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b>		
7.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.3	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
7.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.6	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.7	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>8. Tiêu chuẩn 8: Hợp tác quốc tế</b>		
8.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.3	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<b>9. Tiêu chuẩn 9: Thứ bậc, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác</b>		
9.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.6	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.7	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5.5	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	9.8	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.6	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	9.9	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.7	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<b>10. Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính</b>		
5.8	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	10.1	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
			10.2	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
			10.3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

## T NG H P K T QU

	t	Không t	Không ánh giá
<b>S tiêu chí</b>	54	7	0



## A - PH N GI I THI U CHUNG

### I. Thông tin chung c a tr ñng

1. Tên tr ñng (tên chính th c): **Tr ñng i h c L c H ñng**
2. Tên ti ñng Anh: **Lac Hong University**
3. Tên vi t t t: **i h c L c H ñng**, ti ñng Anh: **LHU**
4. Tên tr ñ c ñy:  
**Tr ñng i h c Dân l p L c H ñng**
5. C quan / B ch qu n: B Giáo d c và ào t o
6. a ch tr ñng: S 10 Hu nh V n Ngh , Ph ñng B u Long, Thành ph Biên Hòa, T nh ñng Nai.
7. S i n tho i liên h : 0613.952138 – 0613.951050 – 0613.952778  
S fax: 0613.952534 ;  
Website: <http://www.lhu.edu.vn>; <http://www.lachong.edu.vn>  
Email: [lachong@lhu.edu.vn](mailto:lachong@lhu.edu.vn)
8. N m thành l p tr ñng: Ngày 24 tháng 09 n m 1997  
Quy t ñnh 790/TTg c a Th T ñng Chính Ph
9. Th i gian b t u ào t o khoá th ñnh t: Ngày 09 tháng 02 n m 1998
10. Th i gian c p b ñng t t nghi p cho khoá th ñnh t: Tháng 11 n m 2002
11. Lo i hình tr ñng: Dân l p

### II. Gi i thi u khái quát v tr ñng

12. Khái quát v l ch s phát tri n, tóm t t thành tích n i b t c a tr ñng

#### *S l c v l ch s :*

T nh ñng Nai là m t t nh công nghi p n m trong khu v c kinh t tr ñng i m phía nam (bao g m: ñng Nai, Bình D ñng, TP H Chí Minh, Bà R a – V ñng Tàu), có nhi u khu công nghi p c hình thành t tr c n m 1975. n nh ñng n m 1990 th c hi n ch tr ñng c a ñng – Nhà n c v công nghi p hóa, hi n i hóa t n c thông qua vi c ti p nh n v n u t tr c ti p n c ngoài (FDI), ñng Nai ã ngày càng hình thành và phát tri n thêm nhi u khu công nghi p.

Xu t phát t nhu c u cung ñng ngu n nhân l c cho s nghi p công nghi p hóa c a ñng Nai nói riêng và khu v c kinh t tr ñng i m phía nam nói chung, c ñng nh nguy n v ñng c a ñng b , Chính quy n và nhân dân ñng Nai mong mu n có m t tr ñng i h c t i ñng Nai.

Từ năm 1993 – 1994 lãnh đạo thành phố nhìn thấy nhu cầu bức thiết phải xây dựng một trường đại học tại Biên Hòa - Đồng Nai, nhằm tạo nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội thị trường. Hội đồng trường của Trường Đại học Văn Khoa đã có Nghị quyết thành lập trường đại học tại Biên Hòa. Đó là cơ sở thuận lợi cho việc sớm ra đời một trường đại học tại Đồng Nai.

Có nhiều ý kiến về tên trường, nhưng cuối cùng hội đồng trường đại học ào tạo nhân lực cao cho đất nước, cho dân tộc thì trường con người ào tạo ó phồn thịnh nguồn nước, tài hào mình là con cháu Lạc Hồng, phải làm sao xứng đáng với lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vua Hùng có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Chính vì thế trường có tên là Lạc Hồng.

Trường đại học Dân lập Lạc Hồng được thành lập ngày 24/09/1997 theo quyết định số: 790/TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 20/10/2006 Trường đại học Dân lập Lạc Hồng chính thức đổi tên thành đại học Lạc Hồng theo quyết định số 122/2006/QĐ-TTg ngày 29/05/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

### ***Giai đoạn mới thành lập***

Ngày 09 tháng 02 năm 1998 khai giảng khóa đầu tiên với 871 sinh viên; chia ra các chuyên ngành: Điện tử viễn thông: 220, Công nghệ thông tin: 83; Kỹ thuật công trình: 68, Quản trị kinh doanh: 343, Tiếng Anh: 157

Nhiệm vụ đầu tiên: Ban giám hiệu gồm có Hiệu trưởng là PGS.TS Đoàn Văn Tấn, 3 Hiệu phó là PGS.TS Nguyễn Khắc Hưng, PGS Nguyễn Văn Lâm, NG T Hưu Tài. Trường thành lập 3 khoa gồm Khoa Kỹ thuật (ngành Điện tử viễn thông, Kỹ thuật công trình); Khoa Kinh tế; Khoa Tin học – Ngoại ngữ và 2 phòng chức năng gồm phòng Hành chính – Tổng hợp – Quản trị và phòng ào tạo.

### ***Hiện nay***

Qua 11 năm thành lập và phát triển, hiện nay trường đã hình thành 6 phòng chức năng (Tổng hợp – Hành chính, Tài vụ, Quản trị vận tải, Công tác sinh viên, Nghiên cứu khoa học – Sau đại học – Kỹ thuật tin học và ào tạo), 10 khoa (Điện tử Viễn thông, Công nghệ Thông tin, Kỹ thuật Công trình, Công nghệ Hóa – Thực phẩm, Công nghệ Sinh học Môi trường, Quản trị Kinh tế Quốc tế, Tài chính Kế toán, Ngoại ngữ, Công nghệ, Công nghệ Phấn) với 21 ngành ào tạo (Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông, Điện công nghiệp, Công nghệ, Xây dựng dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng công nghiệp, Công nghệ dệt may, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật in - điện tử, Công nghệ Hóa học, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Sinh học, Nông nghiệp, Tài chính Ngân hàng, Kế toán Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Công nghệ (Hành chính, Trung Quốc học, Nhật Bản học), Việt Nam Học, Ngữ văn Anh, Kỹ thuật Thực phẩm).

## ***Thành tích nổi bật***

Năm học 2007 – 2008: 3 cán bộ là sinh viên khóa 1 tốt nghiệp Thạc sĩ trong ngành Tin học Tin học ngoài; 5 cán bộ tốt nghiệp theo án 322 và tốt nghiệp ngành; tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Cao Hùng – Hải Loan 18 cán bộ; 2 cán bộ tốt nghiệp ngành Thạc sĩ Anh Quốc và Mỹ; 2 người tốt nghiệp đại học ngành Nhân văn Ngoại ngữ Hàn và Nhật tin học ngoài.

Trong thời gian 2003 – 2009 Trường đã tổ chức 11 hội nghị nghiên cứu khoa học của sinh viên với hơn 500 tài liệu, 5 hội nghị nghiên cứu khoa học của giáo viên với hơn 120 tài liệu, 3 tài liệu nghiên cứu khoa học báo cáo cấp S.

Nhiều tài liệu nghiên cứu khoa học của giáo viên và sinh viên công bố trong các tạp chí máy in và trực tuyến, máy chiếu thí nghiệm, quy trình làm kỹ thuật số... Nhiều công trình của sinh viên các kỹ thuật khoa học công nghệ.

Trường là trường tốt nghiệp tốt nghiệp các học phần cho sinh viên tốt nghiệp có luận văn và sinh viên ra trường có việc làm ngay.

Trong cuộc thi Robocon năm 2005 trường Robocon của trường đã chiếm vị trí cao (giải ba toàn quốc khu vực các trường tốt nghiệp phía Nam). Năm 2007, Trường tốt nghiệp tốt nghiệp có luận văn vào chung kết và giải nhất 6 khu vực phía Nam. Năm 2008, Trường tốt nghiệp tốt nghiệp có 4 luận văn vào chung kết toàn quốc và giải nhất giải nhất toàn quốc phía Nam. Trường tham gia tốt nghiệp tốt nghiệp “Sáng tạo Robot Việt Nam” năm 2008 của VTV3 giải nhất giải nhất Việt Nam. Trong “vòng chung kết khu vực phía Nam”, 8 luận văn của Trường tốt nghiệp tốt nghiệp đã tham dự và giải nhất sâu vào vòng trong, trong đó luận văn Robocon tốt nghiệp tốt nghiệp đã giành giải nhất 4/12 vào vòng chung kết toàn quốc.

Trường tốt nghiệp tốt nghiệp đã tiến hành liên kết tốt nghiệp tốt nghiệp Trường GUILDHALL COLLEGE các lớp tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, trình Thạc sĩ 30 học viên, Cử nhân 30 học viên, Cử nhân Cao đẳng 30 học viên. Bằng cấp do trường tốt nghiệp tốt nghiệp.

Liên kết với các Trường UCLAN (Anh Quốc), ALEAN (Úc), Dimensions Education Group (Singapore), IBK (Đức). INTI (Malaysia)... để thảo luận về các chương trình liên kết đào tạo, với các hình thức và cấp độ khác nhau, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các khu công nghiệp của tỉnh nói riêng và xã hội nói chung.

Ký kết hơn 100 hợp đồng liên kết đào tạo với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Điển hình các doanh nghiệp sau: VMEP, HwaSeung Vina, Shirai, Woosung Vina, Happy Cook, Pouchen, phần mềm Việt Hàn... theo các nội dung: nắm bắt nhu cầu sử dụng nhân lực của các công ty để xây dựng chương trình đào tạo thiết thực, sinh viên ra trường làm việc được ngay không cần đào tạo lại.

### ***Khen thưởng***

Bằng khen của Bộ Giáo dục Đào tạo giai đoạn 2001 – 2006 về việc có nhiều thành tích trong công tác Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ.

Cờ đơn vị Tiên tiến xuất sắc của Bộ giáo dục và Đào tạo: về việc đã đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu năm học 2005 – 2006 theo Quyết định số 3648/QĐ-BGDĐT ngày 10/07/2007 do Thứ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Đặng Huỳnh Mai ký.

Quyết định số: 1623/2007/QĐ-CTN ngày 21/12/2007 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho trường Đại học Lạc Hồng “Đạt thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm 2002 – 2003 đến năm học 2006 – 2007, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.

Bằng khen số 20902/QĐ/BGD&ĐT ngày 06/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đạt nhiều thành tích trong công tác hợp tác quốc tế và khoa học công nghệ giai đoạn 2001 – 2006.

Quyết định số 7221/QĐ-BGD&ĐT ngày 12/11/2007 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu thi đua năm học 2006 – 2007:

- Tập thể lao động xuất sắc cho Trường Đại học Lạc Hồng
- Chiến sĩ Thi đua cấp Bộ cho TS. Trần Hành, Hiệu trưởng Đại học Lạc Hồng.

Bằng khen số 3745/QĐ/UBND ngày 31/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tập thể giáo viên và sinh viên trường Đại học Lạc Hồng đạt nhiều thành tích trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học giai đoạn 2003 – 2007.

Bằng khen số 98/QĐ-KHVN ngày 22/06/2008 của Ban chấp hành Trung ương Hội khuyến học Việt Nam về việc Trường Đại học Lạc Hồng đạt nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào khuyến học năm 2007.

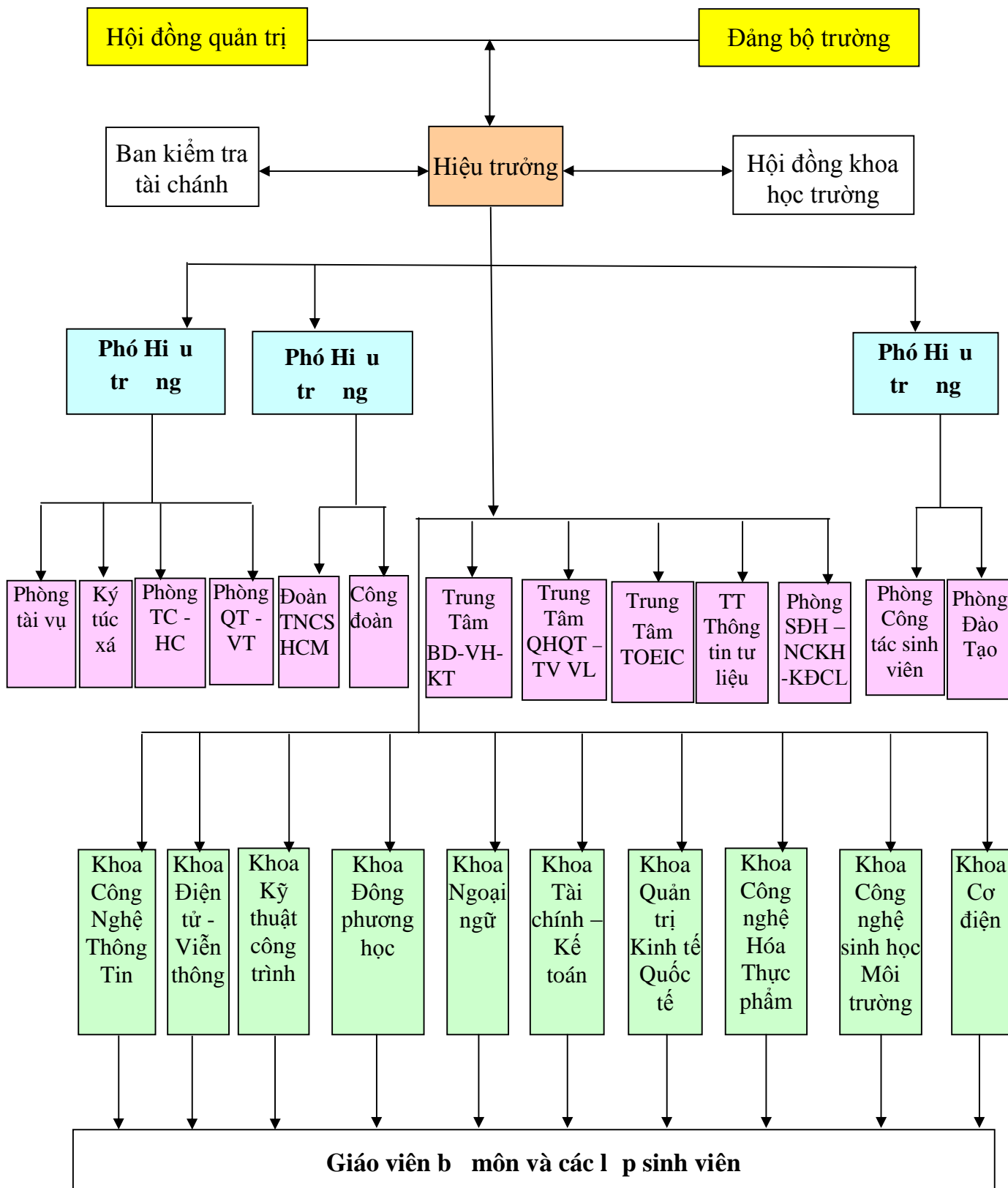
Bức trưng của Trung ương Hội sinh viên Việt Nam tặng “Sinh viên trường Đại học Lạc Hồng rèn đức luyện tài vì ngày mai lập nghiệp 1997 – 2007” theo quyết định số 49 QĐ/TWHSV ngày 29/08/2007 của Hội sinh viên Việt Nam.

Cờ thi đua của Ban chấp hành TW Đoàn Thanh Niên cộng sản HCM tặng “Đơn vị 3 năm liền dẫn đầu phong trào thi đua cấp tỉnh khối Đại học, Cao đẳng và THCN 2004-2007” cho Đoàn Trường Đại học Lạc Hồng. Theo quyết định số 470/QĐKT-TWĐTN ngày 17/07/2007.

Bằng khen của Đài truyền hình Việt Nam về thành tích trong cuộc thi “Sáng tạo Robot Việt Nam 2008”.

### **13. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường**

**SỞ NHÀ TOÀ CHÒU  
TRƯỜNG NÀI LAI H NG**



14. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
<b>I. Ban giám hiệu</b>			
Hiệu trưởng	Trần Hành	1947	TS
Phó hiệu trưởng	Đỗ Hữu Tài	1947	NGƯT.TS
Phó hiệu trưởng	Diệp Cẩm Thu	1951	ThS
Phó hiệu trưởng	Lâm Thành Hiên	1970	ThS
<b>II. Các tổ chức công đoàn TN, Công đoàn, hội...</b>			
Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Trùng Phương	1930	CN
Chủ tịch Công đoàn	Diệp Cẩm Thu	1951	ThS
Bí thư Đoàn TNCS HCM	Nguyễn Hồ Xuân Hương	1981	ThS
Chủ tịch Hội sinh viên	Lê Sơn Quang	1982	KS
<b>III. Các phòng/ban chuyên ngành</b>			
Phòng Tổ chức – Hành chính	Trần Minh Mẫn	1963	CN
Phòng Đào tạo	Lâm Thành Hiên	1970	ThS
Phòng SDH – NCKH - KĐCL	Nguyễn Văn Tân	1974	TS
Phòng Quản trị - Thiết bị	Châu Quang Trạng	1977	CN
Phòng Tài vụ	Trần Thị Mỹ Hương	1975	CN
Phòng Công tác sinh viên	Phạm Công Xuyên	1969	ThS
<b>IV. Các trung tâm/viện nghiên cứu</b>			
Trung Tâm Bồi dưỡng văn hoá – Kỹ thuật	Phạm Công Xuyên	1969	ThS
Trung Tâm Quan hệ quốc tế - Tư vấn du học và giới thiệu việc làm	Đặng Duy Sô	1956	TS
Trung Tâm thông tin tư liệu	Trần Hành	1947	TS
Trung Tâm Toeic Lạc Hồng	Trần Hành	1947	TS
<b>VI. Các khoa</b>			
Khoa Công nghệ thông tin	Trần Văn Lãng	1959	PGS.TS
Khoa Quản trị kinh tế - Quốc tế	Nguyễn Văn Nam	1958	TS
Khoa Tài chính – Kế toán	Huỳnh Đức Lộng	1964	TS
Khoa Kỹ thuật công trình	Đào Xuân Lộc	1955	PGS.TS
Khoa Điện tử viễn thông	Hoàng Đình Chiến	1955	TS
Khoa Ngoại Ngữ	Trần Thị Hồng	1956	PGS.TS
Khoa Đông Phương	Trần Hành	1947	TS

Khoa Công nghệ hóa – Thực phẩm	Đổng Thị Anh Đào	1961	PGS.TS
Khoa Công nghệ sinh học – Môi trường	Phan Đình Tuấn	1959	PGS.TS
Khoa Cơ điện	Nguyễn Ngọc Phương	1957	TS
<b>VII. Khác</b>			
Ký túc xá	Phạm Vinh Cam	1954	ThS
Công ty tư vấn thị trường chứng khoán và kế toán tài chính	Nguyễn Văn Tân	1974	TS
Giám đốc công ty tư vấn thiết kế xây dựng và điện	Phạm Thái Thanh	1963	KS

15. Tổng số cán bộ của trường (tính đến thời điểm tự đánh giá): 289

- Nam: 177                      - Nữ: 112
- Hợp đồng dài hạn: 289

### **III. T h c q u n lý trong tr ã ng**

#### **ào t o:**

16. Các chương trình đào tạo:

- Đại học: gồm 21 ngành đào tạo (Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Xây dựng dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng cầu đường, Công nghệ cắt may, Công nghệ tự động, Công nghệ Điện - Điện tử, Công nghệ hóa vô cơ và hữu cơ, Công nghệ Thực phẩm, Khoa học Môi trường, Nông nghiệp, Công nghệ Sinh học, Tài chính Tín dụng, Kế toán Kiểm toán, Ngoại thương, Quản trị Kinh doanh, Luật doanh nghiệp, Hàn học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Việt Nam học, Tiếng Anh, Điện khí hóa và Cung cấp điện, Cơ tin Kỹ thuật).
- Sau đại học: gồm 2 ngành đào tạo (Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin).

17. Các loại hình đào tạo của trường

- Chính qui
- Văn bằng hai
- Không chính qui (hệ vừa học vừa làm)
- Liên kết đào tạo với nước ngoài
- Liên kết đào tạo trong nước
- Hoàn chỉnh kiến thức Cao đẳng lên Đại học
- Liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, Trung cấp lên Đại học
- Đào tạo sau đại học

18. Tổng số Khoa đào tạo: 10 Khoa

19. Tổng số chuyên ngành đào tạo:

- Đại học: 21
- Sau đại học: 2

**Cán bộ giảng dạy** (chỉ tính những người trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây nhất)

20. Tổng số cán bộ giảng dạy: 644

- + Của trường: 291
  - Nam: 154 - Nữ: 137
- + Thỉnh giảng: 353

21. Tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy: 34 tuổi

22. Số Cán bộ giảng dạy (viết tắt CBGD) có học hàm học vị

- Giáo sư/ Phó giáo sư 17
- Tiến sĩ khoa học/ Tiến sĩ 36
- Thạc sĩ 80
- Cử nhân, kỹ sư 158
- Trình độ khác 0

23. Tỷ lệ sinh viên chính qui trên 1 giáo viên cơ hữu:  $11378/291 = 39.09$

24. Số CBGD tham gia nghiên cứu khoa học (tính theo số báo cáo khoa học từ cấp trường trở lên trong 5 năm gần đây nhất).

- Số CBGD có từ 1 đến 3 đề tài báo cáo KH: 20 đề tài cấp Bộ, 94 đề tài cấp trường
- Số CBGD có từ 4 đến 6 đề tài báo cáo KH: 101 đề tài cấp trường

**Sinh viên:**

25. Tổng số sinh viên đăng ký thi vào trường, số sinh viên được tuyển vào trường trong 5 năm gần đây nhất:

N m h c	S thí sinh d thi (ng i)	S nh p h c th c t (ng i)
<b>i h c</b>		
2003-2004	2876	1728
2004-2005	3315	1748
2005-2006	3560	1734
2006-2007	6356	1860
2007-2008	6843	2039



**26. Số lượng sinh viên (5 năm gần đây nhất)**

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2003-2004</b>	<b>2004-2005</b>	<b>2005-2006</b>	<b>2006-2007</b>	<b>2007-2008</b>
1. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	1728	1748	1734	1860	2039
Hệ không chính quy				568	2647
2. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
3. Học viên cao học					
4. Nghiên cứu sinh					
5. Học sinh				1800	2197
6. Học viên hệ khác					
Tổng số người học chính quy (chưa quy đổi) :					11378
Tổng số người học quy đổi (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007) :					
Tỷ lệ người học trên giảng viên (sau khi quy đổi):					13.01

**27. Số sinh viên quốc tế:**

<b>N m</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>
<b>S I n g</b>	0	0	0	20	0

**28.** Tỷ lệ sinh viên có chỗ ở trong KTX (tính 5 năm gần đây nhất):  
 $800/11378*100 = 7.03$

**29.** Số lượng và tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học (tính 5 năm gần đây nhất):

	<b>N m h c</b>				
	<b>2003-2004</b>	<b>2004-2005</b>	<b>2005-2006</b>	<b>2006-2007</b>	<b>2007-2008</b>
<b>S I n g</b>	51	79	84	154	204
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học quy đổi	6,2	10,1	8,6	14.3	16.33

**30. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:**

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	S i n g				
		2003-2004	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	51	79	84	86	89
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					20

**C s v t c h t, t h v i n, t à i c h í n h:**

**31.** Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Tổng diện tích: **200.000 m<sup>2</sup>**

- Tổng diện tích xây dựng: **41.208 m<sup>2</sup>**

**32.** Diện tích đất sử dụng (tính bằng m<sup>2</sup>) cho:

- Nơi làm việc: **660 m<sup>2</sup>**

- Nơi học: **30.836 m<sup>2</sup>**

**33.** Tổng số đầu sách trong thư viện trường: **18.000** cuốn

**34.** Tổng số máy tính trong trường: **1571** máy trong đó:

- Dùng cho văn phòng: **508** máy

- Dùng cho sinh viên học tập: **1063** máy

**35.** Tổng kinh phí nhà nước cấp cho trường trong 5 năm gần đây nhất: không có

**36.** Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính qui) trong 5 năm gần đây nhất:

Năm 2003-2004: **21.733.175.100** đồng

Năm 2004-2005: **26.290.288.100** đồng

Năm 2005-2006: **29.992.388.300** đồng

Năm 2006-2007: **39.069.471.000** đồng

Năm 2007-2008: **56.064.522.000** đồng

**37.** Tỷ lệ kinh phí cho nghiên cứu khoa học:

Năm 2003-2004: **700.000.000** đồng / **21.733.175.100** đồng

Năm 2004-2005: **950.000.000** đồng / **26.290.288.100** đồng

Năm 2005-2006: **1.050.350.000** đồng / **29.992.388.300** đồng

Năm 2006-2007: **1.175.150.000** đồng / **56.064.522.000** đồng

## B. PH N T ÁNH GIÁ C A TR NG

### 38. t v n :

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của trường. Do đó Trường Đại học Lạc Hồng luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo. Nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường đang giữ những vị trí quan trọng trong các ban ngành, cơ quan, xí nghiệp của các tỉnh thành ở khu vực miền Nam, góp phần mang lại hiệu quả cho các cơ quan và địa phương. Điều đó chứng tỏ chất lượng đào tạo của nhà trường đã được xã hội đánh giá cao. Nhà trường không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo để có thể tiến kịp với chất lượng đào tạo của khu vực và thế giới. Chính vì vậy, Trường Đại học Lạc Hồng đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí, theo quyết định số 65/2007/QĐ- BGDDT, ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tự đánh giá thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường về toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

Trong quá trình tự đánh giá Trường đã căn cứ theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục & Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH. Qua công tác tự đánh giá này, những điểm mạnh cũng như điểm yếu của Nhà trường đã được xem xét một cách kỹ lưỡng, đánh giá khách quan và tạo nên một sự chuyển biến cả về nhận thức lẫn trong hành động từ cán bộ quản lý đến đội ngũ CBCNV trong toàn trường. Đồng thời qua đó giúp hoàn thiện từng bước các mặt hoạt động của nhà trường, từ khâu quản lý công văn cho đến các công tác đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, công tác tài chính.

### 39. T ng quan chung

**M c ích ánh giá:** Cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo đồng thời cung cấp căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.

**Ph m vi t ánh giá:** Đánh giá trong toàn trường theo 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành theo quyết định số 65/2007/QĐ-BGDDT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

**H i ng t ánh giá:** Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo quyết định số 510 ngày 15/6/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng. Hội đồng gồm có 14 thành viên ( xem phụ lục 1).

**Phương pháp đánh giá:** Trong quá trình đánh giá, nhà trường dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học. Đối với mỗi tiêu chí nhà trường xem xét theo cách sau:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của tiêu chí.
- Phân tích, so sánh, đánh giá để đi đến những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại.
- Lên kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

**Quy trình tự đánh giá:**

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.

Bước 2: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 4: Thu nhập thông tin và minh chứng.

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

**Quy định mã hóa các minh chứng:** Trong báo cáo tự đánh giá, các minh chứng được mã hóa theo quy định sau: **MCa.b-cd**

- MC: Minh chứng
- a: số thứ tự tiêu chuẩn, có giá trị từ 1-10 ( có 10 tiêu chuẩn)
- b: số thứ tự của tiêu chí trong tiêu chuẩn, có giá trị từ 1-10 (1 tiêu chuẩn có nhiều nhất là 10 tiêu chí)
- cd: số thứ tự minh chứng, có giá trị từ 1 đến n

**Tiêu chuẩn 1: Sự mạnh mẽ và mục tiêu của Trường Đại học Lạc Hồng**

**1. Nhiệm vụ chính**

Sứ mạng của nhà trường được khẳng định rõ ngay từ khi mới thành lập trường. Sứ mạng này được nêu rõ trong các văn bản và trên Website của nhà trường. Sứ mạng này cũng đã được nhà trường sửa đổi và điều chỉnh trong đầu năm học 2009.

Có thể khẳng định rằng qua những lần điều chỉnh, sứ mạng và mục tiêu của trường qua các giai đoạn là hoàn toàn phù hợp với chiến lược, nhiệm vụ và vị trí của trường, luôn gắn kết với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Nghệ An và các ngành trong lĩnh vực đào

tạo, phát triển và cung cấp đội ngũ nguồn nhân lực cho cả nước nói chung và các khu công nghiệp trọng điểm phía nam nói riêng.

Hàng năm trên cơ sở các mục tiêu kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn, trường *c* *th* *hoá* thành các nhiệm vụ thực hiện, đề ra các giải pháp triển khai, đưa ra các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phấn đấu để *các* *n* *v* *trong* *tr* *ng* *tri* *n* *khai* *th* *c* *hi* *n*. Tính đến nay hầu hết các chỉ số thực hiện theo kế hoạch trong đó đặc biệt là các chỉ số về phát triển đào tạo, phát triển qui mô, phát triển cơ cấu tổ chức, đầu tư trang thiết bị đào tạo và cơ sở vật chất, phục vụ cộng đồng. . . trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra.

## **2. *Nh* *ng* *t* *n* *t* *i***

Những tồn tại ở tiêu chuẩn này là chưa đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về sứ mạng và mục tiêu giáo dục của trường; việc triển khai kế hoạch chiến lược đến các đơn vị trực thuộc, công tác quản lý kế hoạch chiến lược chưa cụ thể hóa bằng các chương trình hành động sâu rộng trong nhà trường.

## **3. *K* *h* *o* *ch* *hành* *ng***

Để khắc phục trường cần nhanh chóng cải tiến công tác lập và quản lý kế hoạch chiến lược; cải tiến công tác tổng kết và đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược. Tập trung cho xây dựng các chiến lược phát triển đội ngũ, NCKH và quan hệ quốc tế. Tìm kiếm các biện pháp bổ sung các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực tài chính. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tăng cường rà soát điều chỉnh các mục tiêu một cách thường xuyên hơn, tổ chức định kỳ trong khoảng thời gian 1-2 năm một lần.

## **Tiêu chuẩn 2: *T* *ch* *c* và *qu* *n* *lý***

### **1. *Nh* *ng* *i* *m* *m* *nh***

Trường đã xây dựng được *c* *c* *u* *t* *ch* *ch* *p* *lý*, *rõ* *ràng*, *úng* *qui* *nh*, *phù* *h* *p* *v* *i* *c* *thù* *c* *a* *m* *t* *tr* *ng* *i* *h* *c* *ngoài* *công* *l* *p*. Nhờ cơ cấu gọn nhẹ nên công việc được giải quyết nhanh chóng. Các văn bản qui định về tổ chức và quản lý các hoạt động của nhà trường được ban hành thống nhất và được Hiệu trưởng phê duyệt, được phổ biến đến từng thành viên trong nhà trường.

Trường thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý theo đặc thù riêng của loại hình trường ngoài công lập. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong nhà trường được phân định rõ ràng.

Các qui trình quản lý, chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân và tập thể trong trường được qui định rõ ràng bằng văn bản, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành.

Trường có qui chế thi học sinh giỏi rõ ràng giữa Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể. Các hoạt động đều *m b o nguyên t c t p trung dân ch , công khai*. Đảng bộ trường liên tục trong các năm qua được công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh; Công tác thi đua khen thưởng được lãnh đạo nhà trường chú trọng; Công đoàn trường được công đoàn ngành Giáo dục đánh giá cao trong mọi hoạt động và được tặng bằng khen và cờ luân lưu. Nhà trường được chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3.

## **2. Nh ng t n t i**

Đội ngũ cán bộ quản lý được học tập, bồi dưỡng về kiến thức quản lý giáo dục chưa nhiều. Việc tổ chức các Hội nghị Đào tạo nhằm đưa người học đến gần với thực tế, nhu cầu thị trường lao động được nhà trường chú trọng nhưng chưa thường xuyên.

## **3. K ho ch hành ng**

Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của trường theo qui định trong Điều lệ trường Đại học tư thục và phù hợp với thực tế của nhà trường; cần kết hợp tốt công tác qui hoạch và công tác bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ và giảng viên cơ hữu để đáp ứng được năng lực, số lượng, nhiệm vụ và yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đổi mới công tác quản lý cấp khoa và công tác quản lý lao động giảng dạy; cải tiến công tác quản lý lao động sao cho phù hợp với từng loại hình lao động.

Tích cực hưởng ứng cuộc vận động “2 không” và phong trào thi đua “4 thật” nhằm đạt được những mục tiêu của nhà trường.

Hiện nay, nhà trường đang triển khai rà soát, hoàn thiện các hệ thống văn bản nhằm phục vụ cho việc đào tạo theo tín chỉ và công tác kiểm định chất lượng, đảm bảo chất lượng của nhà trường.

Có kế hoạch thường xuyên cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo phù hợp với chương trình khung và thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Định kỳ tổ chức các hội nghị đào tạo 2 lần trong một năm để liên tục cập nhật và đổi mới chương trình đào tạo, tìm ra hướng đi mới của nhà trường trong tương lai.

Thường xuyên hoạt động nhằm hoàn thiện các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn nhằm thực hiện sứ mạng lịch sử của nhà trường. Phổ biến công tác xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn và trung hạn đến từng cấp khoa, cấp phòng để các đơn vị và nhà trường chủ động hơn trong công tác xây dựng kế hoạch.

Tăng cường các biện pháp giám sát và định kỳ đánh giá thực hiện kế hoạch của các đơn vị trong trường để có thể bổ sung và điều chỉnh kịp thời.

### **Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo**

#### **1. Nội dung chính**

Năm 2003, trên cơ sở các chương trình khung đã được nghiệm thu, trường xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo cho tất cả các học bộ môn, loại hình đào tạo đa dạng. Các chương trình đào tạo đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cần thiết cho lao động.

Tất cả các môn học của trường đều có chương trình chi tiết theo hướng tăng cường thực hành thực tập với tỉ lệ 60% học lý thuyết và 40% học thực hành. Trường có qui trình xây dựng và thông qua chương trình đào tạo mới, qui trình rà soát hiệu chỉnh các chương trình, kế hoạch đào tạo rõ ràng. Hàng năm chương trình, kế hoạch đào tạo các ngành được các khoa rà soát, cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của khoa học – công nghệ. Tổ chức triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng các môn học và các chương trình đào tạo.

Hiện nay, trường đang đào tạo 21 ngành học, mỗi ngành học đều có chương trình đào tạo riêng phù hợp cho các hệ chính qui, tại chức, văn bằng 2, liên thông. Hệ thống chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng lấy người học làm trung tâm, và hướng sinh viên tự học, tự nghiên cứu.

Căn cứ vào qui định của Bộ về đào tạo liên thông, hiện nay nhà trường đã tổ chức đào tạo liên thông từ Trung cấp và Cao đẳng lên Đại học.

#### **2. Nội dung nổi bật**

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở có sự tham gia góp ý của người sử dụng lao động nhưng chưa nhiều. Việc tổ chức các hội nghị riêng để góp ý, xây dựng chương trình đào tạo nhằm để chương trình đào tạo gần với người học và thị trường lao động hơn chưa thường xuyên.

Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa chưa phát huy hết tác dụng; việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng và các tổ chức khác tiến hành chưa đều đặn.

#### **3. Kế hoạch hành động**

Trong thời gian tới cần kiện toàn các Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa; tổ chức xây dựng, nghiệm thu rà soát và hiệu chỉnh các chương trình, kế hoạch đào tạo theo đúng các qui trình đã đề ra; Triển khai viết và mua các tài liệu học tập chính cho các khóa tuyển sinh từ 2004; tổ chức xây dựng ngân hàng các câu hỏi thi. Tiến hành việc đưa toàn bộ các dữ liệu thuộc chương trình đào tạo lên website của trường, đặc biệt là đề cương chi tiết, giáo trình, bài giảng.

Định kỳ 2-3 lần trong năm tổ chức các hội nghị liên quan đến việc xây dựng chương trình đào tạo với sự tham gia của các tổ chức sử dụng lao động bên ngoài. Tổ chức việc lấy ý kiến người học, nhà tuyển dụng, các giảng viên tham gia giảng dạy, các cán bộ quản lý trong nhà trường về chương trình đào tạo.

Nghiên cứu và triển khai áp dụng chuyên toàn bộ các hệ thống đào tạo tại chức, văn bằng 2, liên thông hiện tại qua hệ thống đào tạo tín chỉ.

#### **Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động đào tạo**

##### **1. Nội dung chính**

Các hoạt động đào tạo được tổ chức theo qui trình và học chế mềm dẻo phát huy tính tích cực của người học, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo những chuẩn mực thích hợp.

Toàn bộ các chương trình đào tạo đều được xây dựng theo học chế niên chế, tạo thuận lợi cho người học, hướng người học đến tự học và tự nghiên cứu. Công tác đào tạo con người của trường được thực hiện theo các phương thức đào tạo chính qui và không chính qui. Việc xây dựng chương trình hiện tại là tiền đề thuận lợi khi chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ.

Hiện nay, Trường đang áp dụng dần dần một **chương trình chung** về **chương trình đào tạo** và **kiểm tra đánh giá** cho tất cả các phương thức đào tạo tại trường. Chương trình đào tạo được qui định rõ ràng về khối lượng giữa lý thuyết và thực hành theo tỷ lệ 6:4, qui định về khối lượng kiến thức chuyên ngành và kế hoạch đào tạo từng học kỳ, qui định chung về hình thức thi kết thúc học phần cho các hình thức đào tạo.

Trường tổ chức thi học kỳ theo cấu trúc đề thi chung, theo đó trong đề thi có các câu hỏi và bài tập. Mỗi câu hỏi và bài tập có 16 câu để chọn và bốc thăm chọn 1 câu theo cấu trúc đề thi để hoàn thành đề thi.

Để đảm bảo chất lượng trong đào tạo Trường tổ chức thi tốt nghiệp chung toàn trường. Trên cơ sở cấu trúc đề thi như trên tất cả các kỳ thi tại Trường Đại học Lạc Hồng đều có công an PA25 tỉnh Đồng Nai.

Hàng năm, đều có các báo cáo tổng kết cuối năm của các phòng, khoa và ban; các bài viết của giảng viên về hoạt động giảng dạy và thi kiểm tra được đăng trên các tập san của trường.

Lãnh đạo nhà trường đánh giá cao vai trò của việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học nên đã khuyến khích cán bộ, giảng viên thực hiện các đề tài dự án nghiên cứu khoa học về cải tiến phương pháp dạy học đại học. Các công trình, đề tài này đều được ứng dụng hiệu quả vào công tác giảng dạy và học tập.



Hiện nay, trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy: thảo luận theo nhóm, làm thí nghiệm, tự học và tự nghiên cứu. Ngoài ra còn ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy như soạn bài giảng trên power point. Với hình thức này sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian vẽ và viết trên lớp, kết hợp với phần mềm hỗ trợ, các hình minh họa làm bài giảng trở nên sinh động hơn, sinh viên sẽ tập trung vào bài giảng nhiều hơn.

Tiêu chí đổi mới phương pháp giảng dạy trở thành một tiêu chí đánh giá trong xây dựng các chương trình đào tạo của trường, trường đề ra nhiều biện pháp thúc đẩy đổi mới và đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và học tập như: mở lớp bồi dưỡng sư phạm cho các giáo viên, ra qui chế khuyến khích biên soạn giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên; khuyến khích nghiên cứu khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy.

Tăng cường trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy 100% các phòng khoa, phòng thí nghiệm, bộ môn được trang bị máy tính có nối mạng Internet, tổ chức bộ phận phục vụ gần lớp học để các giáo viên thuận tiện trong việc mượn các máy móc, thiết bị giảng dạy; các khoa chuyên ngành được trang bị phòng máy tính để tổ chức giảng dạy và cho sinh viên thực tập.

Hàng năm, Trường có tổ chức buổi gặp gỡ sinh viên với lãnh đạo nhà trường, qua đó ghi nhận được ý kiến của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên.

Tiêu chí giảng viên phải tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy, biên soạn tài liệu học tập cho sinh viên trở thành các tiêu chí để đánh giá hiệu quả công tác của giảng viên. Công tác kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp với tình hình hiện nay.

Lãnh đạo nhà trường quan tâm đến phương pháp và qui trình kiểm tra đánh giá. Trong các buổi họp giao ban hàng tuần, nhà trường luôn khuyến khích cải tiến nhằm đảm bảo kết quả đánh giá chính xác, công bằng.

Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, được lưu trữ tại khoa và tại bộ phận khảo thí, được quản lý và lưu trữ bằng sổ sách, phần mềm máy tính và trên đĩa CD, đảm bảo an toàn dữ liệu và thuận lợi trong quản lý, truy cập, tổng hợp, báo cáo.

Cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng qui định không có tiêu cực và không để xảy ra khiếu kiện.

## **2. *Nh ng t n t i***

Chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo chưa chuyển sang học chế tín chỉ. Điều này vẫn còn gây khó khăn cho người học trong việc chủ động, thiết kế kế hoạch học tập cho mỗi sinh viên.

Việc tổ chức lấy ý kiến của người học chỉ mới áp dụng cho một số môn học đại cương. Chưa tổ chức lấy ý kiến người học về hiệu quả của đổi mới phương pháp; công tác đánh giá hoạt động của giáo viên, phổ biến phương pháp học tập cho sinh viên thiếu đồng bộ.

Thiếu văn bản qui định chung về tổ chức thực hiện đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy. Các biện pháp đánh giá, kiểm tra hiệu quả công tác đổi mới phương pháp giảng dạy thiếu cụ thể. Một số khoa thiếu chủ động trong công tác tổng kết và tuyên truyền, phổ biến về kết quả đổi mới phương pháp dạy và học. Điều này gây nhiều khó khăn cho sinh viên trong việc tiếp cận phương pháp dạy và học hiện đại.

Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm chưa phát huy hết tác dụng, chưa trở thành là người cố vấn học tập cho sinh viên trong việc học tập và định hướng nghề nghiệp.

Việc khảo sát tính sát thực của đề thi phản ánh đúng năng lực của người học có chú trọng nhưng chưa thực hiện đại trà cho các đối tượng mà chỉ mới áp dụng đối với giảng viên.

Hệ thống văn bản việc công bố công khai kết quả học tập chưa kịp thời theo đúng qui định. Một số giảng viên thỉnh giảng không tuân thủ việc ra đề thi và nội dung đề thi đúng qui định. Điều này gây khó khăn trong công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

### **3. K ho ch hành ng**

Xây dựng một chương trình đào tạo mềm dẻo cho các loại hình đào tạo, Chuyển các hệ đào tạo tại chức, văn bằng 2, liên thông qua phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Trong thời gian tới sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên; khảo sát cán bộ và giảng viên về các phương thức đào tạo.

Thực hiện đúng tiến độ chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ.

Ban hành văn bản qui định về đổi mới phương pháp giảng dạy trước. Hàng năm cần phải đặt chỉ tiêu yêu cầu về đổi mới và đa dạng hóa phương pháp giảng dạy.

Rà soát và ban hành các văn bản qui định về tổ chức giảng dạy, đổi mới và đa dạng hóa phương pháp giảng dạy; đổi mới công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của giáo viên; nâng cao năng lực đội ngũ cố vấn học tập.

Cần phải xây dựng một ngân hàng đề thi, tổ chức các hội thảo đánh giá mức độ tin cậy của đề thi. Tiến hành khảo sát người học về tính sát thực của đề thi.

Cần có biện pháp kiểm tra, kiểm soát việc giao nộp đề thi, bảng điểm tự học và điểm chuyên cần. Ban hành các văn bản về qui chế tổ chức thi, ra đề thi, công bố kết quả thi.

## **Tiêu chu n 5: i ng cán b qu n lý, gi ng viên và nhân viên**

### **1. Nh ng i m m nh**

Lãnh đạo nhà trường chú trọng phát triển đội ngũ kế cận, nhằm đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của trường. Nhà trường có các chính sách đãi ngộ xứng đáng như cấp 20 triệu và 30 triệu cho mỗi giảng viên thi đậu Thạc sĩ và Tiến sĩ.

Sử dụng nhiều nguồn tài trợ, học bổng khác nhau để đưa cán bộ, giảng viên đi đào tạo trong và ngoài nước nhằm đáp ứng được đội ngũ kế thừa. Tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề, tập huấn, dự hội nghị, hội thảo khoa học...

Nhà trường quan tâm đến ý kiến đóng góp xây dựng tr ường hoặc các ý kiến khiếu nại của cán bộ, giảng viên và nhân viên thông qua nhiều hình thức khác nhau. Các cán bộ, giảng viên và nhân viên có thể gặp lãnh đạo nhà trường để phản ánh ý kiến.

Hiện tại, nhà trường có thể tự hào về đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy trẻ trung, đầy nhiệt huyết và năng động. Nhà trường có các qui định cụ thể v à hợp lý về thời gian và khối lượng công tác để giúp cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy, tự học tập nâng cao trình độ, NCKH và tham gia các hoạt động khác của nhà trường.

100% đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật của trường đều có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc.

Ngoài ra trường còn tổ chức các lớp huấn luyện về ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng thiết bị mới trong dạy học cho giáo viên, tập huấn biên soạn giáo trình bài giảng, tập huấn phương pháp giảng dạy đại học; Nhà trường còn có chế độ khuyến khích, khen thưởng các cán bộ giảng viên có sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, giảng dạy song ngữ.

### **2. Nh ng t n t i**

Kế hoạch phát triển nhân sự của các đơn vị trong trường thiếu cụ thể, chưa theo kịp với thực tế phát triển của nhà trường. Thiếu một số văn bản qui định về công tác nhân sự, qui trình tuyển dụng. Việc tuyển dụng đôi khi chưa thực hiện đúng qui trình.

Mặc dù đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trong những năm qua được lãnh đạo nhà trường chú trọng phát triển mạnh, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại nhà trường. Số cán bộ quản lý, giảng viên có học hàm Giáo sư, Tiến sĩ và Thạc sĩ còn ít. Năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên chưa cao. Một số vị trí công việc còn chưa đáp ứng được yêu cầu về học vị.

Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa thực sự hiệu quả, tác động chưa nhiều đến chất lượng giảng dạy.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ thiếu kinh nghiệm trong công tác chuyên môn. Công tác tuyển dụng chưa đúng qui trình.

Lãnh đạo nhà trường chưa có lịch cụ thể để tiếp cận bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà trường.

### **3. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục phát triển, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giảng dạy, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.

Tiếp tục tăng cường hơn nữa môi trường dân chủ để đảm bảo cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên phát huy tối đa quyền đóng góp, xây dựng các chủ trương kế hoạch của nhà trường. Định kỳ tổ chức các hội nghị hàng năm để tiếp thu các ý kiến đóng góp.

Tiến hành kiểm tra, đánh giá lại thực trạng cán bộ giảng dạy về tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề. Trên cơ sở đó, có biện pháp khắc phục kịp thời những vướng mắc trong đội ngũ cán bộ giảng dạy. Phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của từng cán bộ giảng dạy để phát huy năng lực của họ.

Ban hành hệ thống văn bản liên quan đến tuyển dụng, qui chế tuyển dụng, chế độ làm việc cho cụ thể từng đối tượng trong nhà trường.

Các đơn vị hàng năm, cần phải có kế hoạch bổ sung, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy trình Ban giám hiệu xem xét để nhà trường có kế hoạch, ra thông báo và lập hội đồng tuyển dụng.

Cần xây dựng bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng, hiệu quả và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy. Từ đó có kế hoạch bồi dưỡng thích hợp.

## **Tiêu chuẩn 6: Ng i h c**

### **1. Nhiệm vụ chính:**

Đây là mảng công tác được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Trường đã đề ra nhiều biện pháp, nhiều hoạt động cụ thể trong công tác đối với người học như: tổ chức sinh hoạt đầu khoá cho các khoá mới tuyển sinh; khám sức khỏe, mua bảo hiểm y tế; hàng năm tổ chức giao lưu giữa học sinh, sinh viên với lãnh đạo trường, phòng, ban, khoa; tổ chức hoạt động thể dục thể thao, hội diễn văn nghệ; tổ chức ngày cựu sinh viên; tổ chức sinh hoạt thời sự, chính trị; tổ chức các hội thi, cắm trại; tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sinh viên như tiếp sức mùa thi, tư vấn tìm chỗ trọ, tìm kiếm việc làm; tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp và ngày hội việc làm; tìm nguồn học bổng cho sinh viên; tổ chức hoạt động mùa hè xanh; tổ chức các buổi tham quan, về nguồn, hội thi tìm hiểu về Đảng, chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm tạo môi trường hoạt động cho sinh viên tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức.

Tổ chức xét nợ học phần, xét tốt nghiệp, cho điểm rèn luyện, xét cấp học bổng đúng qui định, cấp phát văn bằng chứng chỉ không để xảy ra sai sót, khiếu kiện.

Nhà trường có các chính sách tuyên dương khen thưởng các cá nhân có thành tích học tập xuất sắc, các sinh viên nghèo vượt khó, các sinh viên tham gia NCKH. Hàng năm, nhà trường định kỳ tổ chức 2 lần /năm hội nghị NCKH của sinh viên. Đây thực sự là một hoạt động đầy ý nghĩa và bổ ích, gắn liền với chủ trương, đào tạo của nhà trường.

Nhà trường luôn quan tâm đến hoạt động rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác cho sinh viên.

Nhà trường có mối liên hệ thường xuyên với các nhà tuyển dụng hàng năm thông qua Trung tâm tư vấn việc làm và đội ngũ cán bộ quản lý phụ trách thực tập và việc làm cho sinh viên. Tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc thực tế, và cơ hội có việc làm. Điều này bước đầu rất có hiệu quả, cụ thể số lượng sinh viên ra trường có việc làm cao, chiếm tỷ lệ trên 98%.

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường thực sự là những địa chỉ đáng tin cậy cho sinh viên.

Trường có nhiều hình thức để phổ biến đến sinh viên về mục tiêu đào tạo, chương trình và kế hoạch đào tạo, qui chế thi, kiểm tra đánh giá và công nhận tốt nghiệp, qui chế rèn luyện, các chế độ chính sách liên quan đến học sinh sinh viên như thông qua trang Web của trường, bảng thông báo tại các đơn vị chức năng và thông qua hệ thống giáo viên chủ nhiệm . . . Mỗi lớp sinh viên từ khi vào trường đến khi tốt nghiệp đều được bố trí một cán bộ giảng dạy làm giáo viên chủ nhiệm để cố vấn học tập và rèn luyện, tư vấn cho sinh viên.

## **2. *Những tồn tại***

Các hoạt động nói chuyện thời sự, sinh hoạt chính trị biểu diễn văn nghệ chuyên nghiệp, chiếu phim còn ít; đội ngũ giáo viên chủ nhiệm hoạt động chưa đều và còn mang nặng tính hình thức ở các khoa.

Vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên không quan tâm đúng mục tiêu, chương trình đào tạo cũng như qui chế đào tạo của nhà trường nên vẫn còn những sinh viên vi phạm kỷ luật của nhà trường.

Trang thiết bị học tập còn thiếu, những khu vui chơi, thể thao, giải trí chưa đáp ứng đủ cho sinh viên.

Khu ký túc xá chưa đáp ứng được số lượng sinh viên có nhu cầu, vì vậy vẫn còn một bộ phận lớn sinh viên sống rải rác, do vậy khó khăn trong công tác quản lý sinh viên.

### **3. Kế hoạch hành động**

Tăng cường các hoạt động và dịch vụ phục vụ sinh viên. Tăng cường hoạt động tổ chức cựu sinh viên làm cầu nối giữa nhà trường với các tổ chức và doanh nghiệp giúp sinh viên tìm việc làm, tìm nguồn học bổng cho sinh viên.

Tăng cường công tác tuyên truyền giúp sinh viên hiểu rõ hơn các qui chế, qui định học tập và nội qui của nhà trường. Tăng cường thông tin trên website của nhà trường.

#### **Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

##### **1. Nhiệm vụ**

Lãnh đạo nhà trường đã chủ động thực hiện ký kết hợp đồng giữa NCKH trong trường và thực tế sản xuất ở các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Luôn chủ động trong công tác xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động NCKH. Có qui chế khen thưởng đối với cán bộ và sinh viên đạt thành tích trong NCKH. Có công cụ tuyên truyền, phổ biến tốt đề tài NCKH thông qua trang web, thông qua hội thảo các khoa, các bảng thông báo, thông qua Đoàn trường và Đoàn khoa. Có qui chế khen thưởng đối với các cán bộ nghiên cứu khoa học đạt thành tích hàng năm.

Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các cán bộ giảng dạy nghiên cứu khoa học ví dụ như: trường tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ giảng dạy trong việc sử dụng máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm. Hàng năm dành trên 800 triệu đồng cho công tác NCKH của trường...

Hội nghị NCKH được nhà trường định kỳ tổ chức thường xuyên một năm 2 lần đối với sinh viên và 1 lần đối với giảng viên. Từ năm 2003 đến nay trường đã tổ chức 11 hội nghị NCKH của sinh viên với gần 500 đề tài và 5 hội nghị NCKH giáo viên với 120 đề tài. Khá nhiều đề tài đã được áp dụng thực tế trong trường cũng như trong các doanh nghiệp.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác NCKH của đội ngũ giáo viên cơ hữu, tạo điều kiện tốt nhất để họ phát huy công tác nghiên cứu. Giáo viên cơ hữu xem NCKH là mệnh lệnh, có như thế giáo viên mới có động lực để tiếp thu và truyền thụ những kiến thức mới cho sinh viên. Sự tham gia NCKH của giáo viên giúp nâng cao trình độ của họ và qua đó cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Đa số các đề tài gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo của trường, được thực hiện thành công và đúng thời hạn. Các sản phẩm khoa học và công nghệ, đặc biệt các sản phẩm dạng mô hình giảng dạy - sản phẩm NCKH đặc thù của trường được đưa vào sử dụng trong và ngoài trường thông qua nhiều hình thức, bước đầu đã có những đóng góp nhất định vào nguồn lực của nhà trường.

## **2. *Nhngtnti***

Do lực lượng cán bộ đầu ngành còn mỏng nên các đề tài cấp nhà nước còn ít. Tỷ lệ về NCKH, viết báo trên số giáo viên còn thấp do tải trọng giảng dạy lớn.

Hệ thống văn bản qui định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ, các qui trình đăng ký, nghiệm thu và giám sát việc thực hiện đề tài chưa đầy đủ.

Thiếu các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học công nghệ có uy tín, một số cán bộ tham gia NCKH nhưng chưa tích cực viết các bài báo.

## **3. *Khochànhng***

Các khoa chủ động xây dựng định hướng NCKH, chủ động tập hợp lực lượng trong và ngoài trường, đặc biệt sử dụng có hiệu quả lực lượng sinh viên tham gia NCKH.

Đẩy mạnh việc thực hiện liên kết NCKH và triển khai công nghệ với các viện, cơ sở sản xuất, và các trường đại học khác. Ban hành chính sách thu hút cán bộ khoa học - công nghệ giỏi trong và ngoài trường. Dành kinh phí cho hoàn thiện sản phẩm NCKH để có thể chuyển giao ứng dụng.

Có chế độ khuyến khích cho tác giả các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Tăng cường tạo điều kiện cho giảng viên đi thực tế, tìm hiểu thực trạng sản xuất để hướng các đề tài nghiên cứu của mình có giá trị ứng dụng thực tế.

## **Tiêu chun 8: *Hotnghtácquct***

### **1. *Nhngimnh***

Trường mở rộng thiết lập các quan hệ quốc tế, triển khai các hoạt động hợp tác đào tạo Kỹ sư, Thạc sĩ, Tiến sĩ 2 giai đoạn với các trường National Kaohsiung University Applience of Technology và National Kaohsiung First University Applience của Đài Loan, Youngsan của Hàn Quốc, Woushou của Trung Quốc, Institut fur International Bildungskoooperation an der Hochschule Merseburg e.V.(IBK) của Đức. 22 người trong số 66 người đang học thạc sĩ và 3 trong số 8 người đang học Tiến sĩ đang được hưởng thụ từ chương trình hợp tác này. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước.

### **2. *Nhngtnti***

Công tác quan hệ quốc tế của trường còn dàn trải, việc hợp tác quốc tế chưa đi vào chiều sâu; các hoạt động hợp tác chủ yếu là tham quan học hỏi kinh nghiệm.

### **3. *Khochànhng***

Lập kế hoạch hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế mà trường đã thiết lập được quan hệ; đề

ra qui định về chế độ báo cáo và đề xuất áp dụng sau tham quan học tập; tích cực tìm kiếm đối tác mới.

### **Tiêu chu n 9: Th vi n, trang thi t b h c t p và c s v t ch t khác**

#### **1. Nh ng i m m nh**

Trường có h th ng th vi n, phòng c, sách báo, tài li u đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, và nghiên cứu. Các công đoạn trong quản lý thư viện, phục vụ bạn đọc đã được tin học hóa và hiện đại hóa thoả mãn nhu cầu ngày một cao của bạn đọc.

Trong 5 năm qua trường chú trọng đầu tư trang thiết bị thực hành và giảng dạy, hiện trường có được 4 xưởng thực hành và 28 phòng thí nghiệm. Các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm đủ mặt bằng để người học tiến hành các giờ thực hành và thí nghiệm theo yêu cầu của các ngành đào tạo. Các xưởng thực hành và phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại, có chất lượng, tính năng hoạt động tốt và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo.

Hệ thống máy tính trang bị đủ và bước đầu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH. Toàn bộ các máy tính trong nhà trường đều được kết nối Internet. Các máy tính được thường xuyên nâng cấp, mạng máy tính tốc độ kênh truyền hiện nay là 8 Mbps, người dùng lên mạng truy cập thông tin một cách dễ dàng.

Ký túc xá của trường được đánh giá là An toàn – Văn minh – Không có tội phạm và tệ nạn xã hội.

#### **2. Nh ng t n t i**

Trang thiết bị phục vụ NCKH chưa nhiều. Ký túc xá sinh viên chưa đủ để đáp ứng nhu cầu người học; Mặc dù 4 cơ sở của trường nằm trên cùng một tuyến đường cách nhau khoảng 300m nhưng vẫn còn một số khó khăn trong việc quản lý, điều tiết thời khóa biểu.

#### **3. K ho ch hành ng**

Đa dạng hóa nguồn đầu tư phục vụ nhu cầu đào tạo và NCKH, mở rộng xây thêm ký túc xá.

### **Tiêu chu n 10: Tài chính và qu n lý tài chính**

#### **1. Nh ng i m m nh**

Các nguồn tài chính được trường tổ chức và quản lý một cách hiệu quả theo cơ chế tự thu tự chi.

Công tác xây dựng kế hoạch tài chính và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính luôn bám sát yêu cầu thực tế thực hiện nhiệm vụ của trường và công khai đến



các đơn vị. Nguyên tắc công khai, minh bạch tất cả khoản thu - chi luôn được nhà trường coi trọng và thực hiện thường xuyên dưới nhiều hình thức tạo điều kiện cho CBCNV có thể giám sát công tác tài chính và các hoạt động của trường.

Trong vòng 3 năm tính đến thời điểm đánh giá trường *không vi phạm các qui định về quản lý tài chính.*

## **2. Nguồn thu:**

Các nguồn thu hiện tại của trường chủ yếu là học phí của sinh viên. Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn chưa đáng kể.

## **3. Kế hoạch hành động**

Tìm các giải pháp nhằm đa dạng hoá nguồn thu phục vụ cho nhu cầu phát triển trường trong những năm tiếp theo; tiếp tục nghiên cứu và ban hành các qui định về quản lý và sử dụng tài chính phù hợp hơn nữa với qui mô phát triển của trường.

## **39. T ả đánh giá theo từng tiêu chuẩn / tiêu chí**

# TIÊU CHU N 1: S M NG VÀ M C TIÊU C A TR NG I H C L C H NG

**M u:** *S m ng và m c tiêu c a tr ng i h c L c H ng c xác nh rõ ràng, phù h p v i ch c n ng, nhi m v và v i các ngu n l c c a nhà tr ng áp ng yêu c u ngu n nhân l c c a a ph ng và c a c n c. Các m c tiêu giáo d c c a Nhà tr ng ã c c th hóa t s m ng và luôn c i u ch nh nh m áp ng yêu c u phát tri n ngu n nhân l c c a t nh ng Nai trong t ng giao o n c th hi n qua hai tiêu chí sau ây:*

## **Tiêu chí 1.1:**

*S m ng của trường đại học được xác định phù h p với ch c n ng, nhi m v , các ngu n l c và nh h ng phát tri n của nhà trường; phù hợp và g n k t với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.*

### **1. Mô t**

Sứ mạng của trường được khẳng định ngay từ khi mới thành lập trường, được nêu rõ trên Website <http://lhu.edu.vn/>. Sau nhiều lần sửa đổi và điều chỉnh, sứ mạng của trường có nội dung rõ ràng và cụ thể như sau:

*S m ng c a Tr ng i h c L c H ng là ào t o và cung c p ngu n nhân l c ch t l ng cao trong các l nh v c khoa h c k thu t và kinh t xã h i. Tr ng i h c L c H ng ph n u tr thành m t trong nh ng tr ng i h c hàng u c a Vi t Nam, m b o uy tín v i trình , ch t l ng cao trong ào t o, nghiên c u và chuy n giao khoa h c công ngh ...góp ph n phát tri n ngu n nhân l c ph c v cho s nghi p công nghi p hóa, hi n i hóa t n c trong b i c nh h i nh p kinh t toàn c u.*

Sứ mạng đó hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường:

- Trường Đại học Lạc Hồng coi việc dạy thật, học thật, thi thật, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội là sứ mạng cơ bản của mình. Nhà trường không chỉ chú trọng dạy chữ mà còn chú trọng giáo dục ý thức công dân, có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội cho sinh viên.

- Nhà trường nhận thức sản phẩm đào tạo của mình là nhân lực có trình độ cao và sản phẩm này sau khi hình thành chất lượng không cố định mà liên tục phát triển. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản, cơ sở vững chắc, còn kiến thức chuyên ngành đáp ứng theo thị trường lao động. Với kiến thức đó dễ chuyển đổi ngành nghề và có khả năng học tiếp sau đại học. Khi đội ngũ giảng viên còn nhiều bất cập thì chuẩn kiến thức, kỹ năng là giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo. Chuẩn kiến thức, kỹ năng sẽ không còn ý nghĩa một khi tỉ lệ đội ngũ giảng viên của

trường có học hàm, học vị cao và gắn chặt đào tạo với nghiên cứu khoa học, coi nghiên cứu khoa học là cốt lõi nâng cao chất lượng. Lúc này trường lấy mục tiêu đào tạo năng lực làm chính thay vì đào tạo kiến thức, kỹ năng làm chính.

- Trường đã xây dựng chương trình đào tạo hướng đến đổi mới trong phương pháp giảng dạy và học tập đó là sinh viên tự học, tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực bên cạnh đó có vườn ươm nhân tài. Căn cứ các qui định hiện hành về phát triển chương trình đào tạo trường Đại học Lạc Hồng đã tiến hành rà soát 100% chương trình đào tạo của các ngành, các hệ và các trình độ đào tạo. Trên cơ sở đó trường chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật kiến thức mới đồng thời xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành đào tạo.

Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo Sau đại học hai ngành Công nghệ Thông tin và Quản trị Kinh tế. Thời gian tới trường sẽ phấn đấu để đủ điều kiện mở thêm nhiều ngành mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Chương trình, nội dung đào tạo liên tục được cải tiến và bổ sung, công tác tổ chức và quản lý từng bước đổi mới để bắt kịp với quy mô đào tạo.

Với các nguồn lực vững mạnh về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên...từ khi thành lập cho đến nay, Đại học Lạc Hồng là địa chỉ tin cậy trong việc đào tạo lao động có tay nghề và chất lượng cao cho các công ty xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các vùng lân cận. Hàng năm, thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, những sinh viên có điểm trung bình từ 7.0 trở lên, sau 6 tháng lao động thực tế tại công ty phải có các công trình nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng sinh viên của trường và được các công ty tuyển dụng đánh giá cao.

- Trường triển khai chương trình hợp tác với nhiều trường Đại học của nhiều nước (Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Anh, Mỹ...) và các tổ chức quốc tế trên lĩnh vực đào tạo và Nghiên cứu Khoa học. Từ đó số lượng cán bộ trẻ gửi đào tạo Sau đại học nâng cao trình độ tại nước ngoài của trường ngày càng tăng.

Sứ mạng của trường phù hợp và gắn kết với chiến lược của địa phương (MC1.1-01) và của cả nước (MC1.1-02).

Trong văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII có xác định phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển mạnh các hoạt động Khoa học và Công nghệ của tỉnh. Với những nội dung đã đặt ra, sứ mạng của trường hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển đó. Điểm mạnh trong nội dung sứ mạng của trường đó là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và sản phẩm này sau khi hình thành chất lượng không cố định mà liên tục phát triển; gắn chặt đào tạo với NCKH, coi NCKH là cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường đã dần khẳng định uy tín về đào tạo và NCKH của mình. Bên cạnh đó để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao cho địa phương và cho cả nước, trường đã đa

dạng hóa các chuyên ngành đào tạo. Việc đa dạng hóa các chuyên ngành đào tạo khẳng định vai trò của trường trong lĩnh vực đào tạo nghiên cứu.

Trường luôn xác định chức năng nhiệm vụ của trường đó là đào tạo đội ngũ kỹ sư, cử nhân và sau đại học và bồi dưỡng nguồn nhân lực lao động kinh tế - kỹ thuật có trình độ cho các công ty, xí nghiệp... thuộc các khu công nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động của xã hội; Kết hợp với việc giảng dạy, học tập với nghiên cứu khoa học cho giáo viên và sinh viên phục vụ cho sản xuất – dịch vụ đa ngành; Quan hệ hợp tác với các tổ chức, các trường đại học, viện nghiên cứu của các nước trong khu vực và thế giới.

Có thể khẳng định rằng qua những lần điều chỉnh, sứ mạng của trường qua các giai đoạn là hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của trường, luôn gắn kết với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Đồng Nai và của cả nước trong lĩnh vực đào tạo, phát triển và cung cấp nguồn nhân lực cho cả nước nói chung và các khu công nghiệp trọng điểm phía nam nói riêng.

Trường đã tuyên truyền, phổ biến sứ mạng của trường đến các giảng viên, nhân viên, người học thông qua Website, các cuộc hội nghị, hội thảo.

**T m nhìn 10 n m:** Trong 10 năm tới, trường tự tin sẽ xây dựng Đại Học Lạc Hồng phát triển thương hiệu cao trở thành cơ sở đào tạo chất lượng và tin cậy.

Đổi mới mạnh mẽ công tác nghiên cứu khoa học – công nghệ, hợp tác quốc tế gắn kết đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất, phấn đấu đưa trường Đại Học Lạc Hồng nằm trong top 10 các trường đại học. Nâng tầm ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học – công nghệ, phấn đấu có nhiều đề tài ngang tầm cấp Bộ, cấp Nhà nước làm cơ sở cho giáo viên trường Đại Học Lạc Hồng tham gia những đề tài nghiên cứu khoa học nước ngoài nhằm ứng dụng và nghiên cứu khoa học công nghệ với địa phương.

Các đề tài nghiên cứu khoa học – công nghệ 40% các đề tài tập trung cho đổi mới phương thức đào tạo, chuyển đổi chương trình. 60% dành cho các đề tài phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, biên soạn giáo trình điện tử, xây dựng hàng ngàn đề thi trắc nghiệm khách quan và nghiên cứu cải tiến đồ dùng dạy học thí nghiệm,...

Trong những năm tới liên tục tuyển lựa và đào tạo chuyên môn để đội ngũ giáo viên có học hàm học vị đáp ứng đào tạo tín chỉ.

Với phương châm hành động “dạy thật, học thật, thi thật, làm thật”, Trường Đại học Lạc Hồng tự tin ở nội lực của mình, kiên trì phấn đấu đưa nhà trường đứng

vào đội ngũ 10 Trường Đại học hàng đầu cả nước, trở thành một thương hiệu đại học được tin cậy, làm vẻ vang cho mảnh đất Biên Hòa – Đồng Nai thân yêu.

## 2. **ánh giá i m m nh**

Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện các kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ.

## 3. **Nh ng t n t i**

Chưa đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về sứ mạng của Trường; chưa được quảng bá rộng rãi cho các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức bên ngoài.

## 4. **K ho ch hành ng**

Từ năm 2010 trường tiến hành giới thiệu rộng rãi sứ mạng của trường trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo chí, phát thanh, truyền hình... nhằm thu hút sự quan tâm của xã hội trong đó có nhà tuyển dụng.

## 5. **T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 1.2**

**M c tiêu** của trường đại học được xác định **phù h p** với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được **nh k rà soát, b sung, i u ch nh** và được **tri n khai** thực hiện.

#### 1. **Mô t**

Mục tiêu của Trường Đại học Lạc Hồng được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh đồng thời được triển khai thực hiện.

Mục tiêu chung của trường được cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ của các đơn vị (Khoa, phòng).

Mục tiêu đào tạo của trường cũng như của các khoa đều được đưa lên Website của trường tại địa chỉ <http://www.lhu.edu.vn>.

Để tuyên truyền và phổ biến mục tiêu giáo dục của trường đến sinh viên, nhà trường hàng năm đều tổ chức học công dân đầu khóa cho sinh viên mới nhập học trong đó có phổ biến mục tiêu giáo dục của trường (MC1.2-01), từng khoa sẽ có buổi gặp gỡ sinh viên và phổ biến rõ hơn cho sinh viên biết mục tiêu giáo dục của khoa (MC1.2-02).

#### 2. **ánh giá i m m nh**

Mục tiêu giáo dục của trường rõ ràng, định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của trường trong từng năm học. Mục tiêu giáo dục của trường được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong CBCNV và sinh viên toàn trường thông qua các hình thức tuyên truyền cụ thể.

#### 3. **Nh ng t n t i**

Mặc dù đã được phổ biến rộng rãi nhưng bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên, CBCNV chưa nắm rõ được mục tiêu của trường.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2010, nhà trường đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu của trường đến CBCNV và sinh viên và xem đây là nhiệm vụ quan trọng. Các hình thức phổ biến cụ thể như: phổ biến trên loa đài, chương trình phát thanh của trường; trong các buổi họp, sinh hoạt chủ nhiệm; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tăng cường rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cho phù hợp với từng thời kỳ.

#### **5. Tổng kết đánh giá: Đạt**

### **KẾT LUẬN**

Sứ mệnh và mục tiêu của trường đã được xác định rõ ràng qua các văn bản công khai trên website. Các mục tiêu giáo dục được kiểm tra, bổ sung, điều chỉnh thường xuyên bằng các tuyên truyền phổ biến rộng rãi.

Thời gian tới trường tiếp tục hoàn thành tốt hơn nữa sứ mệnh và mục tiêu của nhà trường, phấn đấu trở thành một trong những trường hàng đầu trong hệ thống các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam.

## TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

**Mục tiêu:** Trường Đại học Lạc Hồng thực hiện tổ chức và quản lý theo luật Giáo dục và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời các trường Đại học ngoài công lập. Các cơ cấu và phương thức tổ chức quản lý phải đáp ứng yêu cầu của Giáo dục Việt Nam, thể hiện có hiệu quả mục tiêu Giáo dục Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của xã hội và thị trường kinh tế Việt Nam theo nhu cầu xã hội và thị trường. Nhà trường luôn chú trọng đầu tư xây dựng có kế hoạch các biện pháp nâng cao năng lực, thể hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục Việt Nam.

### Tiêu chí 2.1

Các tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

#### 1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của trường hợp lý, rõ ràng, đúng quy định của Điều lệ trường đại học, phù hợp với đặc thù của một trường Đại học ngoài công lập. Cơ cấu tổ chức của trường Đại học Lạc Hồng được quy định trong điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Dân lập Lạc Hồng (MC2.1-0.1). Cơ cấu tổ chức của Trường gồm:

- Cấp Trường gồm có:
  - Hội Đồng Quản Trị ( gồm 1 chủ tịch + 6 thành viên )
  - Ban Giám Hiệu (1 Hiệu Trưởng + 3 Phó Hiệu Trưởng )
  - Phòng Đào Tạo
  - Phòng Quản lý Sinh Viên
  - Phòng Hành Chính -Tổ chức
  - Phòng Tài Vụ
  - Phòng Sau Đại Học - Nghiên Cứu Khoa học- Kiểm Định Chất Lượng
  - Phòng Quản Trị Thiết bị
  - Phòng Công Đoàn
  - Phòng Đảng uỷ
- Cấp Cơ sở gồm có:
  - Khoa Quản trị Kinh Tế Quốc Tế
  - Khoa Tài Chính Kế Toán
  - Khoa Công nghệ Thông Tin
  - Khoa Cơ Điện
  - Khoa Điện Tử
  - Khoa Kỹ Thuật Công Trình
  - Khoa Công Nghệ Hoá
  - Khoa Công Nghệ Môi Trường

- Khoa Ngoại Ngữ
- Khoa Đông Phương học
- Khoa Trung Cấp + Tại chức
- Ban Khảo thí
- Trung Tâm Quan Hệ Quốc tế, Tư Vấn Du học & Việc Làm
- Trung tâm Thông Tin Tư Liệu
- Văn phòng Đoàn Thanh niên + Hội Sinh viên
- Khu Nội trú Sinh viên ( Ký Túc Xá )
- Trung Tâm TOEIC
- Trung Tâm CISCO

Cơ cấu tổ chức của trường được điều chỉnh cho phù hợp với đòi hỏi mới của thực tế phát triển trường. Với nhiệm kỳ đầu, Ban giám hiệu gồm 1 Hiệu trưởng, 3 Hiệu phó, 3 Khoa và 2 phòng chức năng. Qua 11 năm phát triển cơ cấu của Trường đã thay đổi với 10 khoa, 6 phòng ban chức năng, 5 trung tâm. Mối quan hệ giữa Ban Giám hiệu với các khoa, phòng chức năng và trung tâm được thể hiện qua sơ đồ cơ cấu tổ chức trong nhà trường (MC2.1-02). Từ cơ cấu tổ chức như trên việc phân công, điều hành công việc được đồng bộ, chặt chẽ và khoa học. Trường Đại học Lạc Hồng đã xây dựng quy chế tổ chức và lề lối làm việc của trường. Trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban (MC2.1-03)

## **2. á n h g i á i m m n h**

Trường đã xây dựng cơ cấu hợp lí, rõ ràng và đúng qui định; phù hợp với thực tế và tình hình phát triển của trường, linh động và được thể chế hóa bằng các qui chế hoạt động rõ ràng, phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị. Nhờ cơ cấu rõ ràng, gọn nhẹ mà đảm bảo hoạt động đồng bộ; phát huy hiệu quả của bộ máy và công việc giải quyết nhanh chóng, không bị chông chéo

## **3. N h n g t n t i**

Sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị có liên quan đôi khi chưa đồng bộ.

## **4. K h o c h h à n h n g**

Đối với các phòng ban chức năng xây dựng lộ trình công việc cụ thể cho từng tháng trong năm.

Đối với các Khoa phải xây dựng nhiệm vụ cụ thể cho từng học kỳ

## **5. T á n h g i á : Đ ạ t**

### **Tiêu chí 2.2**

Có *h t h n g v n b n đ e t c h c, q u n l ý* một cách có *h i u q u* các hoạt động của nhà trường.

#### **1. M ô t**

Các văn bản về tổ chức quản lý các mảng hoạt động của trường được ban hành tương đối đầy đủ.



Về tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo có các văn bản về đổi mới công tác đào tạo, mở ngành học mới...(MC2.2-01). Về tổ chức và quản lý hoạt động NCKH, trường đã thành lập phòng SĐH – NCKH – KĐCL trong đó có bộ phận NCKH để tổ chức và quản lý hoạt động NCKH của trường. Trường đã có ban hành các qui định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ, qui định NCKH, quy trình thủ tục thực hiện đề tài NCKH các cấp...(MC2.2-02). Về tài chính, xây dựng qui định phân phối, các khoản thu chi của trường, thành lập Ban kiểm tra tài chính...(MC2.2-03). Về quản lý nhân sự, các văn bản được xây dựng như thành lập hội đồng tuyển dụng, việc điều động cán bộ, chấn chỉnh nhân sự...(MC2.2 -04). Về công tác thanh tra, ban hành quy ết định thành lập Ban thanh tra giáo dục trong đó có qui định rõ chức năng và nhiệm vụ, các báo cáo của Ban thanh tra...(MC2.2 -05).

Các văn bản được phổ biến rộng rãi đến tất cả CBCNV trong toàn trường bằng hình thức như photo gửi về các đơn vị và tổ chức triển khai.đến từng đơn vị Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng văn phòng điện tử để triển khai phổ biến hệ thống văn bản cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường thông qua mạng nội bộ Intranet và Internet tại website <http://www.lhu.edu> và <http://www.lhu.edu.vn> nên việc phổ biến hệ thống văn bản chính xác và nhanh chóng.

Mọi công việc của trường đều có kế hoạch và được công khai trên lịch công tác trong tuần, lịch tuần cũng được công bố trên website của trường theo địa chỉ <http://lhu.edu.vn/calendar/Exec/Home.aspx>, bảng làm việc của từng đơn vị. Mọi công việc của trường đều có kế hoạch và được công khai. Nhờ sự phổ biến rộng rãi các văn bản quản lý của trường mà toàn thể CBCNV đều nắm rõ và thực hiện tốt.

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị. Để triển khai công việc, lãnh đạo trường và các đơn vị họp để xem xét công việc đã làm, đồng thời phân công trách nhiệm và phối hợp công tác giữa các đơn vị hoặc cá nhân có liên quan (MC2.2-07). Thứ sáu hàng tuần, Trường có tổ chức họp giao ban với sự tham dự của tất cả các đơn vị trong trường (MC2.2-08). Ngoài ra, Đảng ủy và Ban chấp hành Công đoàn có lịch họp định kỳ (MC2.2-09). Nhờ có sự chỉ đạo, điều hành và triển khai công việc theo hệ thống nhất quán từ trường xuống các đơn vị nên hầu hết các công việc đều hoàn thành theo kế hoạch.

## **2. ánh giá i m m nh**

Điểm mạnh của Trường Đại học Lạc Hồng đó là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cụ thể: hoàn thành việc kết nối internet băng thông rộng chi phí thấp đến tất cả các phòng ban, các cơ sở của trường. Triển khai rộng rãi việc họp, hội nghị hội thảo, lịch giảng dạy và học tập qua website <http://www.lhu.edu> và <http://www.lhu.edu.vn>.. Hầu hết các văn bản được truyền tải lên internet nội bộ và gửi đến các phòng ban trong toàn trường, đảm bảo sự chính xác và nhanh chóng.

### **3. Nh ng t n t i**

Tuy nhiên do nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan, một số công việc đã được triển khai nhưng thực hiện không theo kịp tiến độ, kế hoạch

Việc điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với thực tại vẫn còn chậm

### **4. K ho ch hành ng**

Trong các văn bản phải quy định rõ thời gian hoàn thành công việc để kịp tiến độ toàn trường

Hiện nay trường đang tiến hành rà soát, bổ sung, thay thế những văn bản, quy định không còn phù hợp nhằm phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng cho nhà trường

### **5. T ánh giá: Đạt**

## **Tiêu chí 2.3**

*Ch c n ng, trách nhi m và quy n h n* của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được *phân nh rõ ràng*.

### **1. Mô t**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ Trường Đại học Lạc Hồng có quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và các cá nhân trong trường và các đơn vị trực thuộc cụ thể như: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị, hiệu trưởng, phòng, khoa được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động trường Đại học Dân lập Lạc Hồng; nhiệm vụ và quyền hạn của Trường phó khoa, Trường phó phòng; Giám đốc, Phó Giám đốc, Trợ lý Hiệu trưởng, Giảng viên cơ hữu... (MC2.3-01). Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị đều được quy định rõ tại quyết định thành lập và các quy định, quy chế (MC2.3-02).

Thực tế, thông qua sự phân định trách nhiệm và quyền hạn cho tập thể lãnh đạo và cá nhân này, các cấp trong trường đã nhận thức rõ được chức năng, nhiệm vụ của mình nên các hoạt động của trường được nhanh chóng, các công việc được thực hiện xuyên suốt cả hiệu quả. Hiệu quả công tác quản lý đ ược thể hiện rõ trong kết quả thi đua khen thưởng của trường (MC2.3-03).

### **2. ánh giá i m m nh**

Các hoạt động quản lý cũng như công tác tổ chức của trường được phân định bằng văn bản cụ thể, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn đối với từng đơn vị, từng cá nhân. Từ đó tạo tính chủ động và tự chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.

### **3. Nh ng t n t i**

Đối với với nhân viên chức năng, trách nhiệm và quyền hạn vẫn chưa được quy định chi tiết.

### **4. K ho ch hành ng**

Hiện tại trường đã và đang xây dựng lại các văn bản quy định cụ thể, chi tiết và phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng vị trí quản lý, cá

nhân trong các đơn vị trong trường. Đồng thời, tiến hành kiểm tra việc thực hiện chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân, đơn vị một cách chặt chẽ để công tác quản lý của Trường đi vào nề nếp và hiệu quả hơn.

## 5. T **ánh giá:** Đạt

### Tiêu chí 2.4

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động **hi u qu** và hàng năm **c *ánh giá t t***; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện **theo quy nh** của pháp luật.

#### 1. Mô t

Nhà trường có các đoàn thể quần chúng: Đoàn TNCSHCM với 3333 đoàn viên trên tổng số 12000 sinh viên của trường, sinh hoạt trong 11 đoàn cơ sở, 135 chi đoàn trực thuộc; Hội sinh viên có 4008 hội viên, sinh hoạt trong 10 liên chi hội và 90 chi hội trực thuộc; công đoàn trường có 171 đoàn viên trong tổng số 240 cán bộ, nhân viên sinh hoạt trong 10 tổ công đoàn; hội cựu chiến binh có số hội viên là 6 sinh hoạt trong 1 chi hội tính đến cuối năm 2008

Các tổ chức đoàn thể này hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công Đoàn Giáo dục Việt Nam, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh. luôn giữ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng bộ nhà trường với Công Đoàn, Đoàn thanh niên và toàn thể cán bộ Giảng viên, nhân viên và sinh viên. Dưới sự lãnh đạo sâu sát của Đảng bộ, sự giúp đỡ tận tình của Hội đồng quản trị và sự chỉ đạo kịp thời của Ban giám hiệu,, hoạt động của các đoàn thể đã có hiệu quả thiết thực và góp phần quan trọng vào sự phát triển của nhà trường.

Nhiệm vụ của Đảng bộ hoạt động theo quy định số 97 QĐ/TW và QĐ 163/TW với chức năng “là hạt nhân chính trị lãnh đạo thực hiện đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác hoạt động của đảng viên sinh viên, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của cán bộ, Đảng viên sinh viên và nghiêm chỉnh xây dựng Chi bộ, Đảng bộ là đơn vị trong sạch vững mạnh tiêu biểu” (MC2.4-01). Tổ chức Đảng trong trường duy trì tốt việc sinh hoạt định kỳ, đúng quy định và không ngừng được củng cố và phát triển (MC2.4-02). Đảng bộ sinh hoạt thường kỳ thông báo các nội dung hoạt động của mình trong tháng qua, đề ra công tác tháng tới được thể hiện qua biên bản sinh hoạt định kỳ của các tổ chức Đảng (MC2.4-03). Đảng ủy hướng dẫn các chi bộ việc cải tiến nội dung họp chi bộ hàng tháng và chế độ báo cáo hàng tháng, quý, năm về Đảng ủy trường.

Trong năm học 2007 – 2008, Đảng bộ trường kết nạp 16 Đảng viên mới, vượt kế hoạch đề ra. Hiện Đảng bộ có 81 Đảng viên trong đó có 71 Đảng viên chính

thức và 10 Đảng viên dự bị, có quan tâm hướng phát triển Đảng viên đối với CBCNV nhà trường (MC2.4-04).

Trong nhiệm kỳ vừa qua đoàn trường đã tổ chức được công tác giáo dục truyền thống lịch sử bằng nhiều hình thức phong phú. Triển khai các nghị quyết TW Đảng, của Đảng bộ Tỉnh, của Tỉnh Đoàn đến các Đoàn khoa, Chi đoàn để triển khai cho gần 8000 lượt Đoàn viên thanh niên trong những giờ sinh hoạt Đoàn và sinh hoạt chủ nhiệm (MC2.4-05). Triển khai học tập nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII và nghị quyết Đại hội tỉnh Đoàn lần thứ VI, đồng thời triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội gắn liền với nhiệm vụ thực tế của Đoàn trường, Hội sinh viên...(MC2.4-06). Hàng năm Đoàn phối hợp với Hội sinh viên mở cuộc vận động quyên góp tiền, sách vở trị giá hàng trăm triệu để giúp đỡ cho trẻ em nghèo, trẻ em bị nhiễm chất độc da cam, các gia đình chính sách và các nạn nhân trong các đợt thiên tai (MC2.4-07).

Đảng ủy ban hành nghị quyết chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua “4 thật”: “dạy thật, học thật, thi thật, làm thật”. Thực hiện cuộc vận động “2 không” của Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Nói không vì tiêu cực trong thi cử, nói không vì biến thành tích trong giáo dục*”, “*nói không vì ào ào không chất lượng và không theo nhu cầu xã hội*”. Công đoàn trường triển khai cuộc vận động “*mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng, sáng tạo và tận tụy*”; tổ chức Đại hội cán bộ, nhân viên, giáo viên một năm một lần; phối hợp với Ban giám hiệu và các đoàn thể trong nhà trường phát động và triển khai về cuộc vận động “Dân chủ – Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm” (MC2.4-08).

Đoàn TNCS HCM, Hội Sinh viên đạt nhiều thành tích và được cấp trên đánh giá cao (MC2.4-09). Đảng bộ trường liên tục trong những năm qua được công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh (MC2.4-10); Công đoàn trường được công đoàn ngành Giáo dục đánh giá cao trong mọi hoạt động và được tặng bằng khen và cờ luân lưu (MC2.4-11).

## **2. ánh giá i m m nh**

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã góp phần cho các hoạt động của trường ổn định và càng phát triển; tạo dựng uy tín và xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong toàn trường; tạo ra không khí đoàn kết nhất trí, Từ đó góp phần thực hiện thành công các mặt hoạt động của nhà trường.

Các hoạt động đoàn thể đạt nhiều thành tích và được cấp trên đánh giá cao.

## **3. Nh ng t n t i**

Các chi ủy chưa có nhiều kinh nghiệm chưa nắm vững các nguyên tắc cũng như điều hành trong sinh hoạt. Số Đảng viên trẻ còn chưa thật mạnh dạn trong đấu tranh xây dựng Đảng, trong phê bình và tự phê bình. Công tác chuyên môn của từng Đảng viên khác nhau, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, thời gian biểu khác nhau nên khó quản lý, tập trung sinh hoạt.

#### 4. K ho ch hành ng

Để khắc phục những khó khăn trên các chi bộ phải kịp thời phổ biến, quán triệt đầy đủ kịp thời và lãnh đạo đảng viên thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; Nắm bắt tư tưởng, tâm tư nguyện vọng và những kiến xuất, đề nghị của Đảng viên và quần chúng để có biện pháp giải quyết kịp thời và có hiệu quả.

Công Đoàn xây dựng nếp sống văn hóa Lạc Hồng, ngày càng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công đoàn viên. Tạo những phong trào thi đua thiết thực: phát huy sáng kiến kinh nghiệm, xây dựng tr ường học xanh sạch đẹp, thi Hội thao, dã ngoại, cắm hoa ... từ đó thúc đẩy toàn thể cán bộ giảng viên nhân viên và sinh viên ra sức dạy tốt học tốt hoàn thành nhiệm vụ chính trị của một trường Đại học trong khu vực kinh tế trọng điểm phía nam.

#### 5. T ánh giá: Đạt

#### Tiêu chí.2.5

Có *t ch c m b o ch t l ng* giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận *chuyên trách*; có đội ngũ cán bộ *có n ng l c* để *tri n khai* các hoạt động đánh giá nhằm *duy trì, nâng cao* chất lượng các *ho t ng* của nhà trường.

##### 1. Mô t

Năm 2007, Tổ kiểm định chất lượng của trường được thành lập và trực thuộc Phòng Đào Tạo. Đến 20/5/2008 Phòng SDH – NCKH – KĐCL được thành lập theo quyết định số 164/QĐ - ĐHLH, khi đó Tổ Kiểm định chất lượng được chuyển sang phòng này (MC2.5-01). Bộ phận Kiểm định chất lượng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của trường.

Hiện nay, Tổ có 3 thành viên, trong đó có 1 Thạc sỹ, 1 Kỹ sư, 1 Cử nhân, đã được tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học do Bộ Giáo dục & đào tạo và Trường Đại học Lạc Hồng tổ chức (MC2.5-02).

Tổ Kiểm định chất lượng đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo trong toàn trường và hỗ trợ các đơn vị triển khai thực hiện (MC2.5-03).

##### 2. ánh giá i m m nh

Trường có đội ngũ đảm bảo chất lượng có năng lực, được tham gia tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên về công tác đảm bảo chất lượng.

##### 3. Nh ng t n t i

Nhân sự của bộ phận Kiểm định chất lượng chưa đủ mạnh.

Do có thay đổi nhân sự trong bộ phận Kiểm định chất lượng nên việc tổ chức tự đánh giá và đảm bảo chất lượng của trường thực hiện chưa đúng theo tiến độ mà kế hoạch đã đề ra.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Trường tiếp tục hoàn thiện công tác đảm bảo chất lượng cả về nhân sự lẫn kế hoạch hành động.

#### **5. Thành tích: Đạt**

### **Tiêu chí 2.6**

Có các *chiến lược* và *kế hoạch phát triển* ngắn hạn, trung hạn, dài hạn *phù hợp* với *những nguyên tắc phát triển* và sứ mạng của nhà trường; có *chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá* việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

#### **1. Mô tả**

Trường Đại Học Lạc Hồng đào tạo đa ngành, đa cấp, trường coi trọng dạy thật, học thật, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội là sứ mạng cơ bản của mình. Nhà trường không chỉ chú trọng dạy chữ mà còn chú trọng giáo dục ý thức công dân, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội cho sinh viên.

Nhằm đưa hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường đi vào nề nếp, ổn định và phát triển lâu dài, Trường đã xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển ngắn hạn (MC2.6-01), kế hoạch phát triển trung hạn 2008 – 2012 với những nội dung, phương hướng, kế hoạch hết sức cụ thể về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (MC2.6-02) và kế hoạch dài hạn (MC2.6-03).

Trong các kế hoạch chiến lược và chương trình hành động này, các chiến lược về phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trẻ hóa đội ngũ cán bộ có trình độ, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ dạy học phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với nhiệm vụ toàn ngành giáo dục trong năm học do Bộ trưởng ban hành (MC2.6-04).

#### **2. Đánh giá định lượng**

Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Đồng Nai và cả nước. Các kế hoạch chiến lược này đã thể hiện được tầm nhìn của trường, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của trường.

Các kế hoạch chiến lược đã từng bước được thực hiện có hiệu quả và thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

#### **3. Nhận xét**

Các đơn vị trong trường thực hiện chưa triệt để các chiến lược dài hạn và trung hạn của trường đã ban hành.

Việc xây dựng chiến lược trung hạn, dài hạn tại các đơn vị trong trường vẫn chưa được đồng bộ

#### **4. Kế hoạch hành động**

Các đơn vị trong trường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện chiến lược, kế hoạch của nhà trường.

Thường xuyên cập nhật các chiến lược phát triển của địa phương và cả nước để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược dài hạn của trường nhằm góp phần xây dựng nguồn nhân lực cho Đồng Nai cũng như cả nước.

Có biện pháp giám sát tiến trình thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường tại các đơn vị

#### **5. T ánh giá:** Đạt

### **Tiêu chí.2.7**

Thực hiện đầy đủ chế độ *nh k* báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các *ho t ng* và *l u tr* đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

#### **1. Mô t**

Trường Đại học Lạc Hồng đã thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý về các hoạt động của nhà trường như: đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, thi đua khen thưởng... thông qua báo cáo hàng quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ hàng năm, báo cáo thống kê hàng năm,... (TC2.7-01).

Ngoài ra, nhà trường còn báo cáo không định kỳ cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý các chương trình, nghị quyết, chỉ thị của Chính phủ, Bộ, UBND tỉnh như: Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; Nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục,... (MC2.7-02).

Trường đã ban hành quy định công tác hành chính theo quyết định số 186/QĐ/ĐHLH ngày 16 tháng 06 năm 2008 trong đó quy định Phòng hành chính – tổ chức có nhiệm vụ sao lưu các văn bản (MC2.7-03). Do đó các báo cáo hoạt động của nhà trường đã ban hành được lưu giữ tương đối đầy đủ.

#### **2. ánh giá i m m nh**

Trường đã thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động của nhà trường.

Các văn bản báo cáo được lưu giữ đầy đủ.

#### **3. Nh ng t n t i**

Do yếu tố khách quan nên một số báo cáo còn chậm so với yêu cầu.

#### **4. K ho ch hành ng**

Trường tiếp tục xây dựng và triển khai các phần mềm quản lý tại các đơn vị, qua đó giúp các đơn vị thực hiện báo cáo định kỳ đúng tiến độ và lưu trữ tốt hơn.

#### **5. T ánh giá:** Đạt

### **K T LU N**

*C c u t ch c c a tr ng phù h p v i qui nh và th c t , c c th hóa trong qui ch v t ch c và ho t ng c a tr ng. Nhà tr ng có các v n b n qui nh công tác t ch c, trong ó có phân nh r ã trách nhi m và quy n h n c a t p th lãnh o. Nh v y mà công vi c trong tr ng c gi i quy t nhanh chóng.*

Các tổ chức trong và ngoài trường trong trường học có hiệu quả và giá trị cao.

### **TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Mục tiêu:** Chương trình đào tạo của Trường Đại học Lạc Hồng được xây dựng trên cơ sở khung chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý và đi kèm các tổ chức tuyển dụng lao động; Chương trình có mục tiêu rõ ràng, có thể kiểm tra đánh giá được, có sự liên thông giữa các trình độ đào tạo, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội, nhu cầu của người nhân lực của thị trường lao động. Ngoài ra chương trình còn có tính linh hoạt, chủ động, thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu xã hội và thị trường lao động và mở rộng chương trình đào tạo cho các trường đại học trong và ngoài nước.

#### **Tiêu chí 3.1**

**Chương trình** giáo dục của trường đại học được **xây dựng** trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự **tham gia** của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo **quy định**.

#### **1. Mô tả**

Nhận thức tầm quan trọng của chương trình đào tạo, trên cơ sở khung của Bộ, Trường Đại học Lạc Hồng đã xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy đối với 21 chuyên ngành thuộc 10 khoa (MC3.1-01).

Ngoài ra trường còn xây dựng chương trình đào tạo cho các hệ:

- Hệ tại chức với 10 chuyên ngành
- Hệ Đại học văn bằng 2 với 12 chuyên ngành
- Liên thông Trung cấp lên Đại học với 3 chuyên ngành.
- Liên thông Cao đẳng lên Đại học với 19 chuyên ngành.

Tất cả các ngành, bậc, hệ đào tạo đều có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy đến từng học kỳ của toàn khóa học (MC3.1-02).

Trường đã biên soạn đầy đủ các chương trình chi tiết các học phần (MC3.1-03). Giảng viên giảng dạy trực tiếp hướng dẫn sinh viên sử dụng các tài liệu cho từng môn học của mình.

Hàng năm, trên cơ sở các chương trình đã được phê duyệt, trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa. Kế hoạch này được ban hành theo biểu đồ thống nhất chung toàn trường (MC3.1-04).

Nhằm thực hiện kế hoạch triển khai học chế tín chỉ cho các hệ đào tạo trong trường, Hiệu Trưởng đã chỉ đạo triển khai thực hiện xây dựng giáo trình cho tất cả các chuyên ngành (MC3.1-05).



Nội dung chương trình giáo dục ở các bậc đào tạo được xây dựng và định kỳ xem xét cập nhật điều chỉnh với sự tham gia của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, cấp khoa đến cấp trường (MC3.1-06).

Trường đã hình thành các tổ bộ môn, trưởng bộ môn chịu trách nhiệm đề xuất các môn học của bộ môn và thống nhất đề cương chi tiết giảng dạy của các môn học. Đầu mỗi học kỳ tổ bộ môn tổ chức họp để thống nhất đề cương chi tiết giảng dạy của môn học gồm 5 thành phần (giảng viên giảng dạy, giảng viên phản biện, khảo thí, đào tạo, khoa) (MC3.1-07).

Hàng năm nhà trường phối hợp với ban quản lý các khu công nghiệp của tỉnh tổ chức hội thảo với các doanh nghiệp trên địa bàn theo từng nhóm nước (doanh nghiệp Nhật, Hàn, Đài loan, Châu Âu....). Trước khi tham gia hội thảo, các nhóm đều nhận được tài liệu, chương trình đào tạo của trường để tham khảo và trong tham luận có nhiều ý kiến góp ý cho chương trình đào tạo và Hội đồng Khoa học các khoa xem xét để chỉnh sửa chương trình đào tạo (MC3 1-08).

## **2. ảnh giá i m m nh**

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo giảng dạy và học tập cho các ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng hệ đào tạo của trường.

Các chương trình đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở có ý kiến đóng góp của các giảng viên và cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, cấp khoa đến cấp trường.

Trường đã áp dụng chương trình đào tạo theo định hướng công nghệ ngay sau khi chương trình khung đã được nghiệm thu. Đặc điểm của chương trình này là đã được soạn thảo dựa trên yêu cầu của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận; nhà trường chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu tuyển dụng và thay đổi chương trình cho phù hợp.

## **3. Nh ng t n t i**

Do chương trình khung của một số ngành chưa được Bộ ban hành nên nhà trường lúng túng trong việc xây dựng chương trình đào tạo các ngành này (đối với các ngành này, trường chủ yếu dựa vào chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong và ngoài nước).

## **4. K ho ch hành ng**

Theo dõi chặt chẽ việc ban hành chương trình khung các ngành còn thiếu của Bộ để có thể cập nhật ngay.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 3.2**

*Ch ng trình* giáo dục có *m c tiêu* rõ ràng, cụ thể, *c u trúc* hợp lý, được *thi t k* một cách hệ thống, *áp ng* yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

## **1. Mô t**

Chương trình đào tạo có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được nghiệm thu trước khi đưa vào áp dụng, có các qui định cụ thể các kiến thức, kỹ năng sinh viên tốt nghiệp cần phải đạt ứng với từng ngành đào tạo (MC3.2-01).

Căn cứ trên việc góp ý về các khả năng đạt được không cần đào tạo lại của 1 kỹ sư do các doanh nghiệp và hội đồng khoa học ngành cung cấp về một nghề nghiệp, nhà trường đã hợp với các khoa, tổ bộ môn để yêu cầu đưa các chuẩn kỹ năng này vào các môn học.

Đối với từng ngành học trường có xây dựng chuẩn đầu ra gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp( MC3.2-02)

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có yếu tố vườn ươm nhân tài nên các môn học có một chuẩn kiến thức để những sinh viên khá giỏi có thể tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp tục học sau đại học.

Trong chương trình học của tất cả các ngành để có những môn học cho sinh viên tự chọn (chọn 2 trong 4; chọn 2 trong 3...) để học theo thế mạnh về vấn đề mà sinh viên quan tâm.

Bên cạnh đó, Trường còn mời các chuyên gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo tập huấn cho các giảng viên, cán bộ khoa, phòng trong việc xây dựng chương trình đào tạo (MC3.2-03), cử các cán bộ chủ chốt tham dự các khóa học về xây dựng chương trình đào tạo và đào tạo theo tín chỉ (MC3.2-04)

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung và văn bản hướng dẫn thiết kế chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MC3.2-05). Do đó các chương trình đều đảm bảo được khối lượng kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo gồm các kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần.

Trung tâm Quan hệ quốc tế và giới thiệu việc làm hàng năm đều tiến hành khảo sát thực tế từ các nhà tuyển dụng, lấy ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động về sản phẩm đào tạo của trường (MC3.2-06). Từ đó ghi nhận các ý kiến đề xuất tăng thêm hoặc giảm bớt các môn học trong chương trình đào tạo.

Thông qua những hội nghị, những cuộc giao lưu với các doanh nghiệp trên địa bàn, trường đã tổng kết được những yêu cầu và góp ý của doanh nghiệp về chương trình đào tạo của trường; từ đó, có những điều chỉnh thích hợp đối với chương trình giáo dục cho phù hợp hơn với thực tiễn (MC3.2-07).

## **2. ánh giá i m m nh**

Ban giám hiệu khuyến khích và tạo nhiều điều kiện để các khoa có thể làm việc với giảng viên có kinh nghiệm, các chuyên gia của bộ, của các công ty xí nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo.

Ngoài ra, sự có mặt của các chuyên gia từ các xí nghiệp trong Hội đồng tư vấn xây dựng chương trình đã giúp chương trình đáp ứng tốt các đòi hỏi của thị trường lao động.

### **3. Nh ng t n t i**

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nh à tuyển dụng và cựu sinh viên chưa được tổ chức thường xuyên.

### **4. K ho ch hành ng**

Tiếp tục hoàn thiện các chương trình đào tạo với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chung một cách linh hoạt.

Từ năm 2010 trường sẽ tiến hành công tác điều tra, khảo sát về chương trình đào tạo của trường đối với giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng... hàng năm.

### **5. T ánh giá: Đạt**

## **Tiêu chí 3.3**

*Ch ng trình* giáo dục *chính quy* và giáo dục *th ng xuyên* được *thi t k theo quy nh*, đảm bảo *ch t l ng* đào tạo.

### **1. Mô t**

Chương trình giáo dục chính quy của trường được thiết kế tuân thủ theo các văn bản pháp quy quản lý đào tạo do Bộ GD&ĐT. Các chương trình có mục tiêu chung và các chuẩn đầu ra (MC3.3-01), có cấu trúc hợp lý phù hợp với cấu trúc của các chương trình khung theo quy định của Bộ (MC3.3-02).

Chương trình giáo dục đảm bảo được khối kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo. Có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần.

Nhà trường cũng chú ý đến việc đưa kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ vào chương trình giáo dục. Việc ứng dụng tin học để giải quyết nội dung chuyên ngành cũng được đưa vào trong một số học phần. Các khoa đào tạo cũng giới thiệu đến sinh viên năm cuối các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế như phần mềm kế toán, thuế, chứng khoán...(MC3.3-03).

Khi xây dựng chương trình giáo dục hay mở thêm ngành mới, Trường luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, chú trọng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng tương ứng với bằng cấp và trình độ đào tạo. Thông qua những hội nghị, những cuộc giao lưu với các doanh nghiệp trên địa bàn, trường đã tổng kết được những yêu cầu và góp ý của doanh nghiệp về chương trình giáo dục của trường; từ đó, có những điều chỉnh thích hợp, phù hợp hơn với thực tiễn (MC3.3-04).

Chương trình giáo dục các ngành được xây dựng thống nhất trong toàn trường về số tiết sinh viên phải học trong một học kỳ, có tỷ lệ thích hợp giữa các môn đại cương, các môn cơ sở, chuyên ngành, các môn tự chọn chiếm tỷ lệ 10%.

Các môn học đều có lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành và tự học. Trong đề cương chi tiết cuối mỗi chương đều có câu hỏi thảo luận, câu hỏi trắc nghiệm.

Các chương trình giáo dục của hệ thường xuyên được xây dựng theo chuẩn như các chương trình giáo dục hệ chính quy.

## 2. **ánh giá i m m nh**

Mạnh dạn đổi mới, xây dựng chương trình giáo dục hướng đến sinh viên có tự học và tự học có hướng dẫn.

## 3. **Nh ng t n t i**

Chưa thường xuyên đánh giá chất lượng các chương trình giáo dục

## 4. **K ho ch hành ng**

Từ năm 2010, hội đồng khoa học các khoa và trường sẽ tiến hành đánh giá chất lượng chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên hàng năm.

## 5. **T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 3.4**

**Ch ng trình** giáo dục được định kỳ **b sung, i u ch nh** dựa trên cơ sở **tham kh o** các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến **ph n h i** từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm **áp ng** nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

#### **1. Mô t**

Từ năm 1997 đến nay, chương trình đào tạo các ngành của trường đều được bổ sung, điều chỉnh thích ứng với nhu cầu thực tế (MC3.4-01) với việc tham khảo từ các trường đại học trong và ngoài nước và dựa trên năng lực thực sự của đội ngũ giáo viên. Phòng Đào tạo không ngừng phối hợp cùng khoa rà soát, điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo, một số môn học do khoa đề nghị thay đổi hoặc tách riêng từng phần đều được điều chỉnh bổ sung và đưa vào áp dụng (MC3.4-02). Trường tổ chức các hội nghị về điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết của các đơn vị đào tạo thuộc trường (MC3.4-03).

Từ đầu học kỳ II năm học 2002 – 2003, Trường đã thống nhất số đơn vị học trình đối với các chương trình giáo dục trong toàn trường và cho đến nay vẫn còn phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MC3.4-04). Bên cạnh đó, Trường xây dựng và phát triển các chương trình giáo dục theo triết lý “Đào tạo nhân lực. Bên cạnh đào tạo nhân lực có vườn ươm nhân tài. Sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay không đào tạo lại” nên tỷ lệ lý thuyết và thực hành 7:3 hay 6:4 (MC3.4-05) mà về sau này Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định 6:4 hoặc 5:5.

Nhà trường cũng tiến hành điều tra các doanh nghiệp, các cựu sinh viên về hoạt động tổ chức đào tạo của trường. Qua đó, Trường có cơ sở khoa học và thực tế để điều chỉnh cơ cấu các học phần trong các chương trình giáo dục nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội (MC3.4-06).

Các ngành Công Nghệ Thông Tin, Đông Phương Học, Quản Trị Kinh Doanh, Cơ Điện Tử, Ngoại Thương... đều có tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín của Đài Loan, Mỹ, Trung Quốc, Nhật (MC3.4-07).

## **2. ảnh hưởng**

Tích cực liên kết, hợp tác với các trường đại học uy tín của các nước Đài Loan, Trung Quốc, Nhật, Hàn trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực... Các giáo viên khi tốt nghiệp về nước là những người mạnh dạn đề nghị cải tiến chương trình giáo dục của các ngành theo hướng tiên tiến đã được học.

## **3. Nhận xét**

Một số chương trình giáo dục được thiết kế ít có sự tham gia góp ý của người sử dụng lao động.

## **4. Kế hoạch hành động**

Định kỳ hàng năm tổ chức các hội nghị liên quan đến việc xây dựng chương trình giáo dục với sự tham gia của các tổ chức sử dụng lao động bên ngoài. Tổ chức việc lấy ý kiến người học, nhà tuyển dụng, các giảng viên tham gia giảng dạy, các cán bộ quản lý trong nhà trường về chương trình giáo dục.

## **5. Thành tích: đạt**

### **Tiêu chí 3.5**

**Chương trình** giáo dục được **thiết kế** theo hướng đảm bảo **liên thông** với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.

#### **1. Mô tả**

Trường Đại học Lạc Hồng đã thiết kế nhiều chương trình giáo dục theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo và giữa các trường.

Trường có các văn bản quy định về đào tạo liên thông của trường phù hợp với quy định của bộ (MC3.5-01)

Trường Đại học Lạc Hồng triển khai đào tạo liên thông cho người có bằng đại học thứ nhất để cấp bằng đại học thứ hai (MC3.5-02). Đây là hình thức liên thông ở một trình độ đào tạo nhưng khác ngành. Ngoài ra, còn liên thông từ Trung cấp lên Đại học và từ Cao đẳng lên Đại học (MC3.5-03).

Đến nay, trường đã đào tạo được nhiều khóa học với quy mô đào tạo hàng năm đều tăng (MC3.5-04).

Các chương trình giáo dục của các ngành Công nghệ thông tin, Kế toán, Cơ điện tử, Điện Công Nghiệp được xây dựng liên thông từ trung cấp lên đại học (MC3.5-05). Tất cả các ngành đào tạo bậc cao đẳng hiện có đều được xây dựng liên thông lên đại học (MC3.5-06).

Sinh viên văn bằng 2, sinh viên liên thông, sinh viên chính quy có thể học và thi chung các môn tương đương.

## **2. ánh giá i m m nh**

Trường mạnh dạn xin phép Bộ Giáo dục & Đào tạo để được phép đào tạo các ngành trung cấp mà xã hội có nhu cầu cũng như chủ động xây dựng chương trình đào tạo Trung cấp, Cao đẳng, Đại học có sự liên thông để tiết kiệm thời gian theo học cho sinh viên đỗ tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng khi học Đại học.

## **3. Nh ng t n t i**

Chưa tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về các chương trình giáo dục liên thông.

## **4. K ho ch hành ng**

Hàng năm, trường tổ chức rút kinh nghiệm việc xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục liên thông.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 3.6**

*Ch ng trình* giáo dục được định kỳ *ánh giá* và thực hiện *c i t i n ch t l ng* dựa trên kết quả đánh giá.

#### **1. Mô t**

Chương trình giáo dục được đánh giá định kỳ từ các bộ môn, khoa, đào tạo (MC3.6-01). Việc rà soát, bổ sung được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tế của người học, nhu cầu của nhà tuyển dụng, tham khảo từ các trường đại học trong và ngoài nước. Khi có các yêu cầu thay đổi về chương trình, nhà trường bổ sung, điều chỉnh một số học phần mới cũng như loại bỏ một số học phần không còn phù hợp (MC3.6.02).

Hàng năm hội đồng khoa học của khoa đều họp vào cuối năm để tổng kết năm học và đánh giá chương trình giáo dục của các khóa (MC3.6-03). Hội đồng khoa học gồm các giảng viên thỉnh giảng có uy tín, đại diện một số công ty, giảng viên cơ hữu, cựu sinh viên sẽ nêu những khuyết điểm của chương trình giáo dục đang áp dụng, những hướng phát triển mới của ngành, các kĩ năng, kiến thức cần trang bị thêm cho sinh viên. Thư ký hội đồng sẽ tổng hợp các đề nghị và chỉnh sửa chương trình giáo dục gửi hội đồng khoa học xem xét. Nếu những điều chỉnh là phù hợp, được đa số thành viên hội đồng khoa học thông qua thì sẽ đưa chương trình giáo dục mới vào vận hành ở năm học sau.

#### **2. ánh giá i m m nh**

Các chương trình giáo dục được điều chỉnh, cập nhật định kỳ.

#### **3. Nh ng t n t i**

Chương trình giáo dục đã được định kỳ đánh giá nhưng việc cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên.

#### **4. K ho ch hành ng**

Từ năm 2010, việc cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá được thực hiện định kỳ hàng năm.

## 5. T **ánh giá:** Đạt

### K T L U N

Ch *ng* trình giáo dục cho t t c các ngành và h ào tạo c a tr *ng* c xây d *ng* trên c s ch *ng* trình khung c a B Giáo d c và ào t o ban hành. T t c các ch *ng* trình giáo dục c a tr *ng* u có m c tiêu rõ ràng, c th , có c u trúc h p lý áp *ng* yêu c u v ki n th c, k n *ng* c a t *ng* trình ào t o và áp *ng* c yêu c u nhân l c c a th tr *ng* lao *ng*. Nhà tr *ng* ang hoàn ch nh các ch *ng* trình giáo dục theo ph *ng* th c ào t o tín ch .

## TIÊU CHU N 4: CÁC HO T *NG* ÀO T O

**M u:** Các ho t *ng* ào t o c t ch c theo quy trình và h c ch m m d o, có s k th p gi a niên ch v i h c ph n, có k ho ch chuy n quy trình ào t o t niên ch sang h c ch tín ch nh m phát huy tính tích c c c a *ng* i h c, nh m m b o ch t l *ng* gi a các các hình th c ào t o. Bên c nh ó, tr *ng* c *ng* chú tr *ng* tri n khai i m i và a d *ng* hoá ph *ng* pháp d y và h c, ph *ng* pháp ánh giá k t qu h c t p c a *ng* i h c nâng cao ch t l *ng* và hi u qu ào t o toàn di n.

### Tiêu chí 4.1:

a d *ng* hoá các hình th c ào t o, áp *ng* yêu cầu học tập của người học theo quy nh.

#### 1. Mô t

Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía nam bao gồm: Đồng Nai, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, có nhiều khu công nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực, Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo: đào tạo Đại học chính quy, Trung cấp, hệ vừa học vừa làm tại trường; đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học; từ Trung cấp lên Đại học; liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài...(MC4.1-01). Trường đã nhận quyết định cho phép đào tạo Thạc sĩ Ngành Quản trị kinh doanh và ngành Công nghệ thông tin (MC4.1-02). tháng 8 năm 2009 trường đã tuyển sinh khóa đầu tiên cho loại hình đào tạo này.

Nhà trường có phương thức tổ chức đào tạo đa dạng, phong phú, thích hợp nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo những chuẩn mực thích hợp. Đồng thời từng bước áp dụng một chuẩn mực chung về chương trình đào tạo và kiểm tra đánh giá cho các hình thức tổ chức đào tạo khác nhau.

Phương thức tổ chức đào tạo trên được thể hiện qua các văn bản qui định về phương thức đào tạo hệ chính quy, hệ vừa học vừa làm (MC4.1-03). Những văn bản này qui định chặt chẽ, phù hợp đối với từng hình thức đào tạo và trường đã triển khai thực hiện theo đúng các qui định của các văn bản trên. Sinh viên các hệ đều thi học kỳ cùng thời điểm, dùng chung đề thi, đều được đánh giá quá trình.

## 2. **ánh giá i m m nh**

Trường có các phương thức đào tạo đa dạng (chính quy trong trường và ngoài trường, vừa học vừa làm, liên thông); thích hợp (trong trường, ngoài trường, học cả ban ngày và ban đêm); đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người học, góp phần đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực và trong cả nước.

## 3. **Nh ng t n t i**

- Việc có nhiều loại hình đào tạo trong trường với các kế hoạch tuyển sinh và học tập vào các thời điểm khác nhau gây khó khăn cho công tác điểu hành của nhà trường.

- Việc đánh giá theo một chuẩn chung cho các loại hình đào tạo( chính quy và tại chức) cũng gặp một số khó khăn cho sinh viên tại chức vì đây là đối tượng vừa học vừa làm.

## 4. **K ho ch hành ng**

Chủ động sắp xếp lịch trình cho từng loại hình đào tạo và phân người theo dõi chặt chẽ từng loại hình.

Tăng cường quan tâm và bố trí giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy các lớp vừa học vừa làm..

## 5. **T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 4.2**

Thực hiện công nhận **k t qu h c t p** của người học theo **niên ch** kết hợp với **h c ph n**; có **k ho ch** chuyên **quy trình ào t o** theo niên chế sang **h c ch tín ch** có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

#### 1. **Mô t**

Ngay từ năm học 1997 – 1998, Trường Đại học Lạc Hồng đã thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần (MC4.2 -01).

Trường đã xây dựng văn bản quy định chung về thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo quy chế của Bộ, mỗi học phần đ ược gọi là môn học và đ ược kết cấu bởi nhiều ĐVHT, mỗi ĐVHT tương đ ương với 15 tiết học. Tất cả các môn học trong từng ngành đều thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần . Kết quả tích lũy học phần đ ược tính bằng tổng số (học phần X số đ ơn vị học trình tương ứng)/ tổng số đ ơn vị học trình (MC4.2-02).

Để đ áp ứng linh hoạt nhu cầu và tính chủ đ ộng của người học trong quá trình học tập. Hiện nay, trường đ ang tiến hành chuyển đ ổi từ Quy chế 04 của Bộ GD&ĐT



sang đào tạo theo Qui chế 25, đồng thời từng bước chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ (theo Qui chế 43). Trường có chủ trương và kế hoạch rõ ràng, đưa ra các công việc cần thực hiện để chuyển dần sang thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ (MC4.2-03).

Công tác đào tạo tín chỉ của nhà trường hiện đang được lãnh đạo nhà trường cũng như toàn thể cán bộ, giảng viên trong trường quan tâm và ủng hộ. Trường đã tổ chức hội thảo đào tạo tín chỉ, hướng dẫn soạn đề cương bài giảng cho cán bộ, giảng viên trong trường để mọi người nhanh chóng làm quen và tiếp cận với sự đổi mới này (MC4.2-04).

Hiện nay Trường đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng xong các chương trình giáo dục theo học chế tín chỉ và sẽ triển khai từ năm học 2009 – 2010 trở đi. Việc viết đề cương bài giảng theo đào tạo học chế tín chỉ cũng đã hoàn thiện (MC4.2-05).

Trường đã có những cán bộ chủ chốt trưởng, phó phòng đào tạo, phó trưởng khoa,... tham dự khóa tập huấn đào tạo tín chỉ tại Đại học Bách Khoa TPHCM (MC4.2-05)

Chương trình đào tạo tín chỉ đã được xây dựng xong

Quy chế đào tạo sinh viên cao đẳng, đại học hệ chính quy đã được viết xong

Các phần mềm đăng ký môn học, phiếu đăng ký môn học đã được thực hiện xong

Các phần mềm quản lý điểm, xếp lớp học theo môn đã hoàn tất

Khóa 2009 đào tạo theo hệ thống tín chỉ năm đầu học các học phần bắt buộc, từ năm 2 trở đi sẽ được phép đăng ký môn học.

## **2. ảnh giá i m m nh**

Thực hiện tốt, đúng quy định chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo.

Lãnh đạo nhà trường, giảng viên đều rất quan tâm và ủng hộ việc chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Trường đang chuẩn bị tích cực về điều kiện cơ sở vật chất và nguồn nhân lực và đã nhanh chóng triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

## **3. Nh ng t n t i**

Trường đã chuẩn bị kỹ và học tập kinh nghiệm các trường bạn đi trước nhưng kinh nghiệm của việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Việt Nam chưa nhiều nên đó sẽ là điều khó khăn cho trường khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

## **4. K ho ch hành ng**

Trong những năm tới liên tục tuyển lựa và đào tạo chuyên môn để độ ngũ giáo viên có học hàm, học vị đáp ứng đào tạo tín chỉ.

Trong năm 2010 tiếp tục tìm hiểu kinh nghiệm đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường trong nước như ĐH Đà Lạt, ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐH Cần Thơ... và

các trường ĐH nước ngoài có liên kết với trường như Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc, Anh

## 5. T **ánh giá:** Đạt

### Tiêu chí 4.3

Có *k ho ch* và phương pháp *ánh giá* hợp lý các *ho t ng gi ng d y* của giảng viên; chú trọng việc triển khai *i m i ph ng pháp d y và h c*, phương pháp *ánh giá k t qu h c t p* của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

#### 1. Mô t

Nhà trường luôn quan tâm đến việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của người học. Hiện nay, trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy: giảng lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, thuyết trình đề tài, thảo luận theo nhóm... (MC4.3-01).

Trường đã có qui định thống nhất về phân bổ thời gian giảng dạy như sau: lên lớp: 60%, thảo luận, thực hành, bài tập: 40% (MC4.3-02). Mục đích của sự phân bổ thời gian này là nhằm tăng thời gian tự học của sinh viên, rút ngắn thời gian học trên lớp.

Nhà trường đã tổ chức tập huấn về phương pháp soạn bài giảng cho giáo viên, khuyến khích sinh viên tập cách đặt câu hỏi, thảo luận với giáo viên.

Hầu hết các ngành đào tạo đều có ứng dụng tin học trong giảng dạy. Nhằm hỗ trợ phương pháp giảng dạy tích cực trường đã tăng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: trang bị máy chiếu, màn chiếu, ti vi tại các phòng học (MC4.3-03).

Trường Đại học Lạc Hồng trong những năm gần đây đã từng bước chuẩn bị cơ sở cho việc chuyển đổi phương pháp đào tạo đại học từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ (MC4.3-04). Đây là một cuộc đổi mới toàn diện trong trường đại học thể hiện triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, lấy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập làm gốc nên đó là một giải pháp tổng thể để nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã tiến hành đánh giá các hoạt động của giảng viên thông qua phiếu thăm dò, đã xây dựng phần mềm đánh giá giảng dạy của giáo viên (MC4.3-01)

Năm 2008 đã tiến hành đánh giá các giảng viên của bộ môn Mac-Lênin ở Khoa Cơ bản (MC4.3-02), Khoa Tài chính kế toán, Khoa Quản trị kinh tế quốc tế

Học kỳ I năm 2009-2010 sẽ đánh giá mỗi khoa 3 giáo viên

Đến học kỳ II năm học 2009-2010 sẽ tiến hành đánh giá toàn bộ giảng viên

Trường cũng thường xuyên tổ chức dự giờ các giảng viên, việc này được tiến hành vào giữa học kỳ 1 và học kỳ 2 hàng năm.

Trường cũng tổ chức dạy đề mô cho giảng viên tham khảo vào đầu mỗi học kỳ.

## 2. **ánh giá i m m nh**

Trường đã chú trọng và thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy qua đó phát huy được tính chủ động của người học.

Các cán bộ giảng dạy luôn tìm tòi, đổi mới phương pháp dạy và học, giúp người học phát huy tốt năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể một cách khoa học và có hiệu quả.

Trường đã tiến hành xây dựng đề cương các môn học theo học chế tín chỉ bao gồm lý thuyết, câu hỏi hiểu bài, bài tập làm việc theo nhóm và thảo luận

Ban lãnh đạo nhà trường rất quan tâm đến việc đánh giá việc giảng dạy của giáo viên và xem đó là mục tiêu chính nên chỉ đạo rất quyết liệt.

Các giảng viên cơ hữu của trường là giảng viên trẻ nên năng động, dễ tiếp thu cái mới, nhận thức rất đúng đắn và chấp nhận sinh viên đánh giá giảng dạy của giáo viên một cách tự nguyện..

## 3. **Nh ng t n t i**

Một số thầy cô giáo thỉnh giảng lớn tuổi và có học vị, học hàm cao không hài lòng về việc sinh viên đánh giá giảng dạy của giáo viên.

Việc lấy ý kiến chưa tiến hành rộng rãi

## 4. **K ho ch hành ng**

Từ năm học 2010:

- Trường sẽ đưa ra kế hoạch đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Tiến hành khảo sát định kỳ lấy ý kiến của giáo viên và sinh viên về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy.

- Tổ chức tổng kết trên cơ sở các kết quả khảo sát để đánh giá hoạt động giảng dạy của từng giáo viên, từ đó rút kinh nghiệm và phát huy ưu điểm của mỗi phương pháp giảng dạy.

## 5. **T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 4.4**

*Ph ng pháp và quy trình ki m tra ánh giá được a d ng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công b ng và phù h p với hình th c ào t o, hình thức học tập, mục tiêu môn học và m b o mặt bằng ch t l ng giữa các hình thức đào tạo; ánh giá được m c tích lu của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.*

#### **1. Mô t**

Nhà trường có quy định chung về thực hiện quy trình thi/kiểm tra, đánh giá, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác phù hợp với phương thức đào tạo và hình thức học tập (MC4.4-01).

Trường có quy định chung về việc tổ chức thi cuối kỳ (MC4.4-02). Trước mỗi đợt thi trường đều tổ chức đợt tập huấn phổ biến quy chế thi cho các cán bộ coi thi (MC4.4-03). Nhờ vậy các kỳ thi và kiểm tra được tổ chức chu đáo và nghiêm túc nhưng không quá căng thẳng, đánh giá đúng năng lực của sinh viên.

Đề thi tốt nghiệp và học kỳ được cấu trúc theo các phần cơ bản của môn học. Mỗi cấu trúc ra tối thiểu 16 câu khác nhau. Chủ tịch hội đồng thi căn cứ theo cấu trúc, ngân hàng đề để bốc thăm tạo đề thi. Công tác in đề thi có sự giám sát của công an PA 25 và chỉ in trước 1 tiếng tại ban Khảo thí của Nhà trường. Với cách làm đề như vậy đảm bảo an toàn 100% và không xảy ra khiếu kiện hay lộ đề. Trường Đại học Lạc Hồng là một trong số ít trường tổ chức thi tốt nghiệp toàn khóa trong cùng một ngày (MC4.4-04).

Thực hiện khảo sát người sử dụng sinh viên tốt nghiệp từ đó đánh giá được kiến thức từ trường cung cấp và khả năng vận dụng vào thực tế của sinh viên, qua đó có biện pháp điều chỉnh lại chương trình và phương pháp giảng dạy và đánh giá (MC4.4-05).

Ngoài hình thức thi tự luận nhà trường còn khuyến khích các hình thức thi trắc nghiệm trên máy đã có 100 môn có ngân hàng câu hỏi trên máy.

Việc thi kết thúc học phần bằng hình thức vấn đáp hoặc báo cáo đồ án môn học cũng được các khoa áp dụng

Các môn học chung do nhiều giảng viên giảng dạy được thi bằng đề thi chung

Nhiều môn điểm đánh giá môn học có điểm thực hành, thậm chí có môn thi kết thúc học phần là thi thực hành

## **2. ánh giá i m m nh**

Với chủ trương của trường “không tiêu cực trong thi cử, không chạy theo thành tích, dạy thật, học thật, thi thật”, trường đã đảm bảo thực hiện nghiêm túc tất cả các kỳ thi.

Nhà trường giao quyền chủ động cho các khoa trong việc đánh giá người học; từ đó góp phần làm cho kết quả đánh giá phản ánh chính xác năng lực của người học.

## **3. Nh ng t n t i**

Trường chưa tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả thi để đánh giá được mức độ khó dễ của đề thi, từ đó để có hướng điều chỉnh thích hợp. Việc khảo sát tính sát thực của đề thi phản ánh đúng năng lực của người học có chú trọng nhưng chưa thực hiện đại trà..

## **4. K ho ch hành ng**

Định kỳ từng năm học

- Tiến hành triển khai đánh giá chất lượng đề thi thông qua việc thống kê phân tích định lượng các kết quả thi của sinh viên thuộc nhiều hình thức đào tạo để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

- Tiến hành khảo sát sinh viên về tính sát thực của đề thi, đồng thời lấy ý kiến giảng viên về các loại hình thi đang sử dụng.

## 5. T **ánh giá:** Đạt

### Tiêu chí 4.5

*K t qu h c t p* của người học được **thông báo** kịp thời, được *l u tr* đầy đủ, **chính xác** và **an toàn**. *V n b ng, ch ng ch* được cấp **theo quy nh** và được **công b** trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

#### 1. Mô t

Kết quả thi của người học được công bố công khai sau mỗi kỳ thi, được dán ở bảng thông báo ở mỗi khoa. Theo quy định của nhà trường, kết thúc một khóa học mỗi sinh viên đều được cấp một bảng điểm. Ngoài ra các sinh viên nếu có nhu cầu về bảng điểm thì viết phiếu gửi về Phòng Đào tạo, phòng sẽ có ngày hẹn cho sinh viên lấy bảng điểm (MC4.5-01).

Kết quả học tập của người học được lưu trữ tại khoa và tại bộ phận khảo thí. Điểm thi của sinh viên được nhập bằng máy nhập điểm tự động đảm bảo tính chính xác (MC4.5-02).

Trường có hệ thống sổ sách để lưu giữ kết quả học tập của người học một cách khoa học và hiệu quả bằng hệ thống sổ sách song song với phần mềm chuyên dụng và trên đĩa CD. Các phần mềm chuyên dụng được phân lớp hợp lý và thuận tiện cho việc truy cập, an toàn và có độ tương thích cao với các phần mềm khác (MC4.5-03).

Trường có quy định các điều kiện công nhận và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (MC4.5-04). Văn bằng, chứng chỉ học tập được cấp đúng qui định. Kết thúc khóa học sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp và ký xác nhận tại Sở cấp bằng có dán ảnh và các nội dung liên quan (MC4.5-05), tuyệt đối không cho người khác nhận thay nên việc thất lạc văn bằng đã không xảy ra. Hệ thống sổ sách lưu giữ việc cấp phát bằng tốt nghiệp rõ ràng, được lưu giữ theo từng khóa tốt nghiệp (MC4.5-06).

Nhà trường đã thực hiện việc cấp giấy chứng nhận, cấp phiếu điểm và giải đáp những thắc mắc về điểm trung bình chung năm học và xếp loại tốt nghiệp cho sinh viên nhanh chóng kịp thời và thuận tiện (MC4.5-07).

Mạng tra cứu kết quả học tập của người học rõ ràng, đầy đủ, chính xác, thuận lợi và an toàn. Mạng được bảo vệ an toàn bằng hệ thống chia quyền hạn truy cập với password riêng cho từng người. Mạng có hệ thống chống virus thường xuyên (MC4.5-08).

#### 2. **ánh giá i m m nh**

Công tác quản lý kết quả học tập của sinh viên bằng cả hai hệ thống song song: hệ thống sổ sách và phần mềm chuyên dụng. Thực hiện tốt một số biện pháp nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu.

#### 3. **Nh ng t n t i**

Đã có quy định cụ thể về thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học, nhưng một số giáo viên chưa thực hiện đúng yêu cầu về thời gian

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2010 kiên quyết thực hiện việc chấm thi đúng tiến độ nếu giáo viên nào chậm trễ cử giáo viên khác chấm thay.

#### **5. Thành tích:** Đạt

### **Tiêu chí.4.6**

Có *chức năng* về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên *tốt nghiệp*, tình hình *việc làm* và *thu nhập* sau khi tốt nghiệp.

#### **1. Mô tả**

Công tác lưu trữ thông tin được trường lưu giữ cẩn thận để xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin dữ liệu về hoạt động đào tạo, một hoạt động được xem là quan trọng nhất của nhà trường đối với tất cả các loại hình đào tạo. Các chương trình đào tạo, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên các lớp, bảng điểm kết quả học tập các môn học và điểm đánh giá rèn luyện sinh viên được lưu giữ ở Phòng Đào tạo, Bộ phận Khảo thí, Phòng Công tác sinh viên, các khoa (MC4.6-01).

Trung tâm tư vấn du học và việc làm của trường thường xuyên khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp và làm việc tại các công ty, xí nghiệp. Các phiếu khảo sát được lưu tại Trung tâm tư vấn du học và việc làm của trường (MC4.6-02).

Việc khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp đã được tiến hành từ năm 2002 trên tất cả các sinh viên tốt nghiệp.

#### **2. Thành tích**

Nhà trường rất chú trọng đến việc lưu công tác lưu trữ đầy đủ toàn bộ thông tin dữ liệu về hoạt động đào tạo, tình hình sinh viên tốt nghiệp và việc làm của trường.

#### **3. Nội dung**

Dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp và việc làm chỉ dưới dạng văn bản.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2010, trường sẽ nhập lại thông tin của sinh viên tốt nghiệp để lưu trữ dưới dạng file.

#### **5. Thành tích:** Đạt

### **Tiêu chí.4.7**

Có *kế hoạch đánh giá chất lượng* đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch *điều chỉnh hoạt động* cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

## 1. Mô t

Đánh giá chất lượng đào tạo là một trong những hoạt động được nhà trường quan tâm. Trường đã tiến hành khảo sát cựu sinh viên về nhu cầu và ý kiến của họ về chất lượng đào tạo đối với công việc sau khi ra trường (MC4.7-01). Tiến hành tự đánh giá trong kiểm định chất lượng (MC4.7-02). Trường cũng đã tiến hành nhiều cuộc Hội thảo để lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của trường nhằm điều chỉnh chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo của mình (MC4.7-03).

Tuy nhiên, các hoạt động này chưa được lập kế hoạch một cách chi tiết cụ thể, có tính hệ thống.

## 2. ánh giá i m m nh

Trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nhằm điều chỉnh các hoạt động đào tạo của nhà trường để phù hợp hơn với yêu cầu xã hội.

## 3. Nh ng t n t i

Trường chưa xây dựng được kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi tốt nghiệp ra trường một cách có hệ thống và mang tính lâu dài

## 4. K ho ch hành ng

Từ năm 2010, trường tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng năm đối với tất cả các đối tượng là cựu sinh viên, doanh nghiệp nhằm điều chỉnh các hoạt động đào tạo theo hướng ngày càng phù hợp hơn, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và của xã hội, thực hiện tốt sứ mạng và nhiệm vụ được giao.

## 5. T ánh giá: Không đạt

## K T LU N

*Ch ng trình ào t o c a tr ng c xây d ng theo qui ch tích l y t ng h c ph n c a B Giáo d c và ào t o ban hành. Hi n nay, Tr ng ang tích c c tri n khai ào t o theo h c ch tín ch b t u áp d ng cho khóa 08 nh m m c ích t o i u ki n thu n l i cho ng i h c, t xây d ng k ho ch h c t p phù h p v i i u ki n và kh n ng c a b n thân.*

*Tr ng luôn khuy n khích i m i và a d ng hóa các ph ng pháp gi ng d y và h c nh m m c ích nâng cao ch t l ng d y và h c c a tr ng. K t qu h c t p c a ng i h c c thông báo công khai, chính xác và an toàn. Công tác c p phát v n b ng t t nghi p, ch ng ch h c t p c c p úng qui nh.*

## **TIÊU CHU N 5:    I N G   C Á N B   Q U   N L Í, G I   N G V I Ê N   V À   N H Â N   V I Ê N**

**M      u:** Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, hàng năm nhà trường tập trung nâng cao cả về số lượng cũng như chất lượng của Cán bộ, giảng viên. Tổ chức các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn sư phạm về phương pháp giảng dạy Đại học, chuẩn hóa giảng viên từ Cử nhân, Kỹ sư lên trình độ Thạc sĩ, từ trình độ Thạc sĩ lên Tiến sĩ, số lượng ngày càng tăng năm sau cao hơn năm trước. Ngoài việc hỗ trợ, khuyến khích cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ (có chế độ cụ thể cho học Thạc sĩ, Tiến sĩ), chế độ lương và phụ cấp của nhà trường luôn được quan tâm thích đáng tạo động lực thu hút người tài về tham gia giảng dạy, công tác tại trường. Từ đó nâng cao chất giảng dạy và quản lý đưa Trường Đại học Lạc Hồng ngày càng ngang tầm với các trường Đại học trong khu vực.

### **Tiêu chí 5.1**

Có *k ho ch tuy n d ng, b i d ng, phát tri n* đội ngũ giảng viên và nhân viên; *quy ho ch b nhi m* cán bộ quản lý *áp ng* mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và *phù h p* với điều kiện cụ thể của trường đại học; có *quy trình, tiêu chí* tuyển dụng, bổ nhiệm *rõ ràng, minh b ch*.

#### **1. Mô t**

Công tác tổ chức, quản lý nhân sự là yếu tố cơ bản nhất trong hệ thống quản lý của một đơn vị. Trong thời gian qua dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường, sự kết hợp hài hòa giữa các phòng, khoa nên trường đã có những chuyển biến tích cực trong công tác này. Lực lượng ngày càng tăng, tổ chức ngày càng ổn định.

Công tác tuyển dụng nhân sự tại các đơn vị đã được Ban giám hiệu nhà trường quan tâm chỉ đạo xây dựng và ban hành quyết định thành lập hội đồng tuyển dụng nhà trường (MC5.1-01).

Về công tác tuyển dụng nhân viên, Trưởng khoa/trưởng phòng là người trực tiếp ký phiếu đề xuất tuyển dụng nhân sự cho đơn vị mình theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước và quy định của nhà trường (MC5.1-02). Ban giám hiệu xem xét và duyệt các kết hoạch, đề xuất tuyển dụng nhân sự tại các đơn vị sau đó trình lên hội đồng tuyển dụng nhà trường. (MC5.1-03).

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn luôn được nhà trường chú trọng và tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ giảng dạy, quản lý tham gia (MC5.1-04)

Ngoài ra trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2008 - 2012 có nêu rõ chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ (MC5.1 -05).



Từ đầu nhiệm kỳ II (cuối năm 2002) đến nay, nhà trường luôn chú trọng đến công tác trẻ hóa đội ngũ cán bộ, cụ thể số cán bộ trẻ có trình độ được bổ nhiệm giữ các chức vụ chủ chốt (Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm; Trưởng/Phó các phòng, Khoa, Ban ...) tại các đơn vị ngày càng tăng và đúng theo quy hoạch mà ban lãnh đạo nhà trường đề ra, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý và giảng dạy

## **2. ảnh hưởng**

Nhà trường hỗ trợ 30.000.000đ/người khi học Tiến sĩ, 20.000.000đ/người khi học Thạc sĩ. Bên cạnh hỗ trợ về mặt vật chất nhà trường còn tạo điều kiện về thời gian cho những cá nhân tham gia học tập nâng cao kiến thức. Từ đó kêu gọi được sự nhiệt tình, có trách nhiệm, ý thức học tập của toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên nhà trường.

Có kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ dài hạn cho đến năm 2012. Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ Giảng viên, nhân viên cơ hữu nâng cao trình độ.

## **3. Nhận xét**

Kế hoạch phát triển nhân sự tại các đơn vị trong trường chưa đồng bộ, ở một số đơn vị chất lượng giảng viên và nhân viên vẫn chưa theo kịp sự phát triển của nhà trường. Còn thiếu một số văn bản quy định về công tác tuyển dụng nhân sự. Việc tuyển dụng, phỏng vấn ở một số vị trí công việc không quan trọng chỉ dừng lại ở cấp khoa và đơn vị.

## **4. Kế hoạch**

Từ năm học 2010, Ban giám hiệu nhà trường quan tâm tới công tác tuyển dụng nhiều hơn, quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị và đội ngũ cán bộ kế thừa, tạo điều kiện và hỗ trợ để đội ngũ này ngày càng phát triển.

Xây dựng bộ tiêu chí cho từng vị trí tuyển dụng. Từ đó ban hành các văn bản cụ thể về quy trình tuyển dụng đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên để đáp ứng được nhu cầu ngày càng phát triển của nhà trường

## **5. Tổng kết: Không đạt**

### **Tiêu chí 5.2**

Đội ngũ *cán bộ* quản lý, *giảng viên* và *nhân viên* được *mô phỏng* các *quy định* trong trường đại học.

#### **1. Mô tả**

Trường Đại học Lạc Hồng luôn tạo môi trường dân chủ để giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và sinh viên tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi đối với các hoạt động của nhà trường (MC5.2-01). Quyền dân chủ được đảm bảo cũng tạo môi trường đoàn kết, ổn định, tư tưởng yên tâm thoải mái trong toàn thể CBCNV để cùng nhau góp sức hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà trường.

Để tạo môi trường dân chủ trường phối hợp cùng với Công đoàn tổ chức các hội nghị cán bộ, công chức để CBCNV đóng góp ý kiến cho các chủ trương, kế hoạch và các hoạt động của nhà trường (MC5.2-02). Mọi quan hệ giữa lãnh đạo và cán bộ, nhân viên trong trường cởi mở, lãnh đạo trường sẵn sàng lắng nghe những ý kiến đề bạt, nguyện vọng của cán bộ, nhân viên và có chỉ đạo điều chỉnh sát sao.

Ngoài ra, trường có hộp thư góp ý để cán bộ và sinh viên có thể đóng góp ý kiến hoặc khiếu nại (MC5.2-03). Trường giải quyết các khiếu nại, tố cáo kịp thời, không gây dư luận hoang mang trong cán bộ, giảng viên, sinh viên; từ đó, tạo được bầu không khí sư phạm, dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường đã thành lập “Ban thanh tra giáo dục Trường Đại học Lạc Hồng” vào ngày 24/09/2006 theo quyết định số 491/QĐ-ĐHLH. Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban thanh tra giáo dục được thực hiện theo quy định ban hành kèm theo quyết định số 14/2006/QĐ-BGDĐT ngày 25/04/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MC5.2-04). Ban thanh tra có các bản báo cáo thường kỳ về công tác thanh tra (MC5.2-05).

Ngoài việc Thành lập Ban thanh tra giáo dục, nhà trường cũng đã thành lập Ban thanh tra nhân dân, Ủy ban kiểm tra công đoàn theo đúng quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Từ đó công tác thanh tra của nhà trường được khách quan theo đúng quy định của ngành và pháp luật

## **2. ánh giá i m m nh**

Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện khá tốt. Nhà trường rất quan tâm đến ý kiến đóng góp xây dựng trường hoặc ý kiến khiếu nại của cán bộ, giảng viên và nhân viên.

Các cán bộ, giảng viên và nhân viên có thể gặp lãnh đạo nhà trường bất cứ lúc nào để phản ánh ý kiến. Tình hình đơn thư khiếu nại tố cáo đã dần dần được giải quyết thỏa đáng và tạo môi trường làm việc ngày càng được nâng cao thông qua việc tin tưởng vào khả năng giải quyết của cấp trên.

## **3. Nh ng t n t i**

Vẫn còn một số đơn vị chưa có hộp thư góp ý.

Lãnh đạo nhà trường chưa có lịch cụ thể để tiếp cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường để tiếp nhận ý kiến đóng góp.

Chưa có các quy định cụ thể cho việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo.

## **4. K ho ch hành ng**

Nhà trường cần phải tiếp tục tăng cường hơn nữa môi trường dân chủ để đảm bảo cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên phát huy tối đa quyền đóng góp xây dựng các chủ trương, kế hoạch của nhà trường.

Để tiếp thu ý kiến đóng góp, trường cần trang bị các hộp thư góp ý cho các đơn vị chưa có. Trong năm 2009 Lãnh đạo nhà trường cần có lịch tiếp cán bộ, giảng viên và nhân viên hàng tuần để tiếp nhận ý kiến đóng góp.

Ban hành quy trình và thời gian xử lý các khiếu nại, tố cáo (năm 2009).

## 5. Tác động: Đạt

### Tiêu chí 5.3

Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

#### 1. Mô tả

Trường Đại học Lạc Hồng luôn tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nâng cao trình độ. Có các chính sách và chế độ chi tiêu cho những người tài, có tâm huyết phục vụ sự nghiệp giáo dục. Cụ thể như quy định về chế độ nâng cao học tập với mức hỗ trợ tài chính cho cán bộ đi học cao học được hỗ trợ 20 triệu đồng, đi học nghiên cứu sinh trở thành tiến sĩ được hỗ trợ 30 triệu đồng, ngoài ra nếu đi học dài hạn được hưởng 70% lương (MC5.3-01).

Trong những năm qua trường đã cử rất nhiều cán bộ quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng. Có các quyết định cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý tham gia các hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước (MC5.3-02).

Năm học 2007 – 2008, 3 cán bộ là sinh viên khóa 1 bảo vệ xong Thạc sĩ trong nước đi học Tiến sĩ nước ngoài, 5 cán bộ đi học theo đề án 322 và đã được phỏng vấn. 18 cán bộ đào tạo Thạc sĩ ở Đại học Cao Hùng – Đài Loan. 2 người được trường đưa đi đào tạo ngắn hạn về ngoại ngữ Hàn và Nhật tại nước ngoài (MC5.3-03).

Ngoài ra, thông qua hoạt động hợp tác quốc tế để nhà trường đã tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giảng viên có điều kiện tham gia bằng học bổng nhà nước, học bổng hợp tác. Có hai cán bộ tự tìm học bổng thạc sĩ ở Anh Quốc và Mỹ (MC5.3-04).

#### 2. Đánh giá định lượng

Trường đã mở các lớp bồi dưỡng về quản trị đại học cho cán bộ quản lý về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tài chính, kiểm định chất lượng, phương pháp giảng dạy đại học

Trường có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian và hỗ trợ kinh phí để nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động trong và ngoài nước.

Trường có kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các giảng viên, cán bộ tham gia.

#### 3. Nhận định

Vẫn còn một bộ phận giảng viên, cán bộ quản lý không tham gia các hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước.

Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ trở lên còn thấp.

#### 4. Kế hoạch hành động

Thực hiện việc đưa cán bộ, giảng viên giỏi đi đào tạo ở trong và ngoài nước thông qua các tiêu chí lựa chọn công minh và bình đẳng. Khuyến khích các giảng

viên, cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ, tự kiểm học bổng từ các tổ chức, trường đại học nước ngoài.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 5.4**

Đội ngũ *cán b qu n lý có ph m ch t o c, n ng l c qu n lý* chuyên môn, nghiệp vụ và *hoàn thành nhi m v* được giao.

#### **1. Mô t**

Trường Đại học Lạc Hồng có đội ngũ cán bộ quản lý gồm 281 cán bộ quản lý trong đó có 23 Phó Giáo sư, Tiến sĩ; 32 Thạc sĩ, 170 Kỹ sư, Cử nhân và 56 Cao đẳng, Trung cấp, thợ các loại (MC5.4-01).

Trường đã lập các bảng thống kê chung về đội ngũ cán bộ quản lý theo các tiêu chí như: vị trí công tác hiện hành, tuổi đời, thâm niên công tác, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học...(MC5.4-02). Qua kết quả thống kê cho thấy trường đã đáp ứng đúng theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm như học vị, tuổi đời.

Hàng năm, qua tổng kết đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý từ các cấp cho thấy đại đa số cán bộ quản lý đều hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đa số các cán bộ quản lý của trường đều có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có năng lực chuyên môn và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Vì vậy nhiều tập thể và cá nhân trong trường nhận được bằng khen các cấp, danh hiệu chiến sĩ thi đua và huân chương lao động (MC5.4-03).

Trường mở các lớp bồi dưỡng về quản trị đại học cho cán bộ quản lý về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tài chính, kiểm định chất lượng, phương pháp giảng dạy Đại học, xây dựng chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ...(MC5.4-04).

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đã thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và làm việc hiệu quả (MC5.4-05).

Hàng năm nhà trường tổ chức bình xét thi đua, đánh giá kết quả công tác đối với từng cá nhân. Thưởng phạt rõ ràng, từ đó tạo động lực thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### **2. ánh giá i m m nh**

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác được giao. Nhờ hiệu quả trong công việc nên nhà trường và các cá nhân cán bộ quản lý đã được cấp trên khen thưởng và đánh giá cao.

#### **3. Nh ng t n t i**

Trong thời gian qua vẫn có một số cán bộ quản lý chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### 4. Kết quả thực hiện

Hàng năm cần rà soát công tác quy hoạch cán bộ nguồn để gửi đi đào tạo đạt học vị theo qui định hoặc đào tạo bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho cán bộ để bổ nhiệm khi cần thiết. Tiếp tục đánh giá về hiệu quả công tác của cán bộ quản lý và khen thưởng vào đợt cuối năm. Đồng thời có biện pháp xử lý đối với các cán bộ quản lý vi phạm quy chế, làm việc có hiệu quả.

#### 5. Tổng kết: Đạt

#### Tiêu chí 5.5

Có *số lượng giảng viên* để *thực hiện* chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được *mục tiêu* của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm *tỷ lệ* trung bình sinh viên / giảng viên.

##### 1. Mô tả

Hiện nay, số lượng giảng viên của trường còn thiếu so với nhu cầu mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình đào tạo, ngoài việc tuyển dụng thêm giảng viên mới, nhà trường còn mời một số giảng viên ngoài trường đến tham gia giảng dạy (MC5.5-01).

Qua kết quả thống kê, phân loại giảng viên, đội ngũ giảng viên của trường hiện nay là 644 người trong đó có 291 giảng viên cơ hữu và 353 giảng viên thỉnh giảng (MC5.5-02).

Xét về giới tính đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường có tỷ lệ tương đối hài hòa giữa nam 52,9% (154/291) và nữ 47,07% (137/291) (MC5.5-03).

Xét về tuổi đời, có 96 giảng viên có tuổi đời nhỏ hơn 30 (10,3%), 65 giảng viên có tuổi đời từ 30 đến 40 (22,3%), 75 giảng viên có tuổi đời từ 41 đến 50 (25,7%), 40 giảng viên từ 51 đến 60 (13,7%), 15 giảng viên có tuổi đời lớn hơn 60 (5,15%). Cơ cấu độ tuổi trên đây của giảng viên cho thấy có sự trẻ hóa đội ngũ giảng viên (MC5.5-04).

Hiện nay đội ngũ giảng viên của trường có 133/291 có trình độ trên đại học chiếm tỷ lệ 45,7%.

Tỷ lệ người học/ 1 giảng viên như sau:

- Nếu chỉ tính giảng viên cơ hữu của trường: đạt tỷ lệ  $11378/291=39\%$
- Nếu tính cả giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng: đạt tỷ lệ  $11378/644=17,6\%$

##### 2. Đánh giá sơ bộ

Hiện tại, Trường có thể tự hào về đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên trẻ đầy nhiệt huyết và năng động. Số lượng giảng viên thỉnh giảng có học hàm, học vị và có nhiều kinh nghiệm nên đảm bảo chất lượng giảng dạy.

##### 3. Nhận xét

Số lượng cán bộ giảng dạy cơ hữu chưa đáp ứng đủ so với quy mô của trường.

#### 4. Kế hoạch bồi dưỡng

Trường có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của ngành và chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu xã hội, Cần chú ý xây dựng qui định về cơ cấu đội ngũ giảng viên cho các bộ môn và đặc biệt đề ra tỉ lệ người học/ 1 giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo tốt hơn.

#### 5. Thành tích: Đạt

### Tiêu chí 5.6

Đội ngũ *giảng viên* đảm bảo *trình độ* được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo *chuyên môn* và trình độ theo quy định; có trình độ *ngoại ngữ*, *tin học* đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

#### 1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ giảng viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của một trường đại học.

Hiện Trường có 644 giảng viên trong đó có 291 giảng viên cơ hữu và 353 giảng viên thỉnh giảng (CÓ HỢP ĐỒNG THỈNH GIẢNG? NẾU CÓ THÌ LẤY LÀM MC). Trong đó, số giảng viên có trình độ Giáo sư 11 người (17%), số giảng viên có trình độ Phó Giáo sư 25 người (3.88%); số giảng viên có trình độ Tiến sĩ 110 người (17%); Thạc sĩ: 172 người (26.7%); Kỹ sư (Cử nhân): 326 người (50.6%) (MC5.6-01). CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ CỦA ĐỘI NGŨ GV CƠ HỮU?

Hầu hết giảng viên của Trường đều ứng dụng tin học trong chuyên môn, sử dụng powerpoint trong giảng dạy. Trình độ ngoại ngữ của giảng viên từ trình độ B trở lên (MC5.6-02).

Nhà trường luôn luôn tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên phát huy quyền tự chủ về học thuật bằng cách khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết giáo trình chuẩn cho bộ môn tham gia giảng dạy, tham gia các hội thảo, chương trình bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước bằng cách vận động thông qua các hội nghị của trường và hỗ trợ về mặt tài chính.

Năm học 2007-2008: 3 cán bộ là sinh viên khóa 1 bảo vệ xong Thạc sĩ trong nước, đi học nước ngoài 5 cán bộ đi học theo đề án 322 và đã được phỏng vấn. Đào tạo Thạc sĩ ở Đại học Cao Hùng - Đài Loan 18 cán bộ. Hai cán bộ tự tìm học bằng Thạc sĩ ở Anh Quốc và Mỹ. Hai cá nhân được trường đưa đi đào tạo ngắn hạn về ngoại ngữ Hàn và Nhật tại nước ngoài.

#### 2. Thành tích nổi bật

Đa số các Tiến sĩ và Thạc sĩ có độ tuổi khá trẻ và được đào tạo những chuyên ngành phù hợp với công tác nghiên cứu, giảng dạy tại trường. Trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ giảng viên không ngừng được nâng cao đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

### 3. **Nh ng t n t i**

Là một trường mới thành lập nên đội ngũ giảng viên có chức danh, trình độ cao còn ít. Năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên chưa cao. Một số vị trí chưa đáp ứng được yêu cầu học vị.

### 4. **K ho ch hành ng**

Tiếp tục thực hiện kế hoạch khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giảng dạy đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, nâng cao tỉ lệ giảng viên có trình độ sau đại học, đặc biệt là Tiến sĩ.

### 5. **T ánh giá:** Không Đạt

## **Tiêu chí 5.7**

Đội ngũ *gi ng viên* được đảm bảo *cân b ng* về *kinh nghi m* công tác chuyên môn và *tr hoá* của đội ngũ giảng viên theo quy định.

### 1. **Mô t**

Từ ngày đầu thành lập 1997 đến nay, đội ngũ giảng viên trẻ của nhà trường đã từng bước được chuẩn hóa về trình độ (Thạc sĩ, Tiến sĩ). Bên cạnh do chính sách chế độ thu hút nhân tài về lương, phụ cấp, chế độ đào tạo phát triển của nhà trường nên đội ngũ giảng viên ngày càng ổn định về mặt số lượng, phát triển về mặt chất lượng. Tuổi đời có thể đảm bảo giảng dạy lâu dài và kinh nghiệm công tác ngày càng nâng cao

### 2. **ánh giá i m m nh**

Do công tác quy hoạch cán bộ giảng dạy được thực hiện tốt nên đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường đủ sức khỏe, trình độ và kinh nghiệm giảng dạy nên công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của nhà trường ngày càng phát triển, đảm sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm và không phải đào tạo lại

### 3. **Nh ng t n t i:**

Do quy mô nhà trường phát triển nhanh nên 1 số ngành hiếm còn thiếu giảng viên có học hàm học vị cao.

### 4. **K ho ch hành ng:**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên kế thừa cho từng đơn vị. Từng khoa phải xây dựng kế hoạch đào tạo, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên cho từng ngành học.

### 5. **T ánh giá:** Đạt

## **Tiêu chí 5.8**

Đội ngũ *k thu t viên, nhân viên* đủ *s l ng*, có *n ng l c* chuyên môn và được định kỳ *b i d ng* chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có *hi u qu* cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

## **1. Mô t**

Hiện trường đã cơ bản có đủ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên để hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, giảng viên và số lượng người học hiện tại trong việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học, được bố trí và phân công theo đúng yêu cầu công việc đảm nhận tại các Khoa, Phòng chức năng trực thuộc trường.

Hiện Trường có 5 kỹ thuật viên trực thuộc phòng Quản trị thiết bị có nhiệm vụ sửa chữa, bảo trì các thiết bị âm thanh, ánh sáng...(MC5.8-01). Trường có 2 kỹ sư quản trị mạng máy tính thuộc Trung tâm thông tin t u liệu. Tại các phòng máy và phòng thí nghiệm đều có đội ngũ giáo viên dạy thực hành hướng dẫn người học sử dụng trang thiết bị (MC5.8-02).

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường khi tuyển dụng đều có bằng cấp về chuyên môn như Đại học, Cao đẳng, Trung cấp (MC5.8-03).

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên ngành và cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, hội thảo chuyên ngành tổ chức ở ngoài trường (MC5.8-04).

## **2. ánh giá i m m nh**

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn đáp ứng các nhiệm vụ được giao. Độ tuổi trung bình của kỹ thuật viên còn trẻ nên rất năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc.

## **3. Nh ng t n t i**

Số lượng kỹ thuật viên, nhân viên được đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn ít.

## **4. K ho ch hành ng**

Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn phát triển trình độ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên. Đồng thời cử các nhân viên kỹ thuật đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

## **5. T ánh giá: Đạt**

## **K TLU N**

*Tr ãng có k ho ch tuy n d ãng, b i d ãng và phát tri n ãng gi ãng viên và nhân viên áp ãng m c tiêu, ch c ãng, nhi m v ãng và phù h p v i ãng i u k ãng c th c a tr ãng. Tr ãng có chính sách h tr v tài chính, t o ãng i u k ãng n cho cán b tham gia các ho t ãng trong và ngoài ãng. ãng ãng cán b có ph m ch t o c, n ãng l c qu n lí chuyên môn, nghi p v ãng và hoàn thành nhi m v ãng giao.*



## TIÊU CHU N 6: NG I H C

**M u:** Các hoạt động liên quan đến người học luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đạt được nhiều kết quả tốt. Trường có những biện pháp cụ thể để làm tốt công tác đối với người học, nhằm đảm bảo quyền, thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học tu dưỡng, rèn luyện và đạt kết quả cao nhất trong học tập.

Các hoạt động đều nhằm mục đích chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của sinh viên; giúp sinh viên hiểu về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người học và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập, rèn luyện và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

Các hoạt động được tổ chức có hiệu quả đồng đều ở các mảng học tập, nghiên cứu, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống...

### Tiêu chí 6.1

Người học được *h ng d n y* về *ch ng trình giáo d c, ki m tra ánh giá* và các quy định trong *quy ch ào t o* của Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### 1. Mô t

Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo đa ngành, đa cấp. Việc định hướng nghề nghiệp cho người học nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo của từng ngành và những thông tin về trường là cần thiết. Điều đó được thể hiện qua việc mỗi người học đều được trường cung cấp một cuốn sổ tay sinh viên. Trong đó có các văn bản về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, kiểm tra và thi học phần...(MC6.1-01).

Để người học nắm rõ và thực hiện tốt các quy định về đào tạo vào mỗi đầu năm học nhà trường tổ chức tuần học chính trị đầu khóa cho tất cả sinh viên. Trong tuần sinh hoạt này, sinh viên được nhà trường phổ biến Luật giáo dục, Chỉ thị năm học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; quy chế đào tạo của Bộ; các mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, các yêu cầu kiểm tra đánh giá và nhiệm vụ giáo dục cơ bản và lâu dài của nhà trường, quy chế học tập...(MC6.1-02).

Ngoài việc tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân, Trường còn có các hình thức khác như thông qua hướng dẫn phổ biến của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm nhằm giúp sinh viên hiểu rõ về các vấn đề liên quan đến người học (MC6.1-03).

Website của trường có đăng các nội dung: Chương trình đào tạo, chương trình giáo dục...để người học có thể tìm hiểu thêm (MC6.1-04).

#### 2. ánh giá i m m nh

Với phương thức tuyên truyền, phổ biến của nhà trường, đa số người học nắm được mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, điều kiện thi, kiểm tra, đánh giá..., giúp sinh viên thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện.

Thông qua những hoạt động trên, sinh viên hiểu rõ mục tiêu đào tạo, định hướng cho việc học tập, nghiên cứu, công tác trong tương lai..

### 3. Nội dung

Một số nội dung của chương trình giáo dục cũng như quy chế, quy định về đào tạo chưa được thông báo trên hệ thống loa phát thanh của nhà trường.

### 4. Kế hoạch hành động

Thông báo toàn bộ nội dung của chương trình giáo dục cũng như quy chế, quy định về đào tạo trên hệ thống loa phát thanh của nhà trường.

### 5. Tác động: Đạt

## Tiêu chí 6.2

Người học được đảm bảo *chính sách xã hội*, được *khám sức khỏe* theo quy định y tế học đường; được tạo *điều kiện học tập*, tập luyện *văn nghệ*, *thể thao* và được đảm bảo *an toàn* trong khuôn viên của nhà trường.

### 1. Mô tả

Hàng năm, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhà trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể sinh viên về các chế độ chính sách (con thương binh, liệt sĩ, chất độc da cam...) (MC6.2-01).

Phòng Công tác sinh viên của trường có chức năng thực hiện các chế độ chính sách xã hội cho người học nhằm đảm bảo chế độ chính sách cho người học (MC6.2-02) và đã thực hiện việc xác nhận cho tất cả các sinh viên diện chính sách (có khoảng hơn 2000 sinh viên thuộc diện này). Trường luôn thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, cập nhật các văn bản mới về chế độ chính sách nhằm giảm bớt thủ tục cho sinh viên (MC6.2-03).

Đề tạo điều kiện tốt trong việc chăm sóc sức khỏe cho người học an tâm trong quá trình học tập, trạm y tế trường được đặt tại Cơ sở 2 và Cơ sở 3 của trường (MC6.2-04). Ngoài ra hàng năm nhà trường cũng thực hiện thường xuyên công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho sinh viên nhằm đảm bảo quyền lợi cho sinh viên (MC6.2-05).

Trong những năm qua các phong trào thể dục thể thao được nhà trường rất quan tâm, tạo được sân chơi lành mạnh cho sinh viên. Phong trào thể dục thể thao Trường Đại học Lạc Hồng phát triển mạnh và sâu rộng trong sinh viên. Trường đã ban hành các quyết định về việc thành lập đội văn nghệ, đội tuyên truyền ca khúc cách mạng, đội cầu lông (MC6.2-06).

Hàng năm, Đoàn thanh niên cùng với Hội sinh viên trường đã tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ trong toàn trường như tiếng hát sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng, các giải bóng đá giữa các khoa, giải bóng chuyền truyền thống sinh viên Đại học Lạc Hồng ... cũng như tham gia các phong trào của tỉnh Đồng Nai như giải việt dã truyền thống tỉnh Đồng Nai, giữa các trường đại học như giải bóng đá truyền thống sinh viên các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập, tiếng hát học sinh sinh viên chuyên nghiệp toàn quốc, giải bơi lội toàn quốc, giải

bóng đá các đội mạnh HS – SV chuyên nghiệp TP HCM ...(MC6.2-07). Các hoạt động này đã thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

Trong những năm vừa qua phong trào này đã đạt được những thành quả rất đáng khích lệ. Các đội tuyển thể thao, văn nghệ đạt được nhiều giải thưởng cá nhân và tập thể trong các cuộc thi, hội thi và nhận được giấy khen, cúp và cờ lưu niệm (MC6.2-08).

Phong trào TDTT đã và đang hoạt động tốt, nhưng nhà trường chưa có sân bóng dành cho GV và sinh viên nên đã có hợp đồng với sân banh Biên Hòa và sân cỏ nhân tạo CaMai (MC6.2-09).

Công tác an ninh trong trường luôn được đảm bảo. Đội ngũ bảo vệ trường được thành lập có phân định trách nhiệm cụ thể (MC6.2-10). Vào các dịp lễ, tết đội ngũ bảo vệ tăng cường trực 24/24 (MC6.2-11). Ngoài ra Ban lãnh đạo nhà trường còn thường xuyên phối hợp với Phòng Công an PA25 tỉnh, Công an giao thông tỉnh, Công an Thành phố Biên Hòa và công an địa phương. Trong vài năm gần đây không xảy ra vụ việc trộm cắp, tai nạn trong trường (MC 6.2-12).

Các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy và ký túc xá của trường đều có nội quy nhằm đảm bảo an toàn cho người học (MC 6.2-13).

## **2. ánh giá i m m nh**

Trường đã phổ biến đầy đủ các chế độ chính sách xã hội cho sinh viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi để sinh viên được hưởng chế độ đúng với quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Ngoài ra nhà trường còn xây dựng Quỹ học bổng hỗ trợ những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục tham gia học tập, tổ chức trao nhiều học bổng cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại các trường THPT trong và ngoài tỉnh nhân dịp đi quảng bá tuyển sinh.

Thu hút đông đảo người học tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do nhà trường và do các trường phát động và đã đạt nhiều thành quả.

## **3. Nh ng t n t i**

Tuy nhà Trường đã có sân chơi thể thao cho sinh viên nhưng trong các đợt cao điểm hoạt động vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về sân chơi thể thao nên phải đi mượn, thuê bên ngoài.

## **4. K ho ch hành ng**

Trong năm 2010 nhà Trường sẽ tiến hành nâng cấp, mở rộng khu vực thể thao, vui chơi giải trí của trường đáp ứng nhu cầu cho sinh viên. Tiếp tục triển khai dự án xây dựng khu sinh hoạt văn hóa, thể thao cho sinh viên; năm 2010 sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 6.3**

Công tác *rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống* cho người học được thực hiện có *hiệu quả*.

#### **1. Mô tả**

Ngoài việc đảm bảo cho người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo; đảm bảo các chế độ chính sách chăm lo sức khỏe cho người học thì công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học cũng được nhà trường quan tâm. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường để góp phần xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh trong trường Đại học, và cũng nhằm đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, phù hợp với sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của sinh viên, là cơ sở đánh giá xếp loại sinh viên trong từng học kỳ, năm học, xét khen thưởng, học bổng. Trường đã ban hành quy định rèn luyện sinh viên. Để thực hiện quy định này trường đã ban hành quyết định số 24/2008/QĐ-ĐHLH về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trường Đại học Lạc Hồng hệ chính quy (MC6.3-01). Công tác rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống của người học do phòng Công Tác Sinh Viên cùng với Văn phòng Đoàn thực hiện. Việc tổ chức thực hiện Quy chế 42, 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã giúp cho sinh viên nắm được rõ hơn về tư tưởng đạo đức.

Được sự quan tâm đặc biệt của Ban giám hiệu nhà trường, hàng năm Phòng Công tác sinh viên đã tổ chức đợt “Học công dân đầu khóa” cho sinh viên trường theo đúng quy định và chỉ thị của Vụ Công tác Học sinh Sinh viên, Bộ Giáo dục & Đào tạo với nội dung chương trình bao gồm: phổ biến các Nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tình hình về thời sự, kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, các nội quy, quy chế và công tác HS - SV, các nội dung về giáo dục pháp luật, giáo dục giới tính, phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, công tác đảm bảo an ninh và an toàn xã hội...(MC6.3-02). Kết thúc đợt học, sinh viên làm bài thu hoạch. Từ đó sinh viên có hướng học tập, rèn luyện và phòng chống tệ nạn xã hội.

Hàng năm, Phòng Công tác sinh viên đều có kế hoạch và báo cáo tổng kết về công tác HS - SV (MC6.3-03).

Người học thường xuyên được cung cấp các loại báo chí, tài liệu phục vụ cho nhu cầu rèn luyện như báo Thanh niên, Tuổi trẻ... và được đặt tại thư viện của trường, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc học tập và tìm kiếm thêm thông tin từ báo chí (MC6.3-04). Ngoài ra Đoàn – Hội Sinh viên còn đặt mua thêm báo Tuổi trẻ cuối tuần, Tạp chí sinh viên, ... cho các Chi đoàn, chi hội, các khoa định kỳ hàng tuần.

Thông qua Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc thi, chương trình nhằm tuyên truyền lối sống văn minh, phòng chống ma túy, tội

phạm, HIV... cho người học như phát động phong trào sinh viên thực hiện nếp sống văn minh và bài trừ tệ nạn xã hội, tổ chức các cuộc thi sinh viên Lạc Hồng với công tác tuyên truyền phòng chống ma túy, cuộc thi tìm hiểu công an nhân dân Việt Nam vì bình yên cuộc sống, tuyên truyền luật lệ an toàn giao thông, cuộc thi tìm hiểu pháp lệnh phòng chống mại dâm...(MC6.3-05).

Ngoài ra nhà trường có tổ chức các buổi nói chuyện ngoại khóa về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới cho người học như tổ chức buổi chiếu phim về con người, cuộc đời, sự nghiệp cách mạng và tấm gương đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh, gặp gỡ và giao lưu với các nhân chứng lịch sử, tổ chức xem trực tuyến hội nghị tập huấn báo cáo viên về công tác bầu cử đại biểu quốc hội khóa XII của tỉnh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và sinh viên...(MC6.3-06). Có các phong trào khuyến khích người học tìm hiểu và học tập về chính trị, tư tưởng như tổ chức cuộc thi tìm hiểu 60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cuộc thi tìm hiểu âm vang Điện Biên... (MC6.3-07). Sinh viên đã tích cực tham gia các phong trào và hoạt động trên.

Các phong trào công ích xã hội được thể hiện qua các hoạt động đóng góp công ích xã hội, các phong trào tình nguyện bằng nhiều hình thức phong phú như: Thanh niên tình nguyện Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Tiếp sức đến trường, đôi bạn giúp bạn, quyên góp giúp đỡ trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn, phong trào hiến máu nhân đạo, quyên góp ủng hộ lũ lụt cùng nhiều phong trào khác (MC6.3-08). Nhà trường đã có nhiều bằng khen về việc tổ chức các hoạt động và phong trào này (MC6.3-09).

## **2. ánh giá i m m nh**

Các đợt học tập chính trị đã giúp sinh viên nắm được chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước; giúp sinh viên nắm được đường lối phát triển Giáo Dục – Đào Tạo, các nghị quyết phát triển giáo dục từ năm 2001 -2010, nắm được định hướng đào tạo và các quy chế, quy định của Bộ, Trường.

## **3. Nh ng t n t i**

Công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên đôi lúc còn chưa kịp thời.

## **4. K ho ch hành ng**

Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện lối sống cho người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa” và thông qua giáo viên chủ nhiệm giúp sinh viên học tập và rèn luyện tốt hơn.

Áp dụng nhiều hình thức khen thưởng, kỷ luật kịp thời để sinh viên thấy rõ trách nhiệm của bản thân.

Thường xuyên nắm bắt tâm tư nguyện vọng của sinh viên, từ đó giúp sinh viên có hướng đi tốt hơn trong tương lai.

## **5. T ánh giá: Đạt**

## **Tiêu chí 6.4**

*Công tác Đoàn, Đội có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.*

### **1. Mô t**

Nhà trường có tổ chức chuyên trách về Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên (MC6.4-01). Có quy chế làm việc của Ban chấp hành Đoàn (MC6.4-02). Đoàn TNCSHCM – Hội Sinh viên trường luôn đạt danh hiệu xuất sắc (MC6.4-03). Bên cạnh đó Đoàn TNCSHCM và tổ chức Hội sinh viên không ngừng đổi mới, luôn phối hợp chặt chẽ để tạo ra những sân chơi lành mạnh cho sinh viên (MC6.4-04).

Đoàn thanh niên cùng với Hội sinh viên ngay từ đầu năm học đều có kế hoạch hành động cụ thể (MC 6.4-05). Hàng năm đều có báo cáo tổng kết, báo cáo thành tích đạt được trong năm (MC6.4-06).

Thông qua các kỳ đại hội, các diễn đàn sinh viên Đoàn, Hội cũng nắm bắt được tư tưởng, nhu cầu và nguyện vọng của sinh viên. Hàng năm Đoàn thanh niên phối hợp với Hội Sinh viên trường đã tổ chức định kỳ buổi đối thoại trực tiếp giữa Ban giám hiệu nhà trường với Cán bộ Đoàn – Hội sinh viên trong trường và lớp Trường, lớp Phó các Chi đoàn viên, sinh viên để lắng nghe trao đổi và trả lời trực tiếp những thắc mắc của sinh viên (MC6.4-07). Ngoài ra Đoàn – Hội Sinh viên trường tổ chức định kỳ cuộc thi “Thắp sáng ước mơ sinh viên – Ý tưởng Lạc Hồng; nếu tôi là giám đốc, Hiệu trưởng, trưởng/phó khoa/các phòng ban, là Bí thư, Chủ tịch Hội Sinh viên trường (MC6.4-08).

Đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức cho thanh niên ưu tú, có thành tích học tập khá giỏi và tích cực tham gia các hoạt động tham gia lớp tìm hiểu về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tổ chức kết nạp. Trung bình hàng năm Đoàn trường đã tổ chức kết nạp hơn 500 thanh niên ưu tú vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (MC6.4-09). Trong năm vừa qua Đoàn trường còn giới thiệu cho Đảng ủy trường 85 Đoàn viên ưu tú tham gia lớp tìm hiểu về Đảng và giới thiệu cho Đảng ủy 20 Đoàn viên đã qua lớp tìm hiểu về Đảng xem xét và kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam (MC6.4-10). Trong năm qua Hội Sinh viên trường cũng đã xem xét và kết nạp cho 216 sinh viên vào tổ chức Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Sinh viên giới thiệu cho Đoàn trường 23 hội viên ưu tú tham gia lớp tìm hiểu về Đảng (MC6.4-11).

Trong quá trình hoạt động phong trào, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà Trường luôn quan tâm, động viên sinh viên kịp thời. Nhiều đoàn viên sinh viên được nhà Trường, Đoàn cấp trên khen thưởng (MC6.4-12).

Từ khi mới thành lập đến nay nhà trường luôn chú trọng phát triển Đảng cho sinh viên, đây là môi trường tốt giúp cho sinh viên rèn luyện đạo đức lối sống, là một trong những thế mạnh của trường. Từ một Chi Bộ nhỏ nay đã thành lập được Đảng Bộ với 6 Chi Bộ.

Công tác Đoàn khá vững mạnh, tất cả các lớp đều là 1 chi đoàn và mỗi khoa có 1 Đoàn Khoa riêng biệt. Đây là nơi để sinh viên thể hiện khả năng lãnh đạo và tự chủ, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cũng đi lên từ đây.

Trường có tổ chức sinh hoạt chính trị, tổ chức lớp cảm nhận Đảng cho người học (MC6.4-13) và hàng năm đều có người học kết nạp Đảng (MC6.4-14).

## **2. ánh giá i m m nh**

Công tác Đảng, đoàn thể trong nhà Trường đã có tác dụng tích cực trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện tu dưỡng đạo đức và lối sống lành mạnh trong sinh viên.

Giúp sinh viên gắn kết được tinh thần đoàn kết bạn bè, giúp đỡ nhau trong học tập và cùng nhau phấn đấu để trở thành người có ích trong xã hội.

Tổ chức đoàn thể trong Trường đã phát huy được sức mạnh tập thể, xây dựng thành công khối đại đoàn kết trong Trường, giữ vững tình ổn định chính trị trong nhà Trường.

Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên với nhiệm vụ gắn kết sinh viên trong trường, tổ chức những sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên, tạo điều kiện cho các bạn có nơi thể hiện nhiệt huyết sức trẻ, thu hút sinh viên vào các hoạt động bổ ích, tránh xa TNXH; Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên đã tạo được niềm tin nơi các bạn sinh viên qua các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT; các hoạt động tình nguyện như chiến dịch Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, Hiến máu nhân đạo...

## **3. Nh ng t n t i**

Một bộ phận nhỏ sinh viên vẫn chưa quan tâm nhiều đến hoạt động Đoàn, Hội sinh viên trong trường.

## **4. K ho ch hành ng**

Thời gian tới tiếp tục tăng cường, thúc đẩy phong trào Đoàn, Hội sinh viên ngày càng vững mạnh, thu hút đông đảo các bạn sinh viên tham gia.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 6.5**

Có các *bi n pháp c th*, có *tác đ ng tích c c* để *h tr* việc *h c t p* và *sinh ho t* của người học.

#### **1. Mô t**

Trong những năm qua mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nhưng nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát các bộ phận chức năng tìm các giải pháp phù hợp, tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho sinh viên.

Trường có hai hội trường, mỗi hội trường có sức chứa trên 300 chỗ ngồi, được trang bị đầy đủ ánh sáng, âm thanh được sử dụng cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật cho sinh viên.

Về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, mặc dù khuôn viên tại các cơ sở của trường còn hạn chế về diện tích, nhưng nhà trường luôn đề ra giải pháp thích hợp và tạo mọi điều kiện cho sinh viên luyện tập các hoạt động thể dục thể thao. Tận dụng sân ở cơ sở 2 của trường để làm sân đánh bóng chuyền phục vụ cho sinh viên luyện tập vào buổi chiều và những ngày cuối tuần. Mặt khác nhà trường còn thường xuyên tổ chức thuê các địa điểm như để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao dành cho sinh viên (MC6.5-01).

Ký túc xá có 800 chỗ ở cho sinh viên. Ký túc xá được trang bị đầy đủ điện nước, bàn ghế và có nhà vệ sinh riêng cho từng phòng với mức thuê phòng trung bình 100.000/ 1 tháng /sinh viên. Trong ký túc xá có nhà ăn, căn tin đáp ứng nhu cầu ăn uống cho sinh viên. Nhà trường có các ban chỉ đạo phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội (MC6.5-02). Đoàn trường ký kết với các Công an Tỉnh và địa phương tuyên truyền giáo dục chống tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc. Ký túc xá của trường được Bộ Công An và Công An tỉnh Đồng Nai và Biên Hòa chọn là ký túc xá điểm về an ninh trật tự, văn hóa không có tệ nạn xã hội (MC6.5-03).

Đoàn trường phối hợp với Hội sinh viên tổ chức chiến dịch “Tiếp sức mùa thi” hàng năm, thu hút trên 100 sinh viên tình nguyện tham gia. Đội thanh niên tình nguyện đã giới thiệu hơn 800 lượt thí sinh và các bậc phụ huynh có con em đi thi tìm được chỗ trọ với giá rẻ (MC6.5-04).

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên như cắm trại, Đố vui tin học, Rung chuông vàng, thi tiếng hát sinh viên Lạc Hồng được tổ chức 1 năm một lần, tổ chức giao lưu văn nghệ và các cuộc thi đấu thể thao giữa các khoa với nhau... (MC6.5-05).

Nhà trường đã phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tổ chức cho sinh viên nghèo được vay vốn học tập. Ngoài ra Đoàn – Hội Sinh viên trường còn có những chương trình giúp đỡ sinh viên học tập tốt hơn, các đội, nhóm, các câu lạc bộ học thuật và các cuộc thi về kiến thức thường xuyên được tổ chức: Đồi bạn cùng tiến, Câu lạc bộ tiếng Anh, Hàn, Nhật, Hoa, Câu lạc bộ tự động hóa, câu lạc bộ hóa học, câu lạc bộ Robocon, Cuộc thi Sinh viên Lạc Hồng Trí tuệ - Năng động – Sáng tạo, Cuộc thi nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp,... (MC6.5-06). Đoàn – Hội Sinh viên trường phối hợp với Ban lãnh đạo các khoa tổ chức các cuộc đối thoại với nhà doanh nghiệp (MC6.5-07). Nhờ vậy đã tạo cơ hội cho nhiều sinh viên nghèo trang trải các chi phí trong quá trình học tập tại trường.

Trường thành lập quỹ khuyến học, hội đồng xét học bổng. Hàng năm bằng nguồn kinh phí của trường và nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm nhà trường đều dành khoảng 800.000.000đ đến 900.000.000đ làm học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên thuộc diện chính sách...việc cấp học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, học khá giỏi với 3 mức 500.000đ, 1.000.000đ, 1.500.000đ cho trên 500 sinh viên, góp phần giải quyết khó khăn cho các em tiếp tục học tập (MC6.5-08).



Nhà trường đã thành lập TT Thông Tin Tư liệu với hệ thống máy tính nối mạng internet để giúp sinh viên có thêm nơi tự học và truy cập tài liệu trực tuyến. (MC6.5 -09)

## **2. ảnh hưởng**

Nhà trường có nhiều giải pháp có hiệu quả cao để hỗ trợ sinh viên trong học tập và sinh hoạt

## **3. Nhận xét**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động TĐTT còn chưa đủ nên việc tổ chức các hoạt động còn bị động.

Chỗ ở ký túc xá chưa đáp ứng đủ nhu cầu về nội trú của sinh viên trường.

## **4. Kế hoạch**

Trong năm 2010, Nhà trường xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình như: sân chơi TĐTT cho sinh viên, các phòng thí nghiệm và phòng thực hành máy tính nhiều hơn nữa...để hỗ trợ thiết thực cho sinh viên trong học tập và sinh hoạt (nhà Trường đang xây dựng khu Trung tâm Giáo dục Thể chất 7000m<sup>2</sup> tại Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai).

## **5. Tổng kết:** Đạt

### **Tiêu chí 6.6**

Trường xuyên *tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo, chỉ đạo* lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng *luật pháp, chính sách, nội quy, quy định, chính sách* của Đảng và Nhà nước và *các nội quy* của nhà trường cho người học.

#### **1. Mô tả**

Trường rất quan tâm đến việc giáo dục sinh viên hiểu biết và tôn trọng pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cụ thể như sau:

Đầu năm học, trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa có nội dung nói về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước (MC6.6-01). Có môn học pháp luật nằm trong chương trình đào tạo (MC6.6-02)...Đoàn thanh niên đã tổ chức các phong trào tìm hiểu pháp luật với nhiều hình thức phong phú thu hút hàng ngàn sinh viên tham gia (MC6.6-03).

Công tác giáo dục truyền thống yêu nước, giữ gìn bản sắc dân tộc được tổ chức thường xuyên thông qua các ngày lễ lớn với các hình thức: mít tinh, diễn đàn, hội thi, cắm trại, văn nghệ...(MC6.6-04).

Tổ chức các buổi nói chuyện, chuyên đề giúp sinh viên nắm rõ tình hình trong nước và quốc tế (MC6.6-05).

Hầu hết sinh viên trường có nhận thức chính trị tốt, đặc biệt là những chủ trương chính sách của ngành giáo dục, nghiêm chỉnh và gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Trường có nhiều hình thức tuyên dương, khen thưởng các sinh viên, đoàn viên gương mẫu (MC6.6-06). Nhà trường có chế độ khuyến khích đối với các cán bộ đoàn, cán bộ hội, cán bộ lớp về

tinh thần trách nhiệm trong học tập, công tác (MC6.6-07). Ngoài ra, nhiều sinh viên được Trung ương, Thành phố khen thưởng đã hoàn tốt nhiệm vụ học tập, NCKH và công tác xã hội (MC6.6-08). Các sinh viên tham gia công tác Đoàn - Hội có thành tích xuất sắc được xem xét giới thiệu kết nạp Đảng.

Trong sứ mạng của trường Đại học Lạc Hồng có ghi rõ “Nhà trường không chỉ chú trọng dạy chữ mà còn chú trọng giáo dục ý thức công dân, có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội cho sinh viên”. Vì vậy bên cạnh việc cung cấp những kiến thức về chuyên môn, nhà trường còn rất quan tâm đến việc rèn luyện cho sinh viên có ý thức đúng đắn để trở thành người công dân có đạo đức, có lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và có thái độ hợp tác.

Đoàn trường phối hợp cùng Hội sinh viên đã tổ chức cho các bạn Đoàn viên thanh niên trong trường tham gia như: các chiến dịch tình nguyện, phong trào hiến máu nhân đạo (MC6.6-09). Đặc biệt vào tháng 7 hàng năm Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức cho sinh viên tham gia chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh đến các vùng sâu vùng xa thời gian 1 tháng để xóa mù chữ và làm các công tác giúp đỡ cho bà con ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện gia đình khó khăn (MC6.6-10), qua đó giúp cho sinh viên hiểu rõ cuộc sống của người dân và định hướng “chân, thiện, mỹ” cho sinh viên.

Nhà Trường thương xuyên tuyên truyền các nội quy, quy định của nhà Trường thông qua các kênh thông tin: web, hệ thống sinh hoạt Giáo viên chủ nhiệm, hệ thống sinh hoạt Chi đoàn, Chi hội; qua hệ thống loa phát thanh và qua các buổi học chính trị đầu khóa học, đầu năm học.

## **2. ánh giá i m m nh**

Sinh viên thực hiện tốt các quy định của nhà trường và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; tỷ lệ sinh viên vi phạm pháp luật rất ít.

Sinh viên trường có đạo đức và lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

## **3. Nh ng t n t i**

Hệ thống loa phát thanh đôi khi còn chưa rõ do đội ngũ sinh viên tình nguyện phát thanh hoặc do hệ thống loa phát thanh.

## **4. K ho ch hành ng**

Trong thời gian tới cần đào tạo, hướng dẫn đội ngũ sinh viên tình nguyện phát thanh về cánh chỉnh âm thanh khi phát và sửa chữa, thay mới do hệ thống loa phát thanh.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 6.7**

Có các hoạt động *h tr hi u qu* nhằm *t ng t l* người tốt nghiệp có *vi c làm phù h p* với *ngành* nghề đào tạo.

## **1. Mô t**

Trường đã thành lập Trung tâm Quan hệ quốc tế, Tư vấn nghề nghiệp và việc làm. Nhiệm vụ của Trung tâm là hỗ trợ sinh viên tìm việc làm, tổ chức các hoạt động dịch vụ việc làm, tư vấn du học, dạy nghề, hướng nghiệp...(MC6.7-01). Trung tâm tiếp nhận đơn đăng ký tìm việc và đầu việc được đăng ký tuyển dụng từ các doanh nghiệp. Kết quả đã giới thiệu được các lao động nhận việc từ doanh nghiệp, công ty (MC6.7-02).

Trường xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp và các nhà tuyển dụng để tổ chức các cuộc giao lưu gặp, gỡ giữa sinh viên với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng (MC6.7-03). Thông qua chương trình này sinh viên rút ra được nhiều bài học quý giá cho việc chuẩn bị hội nhập của mình khi ra trường.

Hàng năm, nhà trường gửi các sinh viên đến thực tập tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện các đề tài tốt nghiệp, giải quyết các vấn đề trong thực tế (MC6.7-04). Từ những mối quan hệ này, các doanh nghiệp đã trực tiếp thông báo tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp của trường (MC6.7-05).

Trong năm vừa qua trường đã ký kết nhiều hợp đồng với các công ty xí nghiệp cho sinh viên đi thực tập có lương (MC6.7-06).

Bảng danh sách công ty, xí nghiệp trường đã ký kết hợp đồng cho sinh viên đi thực tập có lương kèm theo (MC6.7-07).

## **2. ánh giá i m m nh**

Nhà trường có mối liên hệ thường xuyên với các nhà tuyển dụng nhằm hướng nghiệp cho sinh viên và tạo cơ hội để sinh viên thực tập lao động thực tế có lương tại các cơ sở sản xuất, cơ quan, xí nghiệp.

Trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh viên năm cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ sở sản xuất kinh doanh.

## **3. Nh ng t n t i**

Trường chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người học có hoàn cảnh khó khăn.

## **4. K ho ch hành ng**

Tăng cường hoạt động của Trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm. Định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng.

Trường đang tiếp tục ký hợp đồng thêm với các doanh nghiệp, công ty, xí nghiệp cho sinh viên đi thực tập có lương:

Bảng danh sách công ty, xí nghiệp trường sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng kèm theo (MC6.7-08).

## **5. T ánh giá: Đạt**

## **Tiêu chí 6.8**

Người học có *khả năng tìm việc làm* và *tốt nghiệp* sau khi tốt nghiệp. Trong *năm* sau khi tốt nghiệp, *trên 50%* người tốt nghiệp tìm được việc *làm ứng ngành* được đào tạo.

### **1. Mô t**

Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cho thị trường lao động của tỉnh Đồng Nai nói riêng và của cả nước nói chung, là nơi đào tạo nhân lực cung cấp cho các Khu Công Nghiệp, Khu chế xuất của tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận. Số lượng sinh viên tốt nghiệp trung bình hàng năm khoảng 1000 sinh viên.

Thông kê số lượng sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào trong 5 năm gần đây (MC6.8-01).

Với những chủ trương kịp thời và đúng đắn trong việc đa dạng hóa các kênh tư vấn, tìm kiếm việc làm cho sinh viên. Trường đã tạo các mối quan hệ gắn kết thường xuyên giữa nhà tuyển dụng và nhà trường. Do đó đại đa số sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm (*98%*) và được nhà tuyển dụng đánh giá cao (MC6.8-02).

Trường có tổ chức họp mặt cựu sinh viên nhằm nắm được thông tin của sinh viên tốt nghiệp (MC6.8-03).

Trường đã tiến hành khảo sát điều tra sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường (MC6.8-04). Mục đích của việc điều tra sinh viên tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về tình trạng người học ra trường tham gia vào thị trường lao động đồng thời qua đó Trường đã tiếp nhận nhiều ý kiến đóng góp xây dựng của sinh viên. Bên cạnh đó trường cũng lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động về kiến thức, kỹ năng của sinh viên để qua đó tìm hiểu nhu cầu của nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng tốt hơn. (MC6.8-05).

### **2. ánh giá i m m nh**

Sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm chiếm tỷ lệ cao.

### **3. Nh ng t n t i**

Việc điều tra khảo sát sinh viên tốt nghiệp chưa được tiến hành thường xuyên, do đó nhà trường không nắm bắt chính xác thông tin về việc làm trong năm đầu của sinh viên.

### **4. K ho ch hành ng**

Hàng năm, định kỳ tổ chức điều tra khảo sát sinh viên tốt nghiệp để nắm bắt được tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp và để đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

### **5. T ánh giá: Không đạt**

## Tiêu chí 6.9

Người học được tham gia *ánh giá chất lượng giảng dạy* của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá *chất lượng đào tạo* của trường đại học trước *khi tốt nghiệp*.

### 1. Mô t

Sinh viên của trường chưa được tham gia vào công việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng như tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường.

### 2. *ánh giá i m m nh*:

Nhà Trường xây dựng lộ trình và tạo điều kiện thuận lợi cho người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

### 3. *Nh ng t n t i*:

Nhà trường chưa tổ chức cho sinh viên tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy và đào tạo.

### 4. *K ho ch hành ng*

Học kỳ I năm học 2009 - 2010, Trường sẽ cho sinh viên trực tiếp tham gia vào việc đánh giá thi điểm một số lớp về chất lượng giảng dạy của giảng viên, đánh giá chất lượng đào tạo của trường, học kỳ II năm học 2009 – 2010 sẽ đánh giá toàn bộ về chất lượng giảng dạy của giảng viên, đánh giá chất lượng đào tạo của trường cụ thể:

Kết thúc mỗi môn học sẽ phát cho mỗi sinh viên một phiếu khảo sát đánh giá.

Tổng hợp phiếu và xử lý số liệu khảo sát. Từ đó trường sẽ rút kinh nghiệm và cải tiến các quy trình (phương pháp giảng dạy, điều chỉnh chương trình đào tạo,...)

### 5. *T ánh giá*: không đạt

## K T L U N

*Tr ng luôn tuyên truyền, phổ biến các ngl i, ch tr ng c a ng và nhà n c n toàn b sinh viên thông qua các bu i sinh ho t u khóa, u n m h c. Phòng Công tác sinh viên c a tr ng có nhi m v m b o các ch , chính sách xã h i. Công tác ng và oàn th trong nhà tr ng phát tri n m nh, có tác d ng i v i vi c rèn luy n chính tr t t ng, o c và l i s ng cho sinh viên. T l ng i h c có vi c làm sau khi t t nghi p c a tr ng m c cao.*

*Tuy nhiên v n còn m t s h n ch nh : M t s n i dung c a ch ng trình giáo d c c ng nh quy ch , quy nh v ào t o ch a c thông báo trên h th ng loa phát thanh c a nhà tr ng. Tuy nhà Tr ng ã có sân ch i th thao cho sinh viên nh ng trong các t cao i m ho t ng v n ch a áp ng nhu c u v sân ch i th thao nên ph i i m n, thuê bên ngoài. Công tác n m b t tâm t , nguy n v ng c a sinh viên ôi lúc còn ch a k p th i. M t b ph n nh sinh viên v n ch a quan tâm nhi u n nhi u n ho t ng oàn, H i sinh viên trong tr ng. C s*

v t ch t, trang thi t b ph c v cho các ho t ng TDTT còn ch a nên vì c t ch c các ho t ng còn b ng. Ch ký túc xá ch a áp ng nhu c u v n i trú c a sinh viên tr ng. H th ng loa phát thanh ôi khi còn ch a rõ do i ng sinh viên tình nguy n phát thanh ho c do h th ng loa phát thanh. Tr ng ch a có nhi u ho t ng h tr tìm ki m vì c làm cho ng i h c có hoàn c nh khó kh n. Vì c i u tra kh o sát sinh viên t t nghi p ch a c t i n hành th ng xuyên, do ó nhà tr ng không n m b t chính xác thông tin v vì c làm trong n m u c a sinh viên. Nhà tr ng ch a t ch c cho sinh viên tham gia ánh giá ch t l ng gi ng d y và ào t o.

## **TIÊU CHU N 7: NGHIÊN C U KHOA H C VÀ PHÁT TRI N CÔNG NGH**

**M u:** Nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh c a tr ng i h c L c H ng c t ch c th c hi n trên c s huy ng các ngu n l c (tài chính và con ng i), c ánh giá b ng s l ng và ch t l ng các công trình công b ho c ng d ng có hi u qu trong th c t i n.

Trong nh ng n m qua, ho t ng nghiên c u khoa h c ã t m t s k t qu nh t nh, góp ph n tích c c vào s phát tri n c a tr ng. Nhìn chung, k t qu t c r t áng khích l : s l ng c ng nh ch t l ng c a các tài nghiên c u khoa h c ngày càng t ng, c s v t ch t ph c v cho ho t ng nghiên c u khoa h c c trang b ngày càng t th n, ho t ng NCKH ngày càng ch ng h n.

### **Tiêu chí 7.1**

**Xây d ng và tri n khai k ho ch** hoạt động khoa h c, công ngh phù h p với s m ng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

#### **1. Mô t**

Hoạt động khoa học - công nghệ của Trường Lạc Hồng đợc triển khai trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ giáo dục & Đào tạo cũng như các ban ngành của tỉnh Đồng Nai, phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường (MC7.1-01).

Hàng năm, trường đều chủ động gửi thông báo về việc xây dựng kế hoạch v à triển khai hoạt động NCKH đến các phòng, khoa (MC7.1-02). Đây là cơ sở để nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết về hoạt động khoa học v à công nghệ cho năm. Công tác triển khai thực hiện đề tài NCKH đợc tiến hành theo qui trình, thủ tục thực hiện đề tài NCKH các cấp (MC7.1-03).

Bên cạnh đó, Trường chủ động xây dựng hệ thống văn bản quy định về qui trình thực hiện NCKH trên cơ sở các văn bản liên quan của Bộ Giáo dục & Đào tạo

và luật Khoa học công nghệ nhằm giúp các đề tài thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng cho người nghiên cứu (MC7.1-04).

Nhờ có sự khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức tham gia các hoạt động khoa học công nghệ, hàng năm có nhiều đề tài NCKH được đăng ký và thực hiện (MC7.1-05).

Nguồn kinh phí là một yếu tố góp phần không nhỏ vào kết quả của hoạt động NCKH. Hàng năm, Nhà trường đầu tư khoảng hơn 900 triệu cho hoạt động này (MC7.1-06), nhờ đó hoạt động NCKH của trường phát triển rộng rãi và có chất lượng.

Với tôn chỉ của nhà trường: Học – Hiểu – Hành, Đạo đức – Trí tuệ - Sáng tạo. Do đó, Trường Đại học Lạc Hồng coi việc dạy thật, học thật, thi thật, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội là sứ mạng cơ bản của mình, xem nghiên cứu khoa học là cốt lõi để đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ và đáp ứng nguồn nhân lực cho cả nước nói chung và cho tỉnh Đồng Nai nói riêng.

## **2. ánh giá i m m nh**

- Hàng năm đều xây dựng kế hoạch NCKH từ cấp Khoa.
- Triển khai nghiêm túc, bài bản kế hoạch NCKH đã thông qua.

## **3. Nh ng t n t i**

- Lực lượng NCKH còn trẻ nên trong quá trình triển khai NCKH còn một số bất cập.

## **4. K ho ch hành ng**

Định kỳ hàng năm phổ biến thủ tục, hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp nhà nước.

Nhà trường tạo mọi điều kiện về thời gian cũng như về kinh phí hỗ trợ các đề tài/dự án nghiên cứu, đẩy mạnh liên kết giữa các nhóm nghiên cứu trong trường với các viện nghiên cứu, các nhà máy, xí nghiệp sản xuất.

Năm 2010, Nhà trường đưa ra kế hoạch để khuyến khích các cán bộ trẻ và sinh viên tham gia tích cực hơn nữa hoạt động NCKH và công bố các bài báo, đồng thời có chính sách hỗ trợ với lực lượng cán bộ trẻ.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 7.2**

Có các đề tài, dự án được *th c hi n* và *ng hi m thu* theo *k ho ch*.

#### **1. Mô t**

Từ năm 2003 đến nay nhà trường xem NCKH là cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài NCKH của giáo viên và sinh viên được định hướng nghiên cứu giải quyết các bài toán thực tế sản xuất của doanh nghiệp và nhà trường (MC7.2-01).

Từ năm 2003 đến nay trường đã tổ chức 11 hội nghị NCKH của sinh viên với hơn 500 đề tài và 5 hội nghị NCKH giáo viên với 120 đề tài (MC7.2-02). Sinh viên, giáo viên tiến hành đăng ký đề tài và nộp đề cương chi tiết. Khoa tiếp nhận và tập hợp phiếu đăng ký đề tài, báo cáo Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Khoa. Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Khoa tiến hành duyệt đề tài và theo dõi tiến độ thực hiện đề tài và lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Khoa (MC7.2-03).

Trường có quy định số lần báo cáo tiến độ thực hiện đề tài (MC7.2-04).

Nhờ việc theo dõi, quản lý chặt chẽ và đôn đốc thường xuyên nên đa số các đề tài đều thực hiện và nghiệm thu đúng kế hoạch.

## 2. **ánh giá i m m nh**

Đa số các đề tài được triển khai, được triển khai thực hiện thành công và đúng thời hạn.

Các sản phẩm NCKH của trường được đưa vào sử dụng bước đầu đã có những đóng góp nhất định vào nguồn lực của nhà trường.

## 3. **Nh ng t n t i**

Một số chủ nhiệm đề tài đã hoàn thành đề tài chậm so với tiến độ đăng ký và thuyết minh.

## 4. **K ho ch hành ng**

Bắt đầu từ năm học 2009-2010, công tác quản lý đề tài nghiên cứu khoa học các cấp sẽ được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc hơn để tránh tình trạng các chủ đề tài không đảm bảo đúng tiến độ thực hiện.

## 5. **T ánh giá: Đạt**

### Tiêu chí 7.3

*S l ng bài báo* đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế *t ng ng* với *s tài nghiên c u khoa h c* và *phù h p* với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

#### 1. **Mô t**

Cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Lạc Hồng đã có đóng góp ít nhiều trong việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước trong năm năm vừa qua.

Bảng 7.3: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí (MC7.3-01)

S l ng CBGD có bài báo ng trên t p chí	N i ng		
	T p chí KH qu c t	T p chí KH c p Ngành trong n c	T p chí / t p san c a c p tr ng
Từ 1 đến 5 bài báo		12	75
Từ 6 đến 10 bài báo		1	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia		13	75



Qui định của trường: mỗi báo cáo khoa học đạt giải phải viết thành bài báo và đóng vào 2 kỷ yếu của sinh viên và một kỷ yếu của giáo viên trong năm. Việc viết báo cáo khoa học thành bài báo giúp cho tác giả tự hoàn thiện mình và công trình nghiên cứu khoa học chứa hàm lượng chất xám cao (MC7.3-02).

Nhà trường dành một phần kinh phí thích đáng khen thưởng xứng đáng cho các tác giả bài báo. Ban đầu bài báo đăng ở tạp chí chuyên ngành trong nước được 1 triệu/bài, nước ngoài 3 triệu/bài và sau đó sẽ là lũy tiến (MC7.3-03).

## 2. Nh ng t n t i

Cán bộ giảng dạy chưa có thói quen đăng báo khi có công trình nghiên cứu.. Các công trình NCKH đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước còn khiêm tốn.

## 3. K ho ch hành ng

Trung tâm Thông Tin Tư Liệu nhà trường từ năm 2008 – 2009 sẽ đăng danh sách các tạp chí, hội nghị chuyên ngành trong nước và ngoài nước để cán bộ biết và chủ động gửi đăng. Danh sách này sẽ liên tục được cập nhật một tháng một lần.

## 4. T ánh giá: Không đạt

### Tiêu chí 7.4

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những *óng góp m i* cho khoa học, có giá trị *ng d ng* thực tế để *gi i quy t* các vấn đề phát triển *kinh t - xã h i* của *aph ng* và *c n c*.

#### 1. Mô t

Trong thời gian qua, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ của Trường đã có những bước tiến đáng kể. Nhiều đề tài, hoạt động nghiên cứu được triển khai và góp phần không nhỏ trong sự phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

Từ 2003 đến nay có nhiều đề tài được ứng dụng trong thực tế sản xuất, một số đề tài được ứng dụng trong thực tế trong công tác giảng dạy tại trường cũng như trong các doanh nghiệp.

#### Đề tài của giáo viên: (MC7.4-01)

✓ Quản lý doanh nghiệp điện tử được công ty bao bì Biên Hòa đưa vào sử dụng.

✓ Máy nhập điểm tự động đã được phòng Khảo thí Trường Đại học Lạc Hồng đưa vào sử dụng.

✓ Máy chấm thi trắc nghiệm được Trung tâm Thông Tin Tư Liệu trường áp dụng cho kỳ thi tuyển sinh.

✓ Đề tài Robot lau kính nhà cao tầng được hội đồng nhà nước nghiệm thu và bán lại cho công ty Thái Sơn quân đội để công ty cùng nhà trường nghiên cứu đưa ra sản xuất

✓ Card nạp vi xử lý và EPROM phục vụ giảng dạy, học tập được đưa vào sử dụng tại khoa Điện tử trường Đại học Lạc Hồng.

Bên cạnh đó, Sinh viên NCKH đã thực hiện nhiều đề tài gắn liền việc học và tích lũy được kiến thức đào tạo để trở thành nhà khoa học trong tương lai. Các đề tài đã vận dụng phương pháp NCKH vào trong học tập sinh viên sẽ nâng cao được tính chủ động trong học tập cũng như trong công việc sau này.

Đề tài sinh viên: (MC7.4-02)

✓ Nghiên cứu sơn Epoxy dung môi bảo vệ mặt sàn bê tông đã được công ty sơn Đồng Nai sản xuất.

✓ Quản lý IT được ứng dụng tại công ty Fujitsu.

✓ Công nghệ sản xuất nút áo từ vỏ sò ứng dụng tại công ty Italia.

✓ Quản lý hồ sơ giáo dân của được giáo sư Xuân Lộc sử dụng.

✓ Cải tiến quy trình sản xuất nút áo từ vỏ sò tự nhiên đã được công ty Gritty sử dụng.

✓ Chương trình E-Test được trường Đại học Lạc Hồng áp dụng để cho thi trắc nghiệm.

Và một số đề tài khác (MC7.4-03)

## **2. ánh giá i m m nh**

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã có sự gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, địa phương và khu vực. Có nhiều đề tài khoa học mang tính ứng dụng trong thực tiễn rất cao.

## **3. Nh ng t n t i**

- Sự liên kết giữa NCKH trong trường và các công ty chưa nhiều.

- Kinh phí và chế độ khuyến khích còn nhiều hạn chế.

- Trường chưa có đề tài NCKH cấp Nhà nước. Số đề tài ứng dụng hiệu quả trong thực tế chưa cao.

## **4. K ho ch hành ng**

Từ năm học 2009 – 2010 trở đi:

Nhà trường đẩy mạnh hoạt động NCKH giữa trường và các doanh nghiệp để có những đề tài thực tế ứng dụng trong sản xuất.

Các khoa, hội đồng khoa học Khoa và hội đồng khoa học trường cùng nhau xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ trường một cách hoàn thiện, thống nhất và có tính thực tiễn hơn.

Nhà trường sẽ tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu, đẩy mạnh liên kết giữa các nhóm nghiên cứu trong trường với các viện nghiên cứu, các nhà máy, xí nghiệp sản xuất.

Nhà trường sẽ có kế hoạch khuyến khích các cán bộ trẻ và sinh viên tích cực tham gia hơn nữa hoạt động NCKH.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### Tiêu chí 7.5

Đảm bảo *nguồn thu* từ  *nghiên cứu khoa học* và chuyển giao công nghệ *không ứ đọng kinh phí* của *trường* đại học dành cho các hoạt động này.

#### 1. Mô t

Nhà trường luôn tích cực phát triển quan hệ hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước. Đồng thời, Nhà trường cũng khuyến khích cán bộ, giảng viên chủ động thực hiện các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ. Không kể các hợp đồng tư vấn do cá nhân đảm nhiệm, Nhà trường đã thực hiện nhiều chương trình, dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, từ đó mang lại nguồn thu đáng kể (Bảng 7.5.2).

Trên thực tế, Trường rất chú trọng đầu tư kinh phí cho nghiên cứu khoa học. Hàng năm, trường đều dành khoản kinh phí cho hoạt động này (MC7.5-01).

#### B ng 7.5.2 B ng các tài chuy n giao công ngh

STT	Tên tài chuy n giao công ngh	N i chuy n giao	Ng u n thu
1	Mạng không dây, Văn phòng điện tử, các module quản lý điểm, quản lý sinh viên, quản lý đào tạo	Đại học Thủ Đức Thủ Thao Trung Ương II	150.000.000 đ
2	Phần mềm quản lý bán hàng	Siêu thị miễn thuế Mộc Bài	200.000.000 đ
3	Phần mềm E_Order	Công ty DVVH Cội Nguồn	100.000.000 đ
		Quán Café Cõi Riêng	110.000.000 đ
		Nhà hàng Riverside của công ty Ngọc Phát	80.000.000 đ
		Chuỗi nhà hàng Buncamita	80.000.000 đ
4	Phần mềm Fast Accounting	Công ty Cổ phần Phần mềm quản lý doanh nghiệp tại TPHCM	1.000.000.000 đ
5	Phần mềm khám chữa bệnh ngoại trú	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	1.250.000.000 đ
6	Phần mềm quản lý thư viện điện tử và các thiết bị	Thư viện điện tử	200.000.000 đ
7	Hệ thống kiểm tra và xếp vị linh kiện	Công ty Nectokin	125.000.000 đ
Tổng			3.295.000.000 đ

Tổng số tiền đã chuyển giao công nghệ là 3.295.000.000 đ trong tổng số tiền 13.095.000.000 đ mà nhà trường đã ký hợp đồng (MC7.5-02).

Qua đó cho thấy được nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn hơn so với kinh phí của trường dành cho hoạt động này.

## 2. **ánh giá i m m nh**

Trường đã chủ động tìm kiếm và huy động kinh phí từ các nguồn khác nhau để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

## 3. **Nh ng t n t i**

Chưa đa dạng hóa nguồn thu.

Cục sở hữu trí tuệ chưa công nhận.

## 4. **K ho ch hành ng**

Từ năm học 2009 – 2010 trở đi Nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhiều hơn nữa nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động này.

## 5. **T ánh giá: Đạt**

### Tiêu chí 7.6

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với *ào t o, g n k t* với các *vi n nghiên c u* khoa học, các *tr ng i h c* khác và các *doanh nghi p*. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào *phát tri n các ngu n l c* của trường.

#### 1. **Mô t**

Trường Đại học Lạc Hồng được các ban ngành, doanh nghiệp đặt nhiều kỳ vọng trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng như giảng viên được ứng dụng vào thực tiễn.

Từ năm 2003 đến nay trường đã tổ chức được 11 hội nghị NCKH của sinh viên với hơn 500 đề tài, 5 hội nghị NCKH của giáo viên với hơn 120 đề tài, 3 đề tài nghiên cứu khoa học báo cáo cấp Sở (MC7.6-01).

Các đề tài, dự án các cấp đều gắn với đào tạo. Hầu hết nội dung các đề tài đều gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo của Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực của cán bộ giảng dạy và năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Bảng 7.6: Tỷ lệ người học tham gia NCKH trong 5 năm gần đây

	<b>N m h c</b>				
	<b>2003-2004</b>	<b>2004-2005</b>	<b>2005-2006</b>	<b>2006-2007</b>	<b>2007-2008</b>
<b>S l ng</b>	51	79	84	154	204
<b>T l (%) trên t ng s ng i h c quy i</b>	6,2	10,1	8,6	14,30	16,33

Xác định được việc hợp tác với doanh nghiệp là nhu cầu sống còn của một trường đại học vì thế trong những năm qua, nhà trường đã cử rất nhiều đoàn cán bộ xuống tận các công ty, các cơ sở sản xuất để tìm hiểu nhu cầu lao động, những lĩnh vực các công ty đang có nhu cầu và xu hướng trong 5 và 10 năm tiếp theo (MC7.6-02). Từ những thành quả đó, Trường Đại học Lạc Hồng đã khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình trên bản đồ các trường đại học trong nước và khu vực, thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Nhà trường đã phối hợp rất tốt với công ty, tận dụng nguồn lực khoa học sẵn có của nhà trường, các giảng viên có học hàm học vị, những nhà khoa học được đào tạo bài bản hoặc các sinh viên năm cuối có học lực xuất sắc để thực hiện đề tài nghiên cứu (MC7.6-03). Những sinh viên tham gia chương trình đã được đào tạo tại môi trường thực tế của doanh nghiệp, sáng tạo, mạnh dạn trong việc ứng dụng lý thuyết trên giảng đường vào việc thực hiện đề tài, sản sinh ra một lực lượng kỹ thuật có tay nghề cao.

Nhiều đề tài đã được chuyển giao cho các công ty như: Dây chuyền kiểm tra và xếp vỉ linh kiện điện tử hoặc máy hàn chì tự động được chuyển giao cho công ty TNHH Điện Tử NEC TOKIN Việt Nam (100% Vốn Nhật Bản). Theo sự nhận xét của công ty, sự ra đời của dây chuyền đã giúp tăng năng suất, giảm nhân công lao động và tăng cường độ chính xác của sản phẩm hơn so với làm bằng tay rất nhiều (MC7.6-04). Đề tài máy uốn thép tự động chuyển giao cho DNTN Học Thuận Hòa, máy bôi trơn khuôn đúc bê tông chuyển giao cho công ty bê tông Châu Thới. Hệ thống mạng không dây, phần mềm văn phòng điện tử, chương trình quản lý điểm, quản lý sinh viên chuyển giao công nghệ cho Đại học Thể Dục Thể Thao Trung Ương II, Đại học Bà Rịa Vũng Tàu. Phần mềm bán hàng chuyển giao cho Siêu thị miễn thuế Mộc Bài. Phần mềm khám chữa bệnh ngoại trú cho Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Đồng Nai (MC7.6-05).

Lắp đặt và chuyển giao Tủ điều khiển nguồn tự động cho công ty TNHH Công Nghiệp Plus Việt Nam (Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2). Đây là một thiết bị quan trọng trong hệ thống cung cấp điện cho phép lựa chọn nguồn cung cấp điện thay thế một cách tự động trong trường hợp nguồn đang cấp bị sự cố như: thấp áp, mất pha hoặc mất điện hoàn toàn. Hệ thống được lắp đặt với các tính năng kỹ thuật tương đương đủ điều kiện nhập ngoại nhưng với giá thành chỉ bằng khoảng 70% giá trị mua trên thị trường. Hiện tại hệ thống vẫn đang hoạt động rất ổn định (MC7.6-06).

Một số đề tài nghiên cứu khoa học của giáo viên được đánh giá cao, được ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai cấp kinh phí thông qua sở khoa học – công nghệ. Năm 2003 có 2 đề tài tổng trị giá 1 tỷ 440 triệu (sở khoa học và công nghệ cấp 480 triệu, còn trường lo 960 triệu) đã nghiệm thu và bàn giao sử dụng. Năm 2004 có 2 đề tài tổng trị giá 2 tỷ 100 triệu (sở khoa học công nghệ cấp 700 triệu, còn 1 tỷ 400 triệu trường tự lo) đã được nghiệm thu, đặc biệt đề tài robot lau kính nhà cao tầng được

công ty Thái Sơn quân đội mua lại và cùng Trường Đại học Lạc Hồng nghiên cứu sản xuất công nghiệp (MC7.6-07).

### **ánh giá i m m nh**

Hoạt động nghiên cứu khoa học không chỉ được giảng viên quan tâm mà còn thu hút đông đảo sinh viên tham gia và trở thành một phong trào lớn và góp phần phân tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Những công trình nghiên cứu bám sát với mục tiêu đào tạo và nhiều công trình của cán bộ, sinh viên được ứng dụng trong thực tế sản xuất, giảng dạy và các hoạt động khác của trường.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác NCKH của đội ngũ giáo viên, sinh viên, tạo điều kiện tốt nhất để họ phát huy công tác nghiên cứu.

### **2. Nh ng t n t i**

Công tác NCKH giữa trường, các doanh nghiệp, các trường khác đã triển khai nhưng với số lượng còn ít.

### **3. K ho ch hành ng**

- Từ năm học 2009 – 2010 trở đi nhà trường tăng cường công tác liên kết với nhiều doanh nghiệp, các trường, các viện trong và ngoài nước để đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

- Nhà trường sẽ định kỳ tổ chức các seminar khoa học giữa các trường, các doanh nghiệp, các viện trong và ngoài nước để thu hút nhiều giáo sư đầu ngành ở các nơi cùng tham gia.

### **4. T ánh giá: Đạt**

## **Tiêu chí 7.7**

Có các quy định cụ thể về *tiêu chuẩn n n ng l c* và *o c* trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các *bi n pháp* để đảm bảo *quy n s h u trí tu* .

### **1. Mô t**

Trường Đại học Lạc Hồng chưa ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ. Tuy nhiên, Nhà trường có ban hành hợp đồng dạng bản thuyết minh đề tài NCKH cho chủ nhiệm đề tài khi đăng ký đề tài NCKH (MC7.7-01).

Chưa có biện pháp cụ thể để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, những đề tài nào có dấu hiệu vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đều có hình thức xử phạt nghiêm minh (MC7.7-02).

Nhà trường cũng có những quy định khen thưởng, đặc cách cho những đề tài NCKH thực hiện đạt yêu cầu của một đề tài NCKH và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn (MC7.7-03) .

### **2. Nh ng i m m nh**

- Trường đã có một số quy định riêng bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ NCKH.

- Có hình thức khen thưởng và xử phạt thích đáng.

### 3. **Nh ng t n t i**

Chưa đăng ký các đề tài NCKH quyền sở hữu trí tuệ với các cơ quan chức năng.

### 4. **K ho ch hành ng**

- Nhà trường đang tiến hành rà soát, kiểm tra lại các văn bản và tiến hành ban hành các quy định còn thiếu của nhà trường. Do đó, trong năm học tới (2009 -2010) trường sẽ ban hành quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ; tìm hiểu và xây dựng các quy định và biện pháp cụ thể về đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, từ đó bổ sung vào quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường.

- Nghiên cứu và triển khai đăng ký các đề tài NCKH, quyền sở hữu trí tuệ với cơ quan chức năng.

### 5. **T ánh giá: Đạt**

## **K T LU N**

*Ho t ng NCKH và phát tri n công ngh trong nhà tr ng ngày càng phát tri n, nhi u tài ng d ng vào th c ti n. Nghiên c u khoa h c c ng góp ph n nâng cao ch t l ng d y và h c c a nhà tr ng. Tr ng c n phát tri n h n n a v s l ng và ch t l ng c a các tài NCKH trong cán b , sinh viên.*

## **TIÊU CHU N 8: HO T NG H P TÁC QU C T**

**M u :** Hợp tác quốc tế là một trong những cơ hội để tiếp cận trình độ quốc tế, hội nhập toàn diện với giáo dục đại học thế giới, cũng như để học hỏi và quảng bá hình ảnh của Trường . *T nh n th c ó, ngay t nh ng tháng n m u tiên sau khi c thành l p Trung tâm Quan h qu c t , t v n du h c và vi c làm (TT QHQT-TVDH & VL) ã i vào ho t ng. Trung tâm ã ch ng thi t l p các quan h qu c t , tri n khai các ho t ng h p tác v i các tr ng i h c, các t ch c giáo d c, khoa h c và công ngh n c ngoài nh m nâng cao n ng l c ào t o và nghiên c u khoa h c (NCKH) c a tr ng. Các ho t ng h p tác qu c t c th c hi n theo úng qui nh c a Nhà n c.*

### **Tiêu chí 8.1**

Các hoạt động hợp tác quốc tế được *th c hi n theo quy nh* của Nhà nước.

#### **1. Mô t**

Trong những năm qua trường đã chủ động thiết lập các quan hệ quốc tế, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học

và công nghệ nước ngoài nhằm nâng cao năng lực đào tạo và NCKH của nhà trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước .

Các chương trình hợp tác đều có văn bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên về đào tạo và nhân sự (MC8.1-01). Nội dung các chương trình hợp tác rất đa dạng, trong đó đa số hợp tác trong việc tuyển sinh, đào tạo học viên, trao đổi học viên, tham quan và trao đổi nhân viên nghiên cứu, giảng dạy và phát triển, trao đổi thông tin...(MC8.1-02).

Hàng năm, trường đều có các báo cáo kết quả hợp tác với nước ngoài (MC8.1-03). Các chương trình hợp tác quốc tế đều được thông báo và triển khai đến tất cả các bộ phận liên quan, thường xuyên thông tin các kết quả làm việc lên trang web của trường.

Tiếp đoàn: Trong giai đoạn từ 09/2008 đến 01/2009 Trung tâm đã tiếp trên 30 lượt đoàn khách đến tìm hiểu hoạt động của trường. Trong đó có trên 20 lượt đoàn đại biểu các trường đại học nước ngoài. Các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường đều tuân thủ luật pháp và các quy định của nhà nước trong vấn đề tiếp đoàn và thực hiện các chương trình hợp tác.

Hiện nay nhà trường có bộ phận chuyên môn phụ trách hợp tác quốc tế thuộc TT QHQT-TVDH & VL. Cơ cấu nhân sự trung tâm gồm 10 nhân sự: 01 giám đốc phụ trách chung, 02 phó giám đốc phụ trách bộ phận hỗ trợ sinh viên (HTSV) và dịch vụ đào tạo (DVĐT), 03 bộ phận trực thuộc (hợp tác quốc tế: 02, hiện chưa cơ cấu trưởng bộ phận; HTSV: 02, DVĐT: 02) và thư ký trung tâm .

## **2. ánh giá i m m nh**

Đã triển khai được nhiều hoạt động phong phú và đa dạng nhằm mở rộng mối quan hệ với các tổ chức và trường đại học nước ngoài.

Thiết lập được mối liên hệ tương đối bền vững thông qua các văn bản thỏa thuận hợp tác và liên kết trong đào tạo và trao đổi học thuật.

Quy trình báo cáo đến các cơ quan hữu quan luôn được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài

## **3. Nh ng t n t i**

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, khoa và Trung tâm Quan hệ quốc tế -Tu vấn du học và việc làm.

## **4. K ho ch hành ng**

Trong năm 2009 – 2010, tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế mà trọng tâm là quan hệ với các trường Đại học, Viện nghiên cứu công nghệ của các quốc gia là cách tốt và nhanh nhất để thực hiện các yêu cầu phát triển của trường Đại học Lạc Hồng.

Gắn kết hợp tác quốc tế với các phòng, khoa thuộc trường trong mọi lĩnh vực và trọng điểm là xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, tạo thuận lợi cho giảng viên, sinh viên trường tham gia nghiên cứu, học tập nhằm nâng cao trình độ .



## 5. T ảnh giá: Đạt

### Tiêu chí 8.2

Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo đã mang lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao uy tín và chất lượng đội ngũ giảng viên. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của đơn vị.

#### 1. Mô t

Hợp tác đào tạo trên các ngành và lĩnh vực: Công nghệ thông tin, Cơ – Điện tử, Điều khiển tự động, Hóa, Sinh học, Môi trường, Quản trị kinh doanh quốc tế, Kế toán – Kiểm toán, Ngôn ngữ Anh, Hoa, Hàn... Về nội dung đào tạo tùy theo nhu cầu thực tế và theo nhu cầu của người học để bàn bạc thỏa thuận với các trường đối tác thiết kế chương trình đào tạo cho phù hợp (MC).

Việc liên kết đào tạo được thực hiện với nhiều hình thức học toàn phần tại Việt Nam (hình thức du học tại chỗ); học toàn phần tại nước ngoài. Hoặc chương trình đào tạo được chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn một học tất cả các môn lý thuyết và cơ sở ở Việt Nam. Giai đoạn hai học các môn chuyên ngành và thực hành ở nước ngoài. Hình thức tu nghiệp với thời gian ngắn hạn 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm đối với một số môn học nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho những người đã tốt nghiệp. Việc áp dụng nhiều hình thức đào tạo là nhằm đáp ứng các điều kiện và yêu cầu của người học về thời gian và chi phí (MC).

Hoạt động liên kết đào tạo được thực hiện với hai bậc học: đại học và cao học. Việc cấp văn bằng tùy theo điều kiện học tập có thể do hai trường Đại học Lạc Hồng và đại học liên kết cấp. Hoặc văn bằng được cấp bởi đại học liên kết ở nước ngoài cấp

Thời gian từ 2004 – 2009 : đã tổ chức nhiều chuyên đi thăm và ký kết với các trường Đại học của Mỹ, Anh quốc, Singapore, Trung Quốc cùng với các hoạt động đón tiếp các đoàn đến thăm và trao đổi hợp tác (MC8.2-01).

Thời gian từ 2002 đến nay: đã có quan tâm trong quan hệ hợp tác với nước ngoài thể hiện bằng việc chủ động tìm hiểu, liên lạc và xúc tiến việc liên kết với các trường, các tổ chức nước ngoài; cử cán bộ chuyên trách và tiến đến thành lập Phòng Quan hệ quốc tế. Đến năm 2005 đã thành lập Trung tâm Quan hệ Quốc tế - Tư vấn du học và Việc làm trên cơ sở hợp nhất Trung tâm tư vấn việc làm và Phòng Quan hệ Quốc tế (MC8.2-02).

Trong thời gian qua, trường đã có ký kết một số văn bản thỏa thuận hợp tác với các trường ở Anh, Phần Lan và Mỹ. Nhưng chỉ dừng ở việc trao đổi thư từ qua lại, chưa có triển khai những hoạt động hợp tác (MC8.2-03). Các kết quả hợp tác quốc tế trong các năm qua:

*Ng i h c c n h n h c b n g t i n c n g o à i*

Năm học 2006-2007, theo thỏa thuận với các trường Đại học tại Kaohsiung (Taiwan) đã đưa được 12 sinh viên đi học Master tại Taiwan ngành cơ khí (MC8.2-04); 10 sinh viên theo học Thạc sĩ tại Hàn Quốc (MC8.2-05); đưa 7 sinh viên đi thực tập tiếng Trung 1 năm tại Đại học Ngô Châu (Trung Quốc) (MC8.2-06).

Liên kết với công ty Oriental Star 3 sinh viên du học hè tại Mỹ (MC8.2-07).

### ***Giang viên c tra o i và h c t p t i n c ngo ài***

Có 1 giảng viên đi học Tiến Sĩ về Trung văn (MC8.2-08). Hai giảng viên khoa cơ điện có học bổng thạc sĩ tại Đại học tại Kaohsiung (Taiwan)

### ***Ng u n thu t h p tác n c ngo ài***

Hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực NCKH, chuyên giao công nghệ, liên kết đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực đã góp phần tạo nguồn thu qua tài trợ, liên kết đầu tư, ... tạo hiệu quả kinh tế thiết thực trong việc mở rộng và ngày càng hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường .

Liên kết xây dựng Trung tâm thông tin tư liệu: do sự đầu tư của hai phía Tổ chức Banpaku và trường Đại học Lạc Hồng, mỗi bên đầu tư một khoản tiền tương đương với 40.000 USD, tổng cộng 80.000 USD để trang bị một cơ sở gồm các thiết bị chuyên dùng và tư liệu cần thiết cho việc học tập, trao đổi văn hóa của sinh viên ngành Nhật Bản học (MC8.2-09).

Hiện nay trường đang hợp tác với Đại học I-Shou (Đài Loan) thực hiện chương trình thạc sĩ quản trị kinh doanh do trường I-Shou cấp bằng, giảng dạy tại Đại học Lạc Hồng do giảng viên hai trường đảm nhiệm. Chương trình này sẽ được thực hiện vào quý 2 năm 2010

## **2. ánh giá i m m nh**

Hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Trường đã phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo của Trường thông qua việc góp phần xây dựng đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng viên; từ đó, góp phần tích cực nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và nâng cấp cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị của Nhà trường.

## **3. Nh ng t n t i**

Những kết quả đạt được chỉ có tính chất bước đầu, chưa thực hiện đầy đủ các thỏa thuận đã ký kết.

## **4. K ho ch hành ng**

Tiếp tục chủ trương xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo với các đối tác nước ngoài, tăng cường thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên để tiến tới hợp tác đôi bên cùng hưởng lợi:

- Tổ chức đưa giảng viên và sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi đi đào tạo bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ ở các trường nổi tiếng.

- Tổ chức các hình thức đào tạo tại chỗ, du học tại chỗ, đào tạo theo hai giai đoạn nhằm giảm bớt chi phí.

- Tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm, các hình thức seminar.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 8.3**

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, tổ chức hội thảo khoa học và công bố các công trình khoa học chung đang bắt đầu triển khai và có kết quả ban đầu.

#### **1. Mô t**

Trong thời gian qua trường luôn cố gắng phát huy thế mạnh trong lĩnh vực này. Các hoạt động hợp tác với nước ngoài nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhà trường.

Trường đã tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo với sự có mặt của các chuyên gia nước ngoài tham dự đồng thời cử các cán bộ tham gia các hội nghị, hội thảo, chuyên đề được tổ chức ở trong và ngoài nước (MC8.3-0.2). Như:

1. Hội thảo quốc gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao theo nhu cầu xã hội tại Tỉnh Bình Dương, ngày 14/04/2009 .

2. Hội thảo liên kết đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực với các doanh nghiệp Nhật tại Trường đại học Lạc Hồng, ngày 22/11/2008

3. Hội thảo liên kết đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, ký thoả ước hợp tác với công ty Hwaseung Hàn quốc tại Trường đại học Lạc Hồng, ngày 04/08/2009

4. ....

Từ đó càng mở rộng hơn nữa việc liên kết về mặt nghiên cứu khoa học, trao đổi và chuyển giao công nghệ.

#### **2. i m m nh**

- Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi của UBND Tỉnh Đồng Nai, các sở, ban ngành liên quan và Ban lãnh đạo nhà trường .

- Sự phối hợp đồng bộ, hỗ trợ giữa các bộ phận thuộc TT QHQT -TVĐH & VL. Đội ngũ nhân sự trẻ, năng động trong công việc .

- Tỉnh Đồng Nai có gần 30 Khu công nghiệp lớn thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, .. là cầu nối trong các lĩnh vực hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo với nhà trường .

#### **3. Nh ng t n t i**

Hợp tác quốc tế về lĩnh vực NCKH của trường chưa phát triển đồng bộ, chỉ tập trung vào một số ít cán bộ chủ chốt của nhà trường.

Lực lượng cán bộ nghiên cứu của trường chưa nhiều. Vì vậy qui mô các đề tài NCKH cùng đối tác nước ngoài thực hiện còn ít.

#### **4. K ho ch hành ng**

Trong năm học 2009-2010 và kế hoạch hoạt động 05 năm (2010-2015) nhà trường tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tích cực tìm kiếm mở rộng các mối quan hệ với các trường, viện nghiên cứu nước ngoài, để cho hoạt động này phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

## 5. T ảnh giá: Không đạt

### K ết luận

B ộ phận H ọc p tác qu ả c ả nhà tr ường c ần phát huy nh ững i ềm m ềm nh ư n ỗ c ố, kh ả c ả ph ả c ả nh ững y ếu ố i ềm, thi ếu sót c òn t ỉ n ỉ và ho ả t ả nh ữ p tác theo ú ớng quy ểnh c ả nhà n ề c ả, khai thác và t ả n ả đ ả ng tr ả t ả t ả i ềm n ằnh c ả t ả nh ả nhà t ả p ả t ả tìm và m ả r ả ng qu ản h ữ qu ả c ả t ả nh ả m ả n ằnh cao ch ả t ả l ả ng ào t ả o, nghi ểnh c ả u khoa h ả c ả, th ả c ả hành th ả c ả nghi m ả v ả i ả c ả s ả v ả t ả ch ả t ả ngày c ảng hi ểnh i ả x ả ng t ả m ả v ả i ả c ả n ằnh phát tr ả i ảnh khu v ả c ả và th ả gi ả i.

## TIÊU CHU ẩN 9: TH ả VI ẩN, TRANG THI ả B ả H ả C ả T ả P ả VÀ C ả S ả V ả T ả CH ả T ả KHÁC

**M ả u:** Tr ả ng ả i ả c ả m ả b ả o c ả c ả i ả u ki ểnh v ả Th ả vi ẩn, trang thi ả t ả b ả h ả c ả t ả p ả và c ả s ả v ả t ả ch ả t ả khác ả tr ả i ảnh khai c ả c ả ho ả t ả ng ào t ả o và nghi ểnh c ả u khoa h ả c ả nh ả m ả t ả c ả m ả c ả tiêu và nh ả i ả m ả v ả ra.

Th ả vi ẩn v ả i ả t ả ng đ ả i ảnh t ả i ả c ả 1000 m<sup>2</sup> v ả i ả h ảnh 18.000 ả u sách và 11.000 sách i ả n ả t ả, v ả i ả 80 máy t ả i ảnh c ả n ằnh i ả m ả ng n ằnh i ả b ả và m ả ng Internet ả ph ả c ả v ả cho b ảnh c ả trong v ả i ả c ả tra c ả u, tìm tài li ể u. Trong th ả i ả gian v ả qua th ả vi ẩn ả thi ả t ả k ả l ả i ả ch ả ng ả i ả cho c ả gi ả theo ú ớng chu ẩn c ả th ả vi ẩn hi ểnh i ả (ng ả n ằnh, c ả h ả th ả ng ả i ảnh và Wifi ả dùng máy t ả i ảnh x ảch tay), l ả p ả t ả h ả th ả ng ả i ả u ho ả nh ả i ả t ả cho to ản th ả vi ẩn, l ả p ả t ả m ả i ả 70 máy t ả i ảnh màn h ảnh LCD c ả n ằnh i ả m ả ng n ằnh i ả b ả và m ả ng Internet v ả i ả y ả quy m ả c ả m ả t ả tr ả ng ả i ả c ả. Ph ảnh m ả m ả qu ả n ằnh lý Th ả vi ẩn eLib ả c ả vào s ả đ ả ng và t ả h ả i ả u qu ả cao trong c ảng tác qu ả n ằnh lý th ả vi ẩn.

Nh ả m ả làm ph ảng ph ả u ảnh tài li ể u i ả n ả t ả, th ả vi ẩn c ả Tr ả ng ả k ả t ả n ằnh i ả v ả i ả th ả vi ẩn c ả i ả h ả c ả Kinh t ả Tp.HCM, i ả h ả c ả Bách K ả hoa, i ả h ả c ả Khoa h ả c ả T ả nhiên ... và k ả t ả n ằnh i ả v ả i ả c ả s ả đ ả li ể u n ằnh c ả ngo ả i ả (H.W.Wilson, IEEE Digital Dissertation ...).

V ả i ả 46 phòng thí nghi ể m, th ả c ả hành t ả ng đ ả i ảnh t ả i ả c ả 8.880 m<sup>2</sup> là m ả t ả b ả ng ả ng ả i ả h ả c ả t ả i ảnh hành c ả gi ả th ả c ả hành và thí nghi ể m theo y ểu c ả u c ả c ả c ả ngành ào t ả o. C ả c ả x ả ng th ả c ả hành, máy t ả i ảnh c ả trang b ả y ả thi ả t ả b ả c ả c ả thi ả t ả b ả c ả n ằnh thi ả t ả, hi ểnh i ả c ả ch ả t ả l ả ng. 55 máy ch ả i ả u c ả l ả p ả t ả c ả gi ả ng ả ng, phòng h ả c ả và tr ản 1000 máy t ả i ảnh c ả k ả t ả n ằnh i ả m ả ng internet ả ph ả c ả v ả cho gi ả ng đ ả y ả và qu ả n ằnh lý. Ký t ả c ả x ả c ả tr ả ng ả c ả ảnh giá là An to ản – V ả n ằnh m ảnh – Kh ảng c ả t ả i ả ph ả m và t ả n ằnh x ả h ả i.

### **Tiêu chí 9.1:**

Thư viện của trường đại học có *ý sách, giáo trình, tài liệu tham khảo* tiếng Việt và tiếng nước ngoài *áp dụng yêu cầu* sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có *thư viện* được nối mạng, *phần cứng* dạy, học và nghiên cứu khoa học có *hiệu quả*.

#### **1. Mô tả**

Thư viện Trường Đại học Lạc Hồng trực thuộc Trung tâm Thông tin Tư liệu của trường. Trong thời gian vừa qua đã từng bước nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ giảng viên, sinh viên trong trường.

Thư viện trường được đặt tại hai cơ sở: 02 phòng tại tầng 1 và 2 của dãy A – Cơ sở 1 và 02 phòng tại tầng trệt dãy E – Cơ sở 3 với tổng diện tích 1000 m<sup>2</sup>. Phòng Thư Viện gồm có 1 phòng máy, 2 phòng dành cho tham khảo có cả máy tính, 2 phòng học nhóm nhỏ chứa hơn 10 chỗ ngồi và 2 phòng học nhóm lớn chứa hơn 15 chỗ ngồi, 30 giá sách, với 80 máy tính được nối mạng nội bộ và mạng Internet để phục vụ cho bạn đọc trong việc tra cứu, tìm tài liệu. Trong thời gian vừa qua thư viện đã thiết kế lại chỗ ngồi cho độc giả theo đúng chuẩn của thư viện hiện đại (ngăn ô, có hệ thống điện và Wifi để dùng máy tính xách tay), lắp đặt hệ thống điều hoà nhiệt độ cho toàn thư viện, lắp đặt mới 70 máy tính màn hình LCD được nối mạng nội bộ và mạng Internet với đầy đủ quy mô của một trường đại học (MC9.1-01).

Phần mềm quản lý Thư viện eLib đã được đưa vào sử dụng và đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý thư viện (tham khảo trực tiếp trên hệ thống)(MC9.1 – 02).

Tính đến ngày 30/10/2009 thư viện trường có tổng số 40.636 bản sách và tài liệu, trong đó: sách, tài liệu tiếng nước ngoài có 3.503 cuốn, giáo trình có 9.643 cuốn, sách tham khảo có 5.088 cuốn (gồm phân loại tổng quát có 1.367 cuốn; Khoa học tự nhiên và Toán học có 3.213 cuốn; Khoa học xã hội có 3.665 cuốn; Ngôn ngữ có 2.210 cuốn; Kỹ thuật và khoa học ứng dụng khác có 5.910 cuốn; Nghệ thuật Mỹ thuật và Trang trí có 508 cuốn; Văn học và tu từ học có 595 cuốn; Địa lí, lịch sử có 232 cuốn; Tôn giáo có 30 cuốn; Triết học và tâm lý học có 237 cuốn.) băng, đĩa, CD-Rom có 683 cái, tạp chí, luận văn, báo cáo nghiên cứu khoa học ... có 10.719 cuốn và 11.000 sách điện tử (MC9.1-03) hoặc tham khảo trên hệ thống.

Thư viện liên tục bổ sung thêm số lượng giáo trình, sách tham khảo đặc biệt là sách tham khảo ngoại văn (MC9.1-04). Trong mỗi đợt bổ sung thư viện đều có tham khảo ý kiến của các khoa về sách giáo trình và tài liệu tham khảo giảng viên khoa cần cho sinh viên học và nghiên cứu. Bên cạnh đó, nguồn sách của thư viện cũng được bổ sung thêm bởi các giảng viên là người nước ngoài hoặc cán bộ - giảng viên của trường có sách hay tặng thư viện.

Ngoài ra, trường cũng có các tài liệu, sách báo về chính trị, văn hóa, lịch sử, giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu của người đọc (MC9.1-05)

Để phục vụ bạn đọc sử dụng tài liệu thư viện có hiệu quả, thư viện đã đề ra quy định về việc mượn và trả sách, báo, tạp chí...(MC9.1-06), nội qui thư viện (MC9.1-07), quy định về làm thẻ tại thư viện (MC9.1-08) và được thông báo trên Website <http://172.0.0.11/NoiQui.htm>, <http://172.0.0.11/QuyDinh.htm> (tham khảo mạng nội bộ).

Thư viện đã đưa tin học vào các hoạt động quản lý ở các khâu mượn, trả, bổ sung, thống kê, tra cứu tài liệu, quản lý độc giả... Có nhân viên thư viện thường trực để hỗ trợ độc giả tra cứu và khai thác tài liệu có hiệu quả (MC9.1-09).

Nhằm mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thông tin, thư viện đã liên kết với các thư viện khác (MC9.1-10).

#### **a. Trong n c**

- Hiện tại hệ thống quản lý và tra cứu sách, tạp chí của Thư viện hoàn toàn tương thích với hệ thống của Trường ĐH Kỹ thuật công nghệ và ĐH Kinh tế TP HCM. Do đó từ Trường Lạc Hồng có thể tra cứu CSDL sách của 2 đại học trên.

- Trong thời gian vừa qua, Thư viện trường đã liên hệ với các Thư viện ở TPHCM như Thư viện Đại học Công nghiệp, Thư viện Bách khoa, Thư viện Khoa học Tự nhiên... để xin chia sẻ tài nguyên. Vì lý do bản quyền nên các đơn vị này không chia sẻ tài liệu dạng Online, cho nên Thư viện Lạc Hồng đã xin chia sẻ ở dạng sao chép nội bộ trên 6000 cuốn tài liệu tham khảo dạng số hoá và đã tiến hành nhập vào hệ thống.

- Riêng Thư viện Khoa học Tổng hợp TPHCM thì đã đồng ý số hóa cho Thư viện Lạc Hồng những cuốn tài liệu nào mà giáo viên và sinh viên của trường cần. Vì vậy trong thời gian tới, Thư viện sẽ tổ chức bộ phận có nghiệp vụ tốt để chuyên môn hoá việc tìm kiếm và cập nhật tài liệu cho Thư viện.

#### **b. N c ngoài**

Bảng 9.1: Các CSDL mà trường đã tiến hành mua hoặc xin liên kết miễn phí.

<b>STT</b>	<b>C S D Li u</b>	<b>Ch</b>
1	<b>H.W.Wilson</b> CSDL Toàn Văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Wilson Applied Science and Technology Full text CSDL gồm 569 tạp chí về các ngành khoa học kỹ thuật ứng dụng như: Toán học ứng dụng, Trí tuệ nhân tạo, Điều khiển tự động, Khí quyển học, Công nghệ hóa học, Kỹ thuật ô tô, Công nghệ thông tin và truyền thông, Thực phẩm, Chế tạo máy, Khai thác mỏ, Luyện kim...</li> <li>• Wilson Business Abstracts Full Text G ồm 524 tạp chí thuộc nhiều lĩnh vực như: Kế toán ngân hàng, Kinh tế học, Đầu tư, Quản lý, Marketing, Bất động sản, Thuế, Mối quan hệ với ngành công nghiệp, Bảo hiểm, Thương mại quốc tế...</li> <li>• Education Abstracts Full Text 528 tạp chí các lĩnh vực: Tin học trong giáo dục, Giáo dục kỹ thuật công nghệ,</li> </ul>

		<p>Khoa học thư viện, Giáo dục hướng nghiệp...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Social Science Full Text Gồm 524 tạp chí thuộc các lĩnh vực: Nhân học, Nghiên cứu vùng, Sức khỏe cộng đồng, Địa lý, Quan hệ quốc tế, Đạo đức học, Giáo dục gia đình, Lập kế hoạch quản lý cộng đồng, Tâm lý học, Xã hội học...</li> <li>• Reader guide Full Text Gồm 322 tạp chí thuộc các lĩnh vực: Hàng không, Thiên văn học, Địa lý học, Kinh doanh, Ôtô, Môi trường, Thời trang, Phim ảnh, Nghệ thuật, Báo chí, Nhạc, Chính trị, Thông tin...</li> </ul>
2	<b>IEEE Digital Library</b> Thư viện số	CSDL gồm 113 tạp chí của Nhà xuất bản IEEE thuộc các lĩnh vực: Kỹ thuật điện, Khoa học máy tính, Kỹ thuật thông tin, Vật lý ứng dụng...
3	<b>Proquest Digital Dissertation</b> CSDL Toàn văn	CSDL luận án, tập hợp khoảng 1,7 triệu Luận án từ các tác giả của hơn 1000 trường Đại học. Trong đó có hơn 450.000 Luận án toàn văn; Tra cứu hơn 225.000 bài trích và tóm tắt luận án về các lĩnh vực Tâm lý, Xã hội, Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật.
4	<b>Science – Direct</b>	Một trong những CSDL điện tử toàn văn lớn nhất trên Thế giới về các lĩnh vực Khoa học, Kỹ thuật, Y học và Thông tin thư mục.
5	<b>ACM Digital Library</b>	54000 on-line articles from 30 journals and 900 proceedings of the Association for Computing Machinery. Free bibliography, some abstracts.
6	<b>HINARI - Access to Research</b> Toàn Văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Animal Culture</li> <li>• Anthropology</li> <li>• Biochemistry</li> <li>• Biology (General)</li> <li>• Botanical Sciences</li> <li>• Cardiology</li> <li>• Chemistry</li> <li>• Dentistry</li> <li>• Dermatology</li> <li>• Economics</li> <li>• Education (General) and Library Science</li> <li>• Endocrinology and Metabolic Diseases</li> <li>• Engineering</li> <li>• Ethics</li> <li>• Gastroenterology</li> <li>• Law</li> <li>• Physics</li> </ul>
7	<b>OCARE - Online Access to Research in the Environment</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ecology &amp; Wildlife Conservation</li> <li>• Economics (Environment, Natural Resources &amp; Development)</li> <li>• Geography, Population Studies &amp; Migration</li> <li>• Statistics, Computers &amp; Modeling (Environmental)</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Environmental Law, Policy &amp; Planning</li> <li>• Environmental Chemistry....</li> </ul>
8	<b>AGORA - Access To Global Research In Agriculture</b> Tạp chí Toàn văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Agriculture</li> <li>• Animal Science</li> <li>• Biology</li> <li>• Biotechnology/Applied Microbiology</li> <li>• Chemistry/Biochemistry/Biophysics</li> <li>• Economics/Social Science</li> <li>• Entomology/Pest Control</li> <li>• Environment/Ecology/Natural Resources</li> <li>• Fisheries/Aquatic Science</li> <li>• Food Science/Nutrition</li> <li>• Forestry</li> <li>• Multidisciplinary/Miscellaneous</li> <li>• Plant Science/Soil Science ....</li> </ul>
9	<b>CRC Press ITknowledgeNetBase</b>	Gồm những tài liệu đáng tin cậy về công nghệ máy tính và mạng
10	<b>CRC Press EngNetBase</b>	Gồm 145 tạp chí nghiên cứu các lĩnh vực khoa học kỹ thuật ứng dụng như: Kỹ thuật điện, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật môi trường, Cấu trúc công trình...

## 2. Nhiệm vụ

Với vốn tài liệu phong phú, đa dạng đáp ứng được nhu cầu của người học về học tập, NCKH...

Nhờ sử dụng tin học trong công tác quản lý nên việc quản lý của thư viện được thuận tiện, hiệu quả.

## 3. Nhiệm vụ:

Tài liệu tham khảo còn ít.

Chưa quảng bá được một cách rộng rãi vai trò của thư viện tới toàn thể sinh viên.

## 4. Kế hoạch hành động:

Cập nhật và bổ sung thêm nguồn sách tham khảo, sách giáo trình mới.

Tuyên truyền tập huấn về tra cứu tài liệu, nội quy, quy định của thư viện cho sinh viên.

## 5. Thành tích: Đạt

### Tiêu chí 9.2.

Có số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.

#### 1. Mô tả

Trong quá trình xây dựng Trường Đại học Lạc Hồng, nhà trường xây dựng và huy động nhiều nguồn lực để tạo ra một cơ sở vật chất vững mạnh, đủ sức đáp



ứng những hoạt động phong phú và đa dạng của trường. Để đáp ứng nhu cầu hiện nay của thị trường nguồn nhân lực, cũng như nhu cầu của người học, nhà trường đã chia thành 03 buổi học (sáng, chiều và tối).

Hiện Trường đã có 46 phòng thí nghiệm, thực hành trong đó khoa Kỹ thuật công trình có 03 phòng, khoa Môi trường có 06 phòng, khoa Hóa có 08 phòng, khoa Điện – Điện tử có 07 phòng, khoa Cơ điện có 10 phòng và 12 phòng máy chung cho tất cả các ngành đào tạo. (MC9.2-01).

Các phòng thực hành, thí nghiệm với tổng diện tích 8.880 m<sup>2</sup> là đủ mặt bằng để người học tiến hành các giờ thực hành và thí nghiệm theo yêu cầu của các ngành đào tạo (MC9.2-02). Các xưởng thực hành, máy tính được trang bị đầy đủ thiết bị các thiết bị cần thiết, hiện đại có chất lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo (MC9.2-03).

Hiện toàn trường có 187 phòng học và 13 phòng học chuyên ngành bao gồm chuyên ngành Nhật Bản, phòng học chuyên ngành Hàn Quốc học, phòng học chuyên ngành tiếng Anh, phòng đa chức năng, phòng học máy tính được phân bố ở các cơ sở.

08 giảng đường với sức chứa trên 200 sinh viên, 01 giảng đường với sức chứa trên 200 sinh viên, 01 giảng đường với sức chứa trên 500 sinh viên, 03 giảng đường tại dãy F, và 02 hội trường lớn với sức chứa trên 400 sinh viên.

## 2. **Nh ng i m m nh**

Trong thời gian qua, Trường đã đầu tư trang bị đầy đủ và nâng cấp hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành và thí nghiệm để phục vụ việc học tập, giảng dạy.

## 3. **Nh ng t n t i**

Có đủ phòng học nhưng một số phòng tiện nghi còn hạn chế vì vậy không khí trong phòng còn nóng.

## 4. **K ho ch hành ng:**

Trang bị thêm quạt, máy lạnh cho những phòng học còn thiếu.

## 5. **T ánh giá:** Đạt

### **Tiêu chí 9.3.**

Có *trang thi t b* dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về *ch t l ng* và *s d ng có hi u qu*, *áp ng* yêu cầu của các *ngành* đang *ào t o*.

#### **1. Mô t**

Tùy theo nhu cầu của từng ngành đào tạo, trong những năm gần đây, Trường đã có chủ trương lớn trong việc đầu tư trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy học. Trong việc đầu tư chú trọng đến tính đa dạng của các loại trang thiết bị. Các trang thiết bị được trang bị theo yêu cầu của từng ngành, yêu cầu của từng bộ môn và từng khoa (TC9.3 – 01): khoa Kỹ thuật công trình (máy kéo nén, máy kính vĩ điện tử pentax eth – 305, máy nén ba trục, ....), khoa Điện –

Điện Tử (dao động ký, đồng hồ đo công suất AC, DC, máy phát sóng đa năng, máy đếm tần số, Oscilloscope, ...), khoa Công nghệ Hóa – Thực phẩm (máy UV – VIS, bể ổn áp nhiệt 18L, nồi hấp tiệt trùng 75L, tủ sấy chân không, kính hiển vi quang học...), khoa Cơ điện (màn hình cảm ứng, bộ thí nghiệm điện + bàn, máy chiếu, máy CNC, Board PLC, bộ khí nén, thiết bị tự động hóa omron, máy tiện, máy phay, ...). Do đó, phần lớn các loại trang thiết bị luôn được khai thác hiệu quả.

Ngoài ra, phương tiện giảng dạy còn có 55 máy chiếu các loại, trên 450 máy PC. (MC9.3-02).

Để thuận tiện cho sinh viên và giảng viên khai thác các trang thiết bị, phương tiện giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy học tập, Trường đã lắp đặt cố định máy chiếu, màn chiếu ở một số các giảng đường, phòng học, lắp đặt hệ thống ti vi, đầu đĩa cho các phòng học tiếng Trung, Nhật, Hàn...(MC9.3-03). Trường đã quy định khi cần sử dụng thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập (mic, máy nghe đĩa...) lớp chỉ cần cử sinh viên trong ban cán sự lớp (lớp trưởng hoặc lớp phó) đến phòng Đào Tạo của Trường để mượn. Ngoài ra, Trường còn bố trí nhân viên kỹ thuật trực tại phòng Đào Tạo ở mỗi cơ sở để hỗ trợ, giải quyết các vấn đề về kỹ thuật một cách kịp thời trong khi sử dụng thiết bị. Riêng về việc sử dụng các loại trang thiết bị trong xưởng, phòng thí nghiệm, sinh viên sẽ được sự hướng dẫn trực tiếp của các giảng viên trong giờ lên lớp lý thuyết hay thực hành.

Hàng năm, Trường đều dành kinh phí để tăng cường trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH (MC9.3-04). Song song đó Trường còn có kế hoạch bảo trì từ 03 tháng hoặc 06 tháng 1 lần tùy theo loại trang thiết bị và kiểm tra giá trị hao mòn của thiết bị 06 tháng 1 lần.

## **2. Nhiệm vụ**

Về cơ bản hệ thống trang thiết bị đã đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo hiện nay.

Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị tương đối đầy đủ những thiết bị cần thiết theo yêu cầu của từng ngành đào tạo.

## **3. Nhiệm vụ**

Những trang thiết bị phục vụ yêu cầu nghiên cứu khoa học, dự án, đề án vẫn còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Từ năm 2010, Trường tiếp tục đầu tư mua thêm những trang thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học.

## **5. Tổng kết:** Đạt

### **Tiêu chí 9.4**

Cung cấp đầy đủ *thiết bị tin học để hỗ trợ* các hoạt động *dạy và học, nghiên cứu khoa học* và *quản lý*.

## **1. Mô t**

Ứng dụng công nghệ thông tin là một trong các yếu tố quan trọng để đem lại hiệu quả trong công tác đào tạo và NCKH. Ngay từ khi thành lập công nghệ thông tin đã được đưa vào ứng dụng. Qua quá trình phát triển, đến nay nhà trường đã có nhiều thiết bị tin học nhằm hỗ trợ hoạt động dạy - học, NCKH. Hiện nay, Trường có 12 phòng máy với số lượng máy tính là 1571, trong đó số máy tính phục vụ trực tiếp đào tạo là 1063 (MC9.4-01). Mỗi phòng, khoa đều được trang bị máy tính cá nhân, máy in để phục vụ công tác quản lý (MC9.4-02).

Tất cả máy tính ở các phòng ban, khoa, trung tâm đều được kết nối mạng nội bộ (Intranet) và kết nối mạng Internet với tốc độ cao phục vụ 24/24 đảm bảo cho công tác đào tạo, NCKH và quản lý. Có bộ phận chuyên trách về quản trị mạng trực thuộc trung tâm Thông Tin Tư Liệu có nhiệm vụ đảm bảo hoạt động ổn định hệ thống mạng của trường (MC9.4-03). Nhờ vậy công tác quản lý đã hiệu quả hơn khi sử dụng mạng Intranet như: gửi lịch tuần, thông báo của phòng, khoa...

Nhà trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng: quản lý đào tạo, quản lý học phí, quản lý thư viện, quản lý điểm, quản lý hồ sơ, quản lý thẻ sinh viên, quản lý công văn, phần mềm xếp lịch học.

Thư viện của trường tại cơ sở 1 và cơ sở 3 có phòng máy tính dành cho sinh viên được kết nối Internet giúp cho sinh viên trong việc tra cứu tài liệu học tập. Ngoài hệ thống mạng cục bộ (LAN), Trường còn hệ thống mạng không dây ở 04 cơ sở giúp cho giáo viên và sinh viên tra cứu tài liệu trên mạng bất cứ lúc nào trong ngày để phục vụ giảng dạy và NCKH. Có hơn 45 cột phát sóng được lắp đặt tại các cơ sở với tốc độ truy cập gồm các chuẩn: 802.11G + 54 Mbps, 802.11N + 300 Mbps, phạm vi phủ sóng tốt nhất trong khoảng 50m (MC9.4 – 04).

Một số lớp học được trang bị máy chiếu Projector tạo điều kiện cho việc dạy và học được sinh động hơn. Phòng đào tạo của mỗi cơ sở đều trang bị máy tính giúp sinh viên tra cứu kết quả học tập.

## **2. Nh ng i m m nh**

Các phòng ban chức năng có đầy đủ máy tính và thiết bị tin học khác. Số máy tính trong trường được kết nối mạng Intranet và mạng Internet chiếm tỷ lệ cao (trên 90%). Hệ thống mạng được duy trì ổn định và có bộ phận chuyên nghiệp theo dõi, bảo trì.

Giáo viên, sinh viên thuận tiện truy cập mạng dễ dàng để tìm tài liệu học tập, giảng dạy và NCKH.

## **3. Nh ng t n t i**

Một số công tác quản lý chưa sử dụng phần mềm chuyên dụng như quản lý tài sản, quản lý nhân sự.

## **4. K ho ch hành ng:**

Năm 2010 đưa vào sử dụng phần mềm quản lý chuyên dụng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý của nhà trường.

## 5. T ảnh giá: Đạt

### Tiêu chí 9.5.

Có *di n tích l p h c* theo quy định cho việc dạy và học; có *ký túc xá* cho người học, đảm bảo đủ *di n tích nhà* và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có *trang thi t b* và *sân bãi* cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

#### 1. Mô t

Trường hiện có 187 phòng học với tổng diện tích 17.765m<sup>2</sup>. Lớp học bao gồm nhiều loại với diện tích khác nhau từ loại phòng nhỏ với diện tích 50m<sup>2</sup> dành cho lớp 50 sinh viên đến loại phòng lớn với diện tích 100m<sup>2</sup> dành cho lớp 100 sinh viên và giảng đường lớn phù hợp với môn học và chuyên ngành đào tạo.

Trường có 1 ký túc xá 5 tầng được đặt tại cơ sở 3 với diện tích 3.520m<sup>2</sup> tỷ lệ bình quân 3.6m<sup>2</sup> /1 sinh viên (MC9.5-01), đảm bảo phục vụ nhu cầu nội trú của người học. Ký túc xá hiện có 1000 chỗ ở (MC9.5-02), với số lượng này chưa đáp ứng được nhu cầu chỗ ở cho sinh viên. Đối với người học có nhu cầu về phòng ở mà ký túc xá không thể giải quyết được, hàng năm vào đợt nhập học sinh viên mới Đoàn TN và Hội SV trường đã tìm chỗ cho thuê để hỗ trợ sinh viên tìm chỗ ở.

Trong khi chờ đợi khu thể thao của Trường hoàn tất, Trường đã mượn sân bãi của Trung tâm thể dục thể thao Tỉnh để sinh viên học các môn giáo dục thể chất, thi đấu thể thao...(MC9.5-03)

Các hoạt động ngoại khóa khác như: hội thi văn nghệ, các sinh hoạt của Đoàn, Hội sinh viên... được tổ chức ở 2 hội trường lớn của trường.

#### 2. Nh ng i m m nh

Trường góp phần giải quyết chỗ ở cho người học. Điều kiện ở, sinh hoạt của sinh viên nội trú tương đối đầy đủ, có nơi xem tivi. Sinh viên ở ký túc xá có thể truy cập Internet phục vụ nhu cầu học tập của mình.

#### 3. Nh ng t n t i

Ký túc xá chưa đáp ứng nhu cầu chỗ ở của sinh viên mà chỉ ưu tiên dành cho sinh viên ở xa và khó khăn. Tỷ lệ số sinh viên ở ký túc xá là 7.03% , trong khi nhu cầu được ở ký túc xá ngày càng cao.

Diện tích để xây dựng sân bãi phục vụ cho các hoạt động thể dục, thể thao còn hạn chế.

#### 4. K ho ch hành ng:

Năm 2010 Trường đưa vào khu thể thao rộng khoảng 7000m<sup>2</sup> vào hoạt động. Đa dạng nguồn đầu tư để xây dựng thêm ký túc xá sinh viên.

## 5. T ảnh giá: Đạt

### **Tiêu chí 9.6.**

Có *phòng làm việc* cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu *theo quy nh.*

#### **1. Mô t**

Hiện Trường có 48 phòng làm việc gồm: các Phòng, Khoa, Ban giám hiệu, phòng họp, văn phòng Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, phòng nghỉ cho giảng viên đáp ứng cơ bản chỗ làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên (MC9.6-01). Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị như máy điều hòa nhiệt độ, máy vi tính, máy in và các trang thiết bị văn phòng khác,... phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường (MC9.6-02).

#### **2. Nh ng i m m nh**

Có đầy đủ phòng làm việc cho các khoa, phòng ban. Trang thiết bị được trang bị đầy đủ, tiện nghi.

#### **3. Nh ng t n t i**

Hiện trường có khoa Cơ điện và Phòng Công tác sinh viên có diện tích phòng làm việc còn nhỏ.

#### **4. K ho ch hành ng:**

Năm 2010 mở rộng diện tích phòng làm việc cho khoa Cơ điện và Phòng Công tác sinh viên.

#### **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 9.7.**

Có *diện tích s d ng t* theo quy định của *tiêu chu n TCVN 3981-85. Diện tích m t b ng* tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

#### **1. Mô t**

Trường Đại học Lạc Hồng có tổng diện tích là 200.000 m<sup>2</sup> (MC9.7-01). Trường có 4 cơ sở. Trường được xây dựng nằm trong thành phố, có kí túc xá cho sinh viên, có 46 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành.

Trường nằm ở vị trí yên tĩnh rất thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu khoa học; có môi trường thông thoáng, mát mẻ rất tốt cho sức khỏe người dạy và người học; có đường giao thông tương đối thuận tiện, đảm bảo cho việc đi lại của cán bộ, sinh viên và vận chuyển trang thiết bị, vật tư; Có hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi. Trường ở gần trung tâm thành phố Biên Hòa, cách thành phố Hồ Chí Minh 25km, gần khu công nghiệp trọng đi ểm phía Nam, đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập và nghiên cứu. Ngoài ra còn được sự hỗ trợ 14.5 ha đất của UBND tỉnh Đồng Nai cho trường.

Tổng số sinh viên chính quy của trường hiện nay khoảng 11.000 sinh viên. Với tổng diện tích đất của trường là 200.000 m<sup>2</sup>, đảm bảo đủ diện tích đất theo quy định của tiêu chuẩn Trường Đại học TCVN 3981-85 (từ 1.2ha đến 2 ha/1000 học sinh).

## **2. Nh ng i m m nh**

Trường nằm trong khu công nghiệp trọng điểm phía Nam.

Nằm ở gần trung tâm thành phố Biên Hòa, cách thành phố Hồ Chí Minh 25km.

Được sự hỗ trợ 14.5 ha đất của UBND tỉnh Đồng Nai.

## **3. Nh ng t n t i**

Các cơ sở của Trường được xây dựng vào những thời gian khác nhau, do đó các cơ sở chưa tập trung vào một chỗ.

## **4. K ho ch hành ng:**

Tăng cường hệ thống liên kết với các cơ sở bằng hệ thống mạng internet.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 9.8**

Có *qui ho ch t ng th* về *s d ng* và *phát tri n c s v t ch t* trong kế hoạch chiến lược của trường

#### **1. Mô t**

Hiện Trường có quy hoạch tổng thể của trường đến năm 2012, được thể hiện qua chiến lược phát triển Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2008 – 2012 (MC9.8-01).

Việc kiểm kê tính hao mòn và đánh giá lại chất lượng tài sản được tiến hành hàng năm (MC9.8-02). Đó cũng là căn cứ để lập kế hoạch trang bị, sửa chữa, nâng cấp và thanh lý tài sản. Từ đó, hàng năm các đơn vị trong trường đều lập bảng dự trù kinh phí mua sắm, sửa chữa (MC9.8-03).

Hàng năm, Trường đều có xem xét lại việc sử dụng cơ sở vật chất của trường. Trường đã có các kế hoạch nâng tầng, mở rộng diện tích cho phòng học, phòng thực hành và phòng tự học cho sinh viên tại Ký túc xá (MC9.8-04). Tùy theo nguồn kinh phí và dựa vào nhu cầu của từng đơn vị mà Trường phân bổ sử dụng cơ sở vật chất cho các đơn vị trong trường theo quy hoạch tổng thể chung phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học (MC9.8-05).

#### **2. Nh ng i m m nh**

Trường thường xuyên thực hiện mở rộng diện tích phòng học, phòng thực hành hàng năm để giải quyết nhu cầu mặt bằng.

Trường có quy hoạch về sử dụng và đầu tư phát triển cơ sở vật chất theo từng năm, theo dự trù kinh phí của các phòng, khoa, theo từng môn học.

#### **3. Nh ng t n t i**

Quy hoạch tổng thể chưa được phổ biến rộng rãi.

#### **4. K ho ch hành ng:**

Năm 2010 phổ biến rộng rãi cho toàn bộ CB-NV trong trường kế hoạch tổng thể của Trường từ năm 2010 – 2015.

#### **5. T ánh giá: Đạt**

## **Tiêu chí 9.9**

Có *bi n pháp h u hi u b o v tài s n, tr t t* , *an toàn* cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học.

### **1. Mô t**

Trường có đội ngũ bảo vệ (MC9.9-01) được phân bố ở các cơ sở và ký túc xá của trường. Hiện nay lực lượng bảo vệ chuyên trách của trường gồm 15 người, làm việc 24 giờ mỗi ngày (MC9.9-02). Lực lượng này phù hợp với quy mô của trường được trang bị đồng phục và các thiết bị hỗ trợ cho công việc. Trường có quy định nhiệm vụ rõ ràng của đội ngũ bảo vệ (MC9.9-03). Đội ngũ bảo vệ được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và được cập nhập thường xuyên tình hình an toàn, an ninh nơi trường đóng (MC9.9-04).

Mỗi cơ sở của trường đều có phòng y tế phục vụ cho Cán bộ - giảng viên – nhân viên và sinh viên trong trường. Khuôn viên trường ở các cơ sở đều được xây dựng tường rào bao bọc xung quanh.

Ở mỗi phòng thực hành, thí nghiệm đều có nội qui phòng thí nghiệm, qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm, an toàn hóa chất, các dụng cụ thủy tinh...

Định kỳ Trường tổ chức bồi dưỡng phòng cháy chữa cháy đến toàn thể nhân viên trong trường, đội ngũ chuyên trách bảo vệ nhằm mục đích nâng cao hiểu biết cho mọi người trong công tác phòng cháy chữa cháy nhằm bảo vệ tài sản chung (MC9.9-05). Các phòng làm việc, phòng học của trường đều được trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

Trường có phương án cụ thể cho việc phòng cháy chữa cháy về tổ chức lực lượng PCCC của trường gồm có tổ bảo vệ, tổ chữa cháy, tổ vận chuyển cứu thương (MC9.9-06).

Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với công an Thành phố Biên Hòa, công an Phường Bửu Long được thực hiện tốt (MC9.9-07). Các ngày lễ lớn đều có tăng cường lực lượng bảo vệ, phân công lãnh đạo trực chỉ huy, sẵn sàng đáp ứng mọi tình huống (MC9.9-08).

Trường có các báo cáo về công tác giữ gìn an ninh trật tự nhìn nhận những thành tích đã đạt được, những tồn tại để từ đó đưa ra phương hướng trong thời gian sắp tới (MC9.9-09).

### **2. Nh ng i m m nh**

Trường có đội ngũ bảo vệ đáp ứng được yêu cầu về số lượng và đảm bảo an ninh trật tự và an toàn tài sản cho trường.

Trong những năm gần đây tình hình an toàn, an ninh trong trường được đảm bảo.

### **3. Nh ng t n t i**

Nhân viên bảo vệ chủ yếu là bộ đội xuất ngũ nên vẫn chưa được đào tạo chuyên nghiệp.

#### 4. Kế hoạch hành động:

Tăng cường lực lượng đội ngũ bảo vệ. Mở các lớp tập huấn chuyên môn định kỳ 06 tháng 01 lần cho đội ngũ bảo vệ chuyên trách.

#### 5. Thành tích: Đạt

#### KẾT LUẬN

Trường Đại học Lạc Hồng có phòng học, sách báo, tài liệu, phòng máy tính góp phần thỏa mãn nhu cầu tra cứu tài liệu phục vụ học tập của sinh viên trong trường. Trường Đại học Lạc Hồng có phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Các phòng thực hành, thí nghiệm trang bị các thiết bị cần thiết. Trường cung cấp máy tính, kỹ thuật mạng nội bộ và Internet hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành. Có ký túc xá cho sinh viên; có phòng bảo vệ đảm bảo tài sản, trật tự, an toàn, an ninh.

Các cơ sở của Trường Đại học Lạc Hồng xây dựng vào những thời gian khác nhau, do đó các cơ sở chưa tập trung vào một chỗ. Vì vậy Trường Đại học Lạc Hồng và ngành công nghệ thông tin liên kết với các cơ sở bên ngoài thông qua internet.

## TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

**Mục tiêu:** Trường Đại học Lạc Hồng có các quy định pháp luật và kế hoạch tài chính, có thể quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các quy định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

### Tiêu chí 10.1

Có những quy định pháp luật và kế hoạch tài chính về tài chính, tổ chức các nguồn tài chính hợp pháp, áp dụng các hoạt động tài chính, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

#### 1. Mô tả

Trường Đại học Lạc Hồng tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển nhà trường.

Các nguồn thu của trường được nêu rõ trong điều 50 của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Lạc Hồng (MC10.1 -01). Các nguồn thu bao gồm:

1. Nguồn thu tại trường
  - Học phí của người học
  - Lệ phí của người học
  - Giá trị các hợp đồng đào tạo nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất.



- Lãi tiền gửi ngân hàng.
  - Thu về thanh lý tài sản thuộc nguồn vốn của trường
  - Các hoạt động dịch vụ
2. Vốn góp của các tổ chức cá nhân để đầu tư và phát triển trường
  3. Nguồn vốn tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
  4. Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng, các cá nhân.
  5. Các khoản thu khác

Các nguồn tài chính của trường đều được xây dựng trên cơ sở hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường. Các nguồn thu từ học phí của người học gồm học phí đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, văn bằng 2, tại chức, liên thông, đào tạo lưu học sinh Lào, đào tạo sau đại học, các hợp đồng liên kết đào tạo với các trung tâm.... Các khoản chi của Trường được nêu rõ trong điều 51 của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Lạc Hồng (MC10.1-01). Tất cả việc thu chi đều được phản ánh đầy đủ, ghi chép vào sổ sách rõ ràng theo hệ thống tài khoản đúng quy định của Nhà nước với đặc thù của đơn vị được thể hiện thông qua các báo cáo quyết toán tài chính hàng năm và được lưu trữ kỹ càng ở Phòng Tài vụ (MC10.1-02).

Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động NCKH, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khoản thu nhập và phúc lợi của CBCNV đều được đảm bảo (MC10.1-03). Nhà trường chú trọng đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ cho việc giảng dạy, học tập...(MC10.1-04).

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thu chi tài chính và các hoạt động thực tế của các phòng ban trong trường, Trường đều lập kế hoạch dự toán tài chính rõ ràng và sát thực tế (MC10.1-05). Toàn bộ các khoản thu của trường phản ánh tập trung vào tài khoản của trường tại Ngân hàng.

Trường phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo kinh phí chi cho các hoạt động thường xuyên của trường, trong đó không ngừng nâng cao thu nhập cho CBCNV, tăng cường chi cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (MC10.1-06). Các nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng đáp ứng các hoạt động của Trường và phục vụ tái đầu tư phát triển, cụ thể:

Các n m h c	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
<b>T ng thu (tri u ng)</b>	26.290	29.992	39.069	56.064	92.062
<b>T l t ng tr ng (% so n m tr c)</b>	120,97	114,08	130,26	143,50	164,21

Nhà trường luôn có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau để đáp ứng có hiệu quả các hoạt động của trường và tái đầu tư phát triển.

## **2. ánh giá i m m nh**

Trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

Nguồn tài chính của trường được sử dụng đúng mục đích. Các khoản thu chi được phản ánh một cách đầy đủ, chính xác, rõ ràng, minh bạch.

Có chiến lược để tăng thêm nguồn thu của nhà trường qua lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo.

## **3. Nh ng t n t i**

Các nguồn thu của trường chủ yếu là học phí của sinh viên ở tất cả các hệ đào tạo. Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chưa đáng kể.

## **4. K ho ch hành ng**

Trong năm 2009 - 2010, tìm giải pháp nhằm đa dạng hóa nguồn thu phục vụ cho nhu cầu phát triển trường trong những năm tiếp theo; tiếp tục nghiên cứu và ban hành các qui định về quản lý và sử dụng tài chính phù hợp hơn nữa với qui mô phát triển của trường.

## **5. T ánh giá: Đạt**

### **Tiêu chí 10.2**

Công tác *l p k ho ch* tài chính và *qu n lí* tài chính trong trường đại học được *chu n hóa, công khai* hóa, *minh b ch* và *theo qui nh*.

#### **1. Mô t**

Công tác tài chính của Nhà trường trong những năm qua luôn được coi trọng, hoạch định các bước đi trong việc phát triển của Trường. Kế hoạch tài chính hàng năm được lập phù hợp với yêu cầu đào tạo, NCKH, các hoạt động chung của Trường (MC10.2-01).

Kế hoạch tài chính hàng năm được Trường tính toán, cân đối chặt chẽ các nhiệm vụ chi trong năm một cách chính xác và sát thực tế và chủ động điều chỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Hàng năm, các phòng khoa lập kế hoạch chi tiêu cho năm học mới vào tháng 7. Tháng 8, Ban lãnh đạo nhà trường họp duyệt kế hoạch chi tiêu của các phòng khoa. Sau đó các phòng chức năng có nhiệm vụ thực hiện đúng theo kế hoạch đã được duyệt. Trong khâu mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập và thí nghiệm, căn cứ theo dự trù được duyệt và các yêu cầu kỹ thuật của các phòng khoa, phòng Quản trị Thiết bị làm hợp đồng với các Nhà Cung cấp thực hiện. Công khai việc mua sắm, các phòng khoa trực tiếp ký nhận hàng hóa và giá trị sử dụng. Kế hoạch được duyệt của từng năm được các khoa theo dõi, đôn đốc theo đúng kế hoạch được duyệt (MC10.2.02).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nhà trường chú trọng việc đào tạo sinh viên là số một. Vì vậy, việc trang bị máy móc thiết bị, phòng máy thực hành, linh kiện các phòng thí nghiệm được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Ngoài ra, Trường đảm bảo chi đúng và đủ các quyền lợi của CBCNV và sinh viên theo chế độ qui định như: Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm y tế, BHXH, Kinh phí công đoàn) cho CBCNV, chi trả học bổng và trợ cấp cho sinh viên và thực hiện các chế độ chính sách nhà nước qui định. Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa với sự hỗ trợ của các phần mềm phục vụ cho công tác kế toán, quản lý lương, quản lý nguồn thu học phí ... đã giúp Nhà trường quản lý tốt công tác tài chính. Các phần mềm hiện có là phần mềm kế toán, phần mềm lương, phần mềm quản lý học phí...(MC10.2-03). Các phần mềm được liên kết nhau bởi mạng cục bộ tạo sự quản lý thống nhất giữa các phần hành dưới sự kiểm soát của lãnh đạo Nhà trường.

Các khoản thu, chi đều được phản ánh vào báo cáo tài chính năm của Trường (MC10.2-04). Ngoài ra công tác quản lý tài chính hàng năm còn được kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên bởi Ban kiểm tra tài chính của Trường (MC10.2-05), của Ban kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế hàng năm của Cục Thuế Đồng Nai. Nhà trường đã mời Công ty Cổ Phần Giám định - Thẩm định Miền Nam đánh giá lại tài sản của Trường vào hồi tháng 2/2008.

## **2. á n h g i á i m m n h**

Trường đã xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm một cách có hệ thống, đầy đủ, sát với yêu cầu thực tiễn đảm bảo các hoạt động của trường; có tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho CBCNV. Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch và đúng quy định.

## **3. N h n g t n t i**

Kế hoạch tài chính chung của trường dựa trên kế hoạch tài chính của từng đơn vị. Do đó mặc dù việc phân bổ kinh phí đều được tính toán, đưa ra kế hoạch cụ thể nhưng còn những hạn mục chi không nằm kế hoạch.

## **4. K h o c h h à n h n g**

Nhà trường sẽ chú trọng hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính để đảm bảo khai thác tốt nguồn thu, góp phần đảm bảo chi thường xuyên và tăng thu nhập cho CBCNV.

## **5. T á n h g i á : Đ ạ t**

### **Tiêu chí 10.3**

Đảm bảo sự *phân b*, *s d n g* tài chính *h p lí*, *minh b ch* và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

#### **1. M ô t**

Việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định và có hiệu quả luôn được Trường thực hiện nghiêm túc. Trường quản lý chi tiêu kinh phí theo các văn bản quy định

về chế độ, định mức như chế độ công tác phí, chế độ định mức giờ giảng ... (MC10.3-01).

Sự phân bổ, sử dụng tài chính một cách hợp lý còn được thể hiện: việc đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, làm việc ngày càng tiếp cận với công nghệ hiện đại (MC10.3-02). Các cơ sở giảng dạy đều được nâng cấp, sửa chữa khang trang, sạch đẹp.

Thực tế Trường đã phân bổ nguồn tài chính ưu tiên cho việc nâng cao chất lượng giáo dục. Từ năm 2004 chi cho đào tạo tăng từ 10.167 triệu đồng đến 21.255 triệu đồng vào năm 2009 (tính đến tháng 7/2009) (MC10.3-03) cụ thể:

Các n m h c	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009
T ng chi à o t o (tri u ng)	10.167	11.954	14.179	17.633	21.255

Tính minh bạch trong hoạt động tài chính của trường còn thể hiện trong việc thực hiện các khoản chi phí của các phòng khoa trong trường. Trong khâu mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập và thí nghiệm, căn cứ theo dự trù được duyệt và các yêu cầu kỹ thuật của các phòng khoa, phòng Quản trị Thiết bị làm hợp đồng với các Nhà Cung cấp thực hiện. Công khai việc mua sắm, các phòng khoa trực tiếp ký nhận hàng hóa và giá trị sử dụng. Kế hoạch được duyệt của từng năm được các khoa giám sát chặt chẽ theo đúng lộ trình. Việc chi trả thu nhập cho CBNV cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng, sinh viên được thực hiện trực tiếp công khai đến từng đối tượng (MC10.3.04).

Việc phân bổ kinh phí đã được thực hiện theo đúng quy định, phù hợp với qui hoạch tổng thể và theo đúng qui định phục vụ cho chiến lược phát triển của trường.

## 2. ánh giá i m m nh

Việc phân bổ tài chính hàng năm cho các hoạt động hợp lý và sử dụng có hiệu quả do vậy sát với yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chung của trường, nhiệm vụ trọng tâm của năm học. Đồng thời góp phần nâng cao đời sống của CBNV, đổi mới trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

## 3. Nh ng t n t i

Việc phân bổ kinh phí hàng năm đều được tính toán cho từng nhiệm vụ cụ thể nhưng vẫn còn một số nhiệm vụ chưa thực hiện được.

## 4. K ho ch hành ng

Tăng cường công tác kế hoạch, tổ chức việc theo dõi và thống kê nhằm cập nhật và báo cáo kịp thời tiến độ thực hiện tài chính theo các nội dung cụ thể.

## 5. T ánh giá: Đạt

## K T L U N

Công tác tài chính và quản lý tài chính ưu tiên nhất cách có hiệu quả, ứng dụng nhà nước. Nhà trường cần tiếp tục thu chi một cách tiết kiệm, hiệu quả, đúng nguyên tắc của chính mình là chủ yếu, áp dụng các hoạt động theo đúng mục tiêu đề ra của một trường đại học. Nhà trường cần có những kế hoạch đầu tư tài chính hàng năm và nhiệm kỳ 5 năm để phát triển và khai thác nguồn tài chính ưu tiên phát triển và tái đầu tư theo đúng trình tự kế hoạch phát triển dài hạn của nhà trường.

Trong quá trình lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính luôn luôn phù hợp với yêu cầu đề ra và các hoạt động khác trong lãnh đạo và các bộ phận khoa, phòng, các cán bộ chính xác, sát thực tế, có kế hoạch dự phòng và chi nhánh thể hiện các nhiệm vụ phát sinh công việc tái đầu tư phát triển và chăm lo công tác thi cử, sinh viên, giáo viên.

Trong kế hoạch tài chính và quản lý tài chính ưu tiên công khai dân chủ và minh bạch theo quy định, các quản lý trung có kiểm tra giám sát chặt chẽ. Trong việc phân bổ và sử dụng tài chính một cách hợp lý và minh bạch phải chú ý tính hiệu quả cho các bộ phận, các hoạt động của nhà trường. Tính hợp lý theo đúng chức năng của HQT theo thẩm quyền, công nghệ vì công tác thi cử, các kế hoạch chi cho công việc và công nghệ luôn minh bạch theo đúng quy chế, quy định công nghệ vì sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính trên các giám sát chặt chẽ.

Bên cạnh những ưu điểm của công tác tài chính và quản lý tài chính trên công tác có những thiếu sót nhất định mà phần lớn là các nguồn thu chưa khai thác triệt để các hoạt động dịch vụ như chưa có gì, thu nhập trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học còn khiêm tốn vì bộ phận nhà trường cần chú ý cho các công trình khuyến khích tham gia của thầy và trò. Trong lĩnh vực khu vực tài sản công nghệ thanh lý tài sản tái phát triển chưa bù đắp vào các khoản đầu tư ban đầu.

Trong những năm tới, nhà trường sẽ tiếp tục các công tác trên để phát huy tiềm năng và ưu điểm sẵn có hoàn thiện hơn nữa công tác tài chính và quản lý tài chính của nhà trường mang lại tính hiệu quả cho các hoạt động phát triển nhà trường theo đúng tầm vóc của một trường đại học trong thời đại mới và xã hội yêu cầu.

## B. K T LU N CHUNG

Căn cứ vào việc tự đánh giá thực trạng về các hoạt động của trường và các tiêu chí đạt thông qua việc đánh giá theo từng tiêu chí, căn cứ vào quy định về kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Lạc Hồng xếp mức tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng.

N i nh n:

- B Giáo d c và ào t o
- Ban Giám Hi u
- L u TC – HC, NCKH – S H – K CL

*Biên hòa, ngày tháng n m 2009*

**HI U TR NG**

( ã ký)

**TS. Tr n Hành**

## PH N PH L C

Ph i c 1: Quyết định về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá

**B GIÁO D C VÀ ÀO T O C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM**  
**Tr ng i H c L c H ng**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 510 /ĐHLH

Biên hòa, ngày 15 tháng 6 n m 2008

## QUY T NH

Thành lập Hội đồng Tự đánh giá trường Đại Học Lạc Hồng

### HI U TR NG TR NG I H C L C H NG

- Thực hiện Quyết định 27/2006/QĐ-BGDĐT ngày 27-06-2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học;
- Thực hiện hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học tại công văn số 1929/KT&KĐ ngày 16/3/2005 của Bộ GD-ĐT;
- Căn cứ Quyết định số 6114/QĐ-BGD&ĐT – TCCB ngày 06/12/2002 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc công nhận Hiệu trưởng trường Đại Học Lạc Hồng;
- Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Tổ chức – Hành Chánh;

## QUY T NH

**i u 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường Đại Học Lạc Hồng (có danh sách kèm theo).

**i u 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá trường đại học theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT. Hội đồng tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

**i u 3.** Các ông Trưởng Phòng Hành chính – Tổ chức, Phòng Đào tạo, Phòng Tài vụ, Trung tâm quan hệ quốc tế, Bộ phận quản lý sinh viên, thanh tra và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*N i nh n:*

- Như Điều 3
- Lưu Phòng HC – TC, NCKH – SDH - KĐCL
- Cục KT&KĐCLGD (để báo cáo)

**HI U TR NG**

( ã ký)

**TR N HÀNH**

**DANH SÁCH HỘI NGUYỄN TỈNH GIÁO  
TRƯỜNG THPT CHUYÊN  
(Ban hành kèm theo quy định số 510 ngày 15 tháng 6 năm 2008)**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Ts. Trần Hành	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Ths. Lâm Thành Hiền	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ
3	Ths. Diệp Cẩm Thu	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ
4	Ths. Nguyễn Văn Tân	Trưởng Phòng NCKH – SDH - KĐCL	Thư ký
5	Cn. Trần Thị Mỹ Hương	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên
6	Cn. Lưu Ngọc Cương	Phó Phòng Đào tạo	Ủy viên
7	Ths. Nguyễn Vũ Quỳnh	Phó Khoa Cơ điện	Ủy viên
8	Cn. Nguyễn Hoàng Xuân Anh	Phó Khoa Quản trị KTQT	Ủy viên
9	Cn. Trần Minh Mẫn	Trưởng phòng Hành Chánh Tổng Hợp	Ủy viên
10	Cn. Phạm Thái Thạnh	PGĐ TT QH Quốc tế	Ủy viên
11	Cn. Đào Thanh Mai	Phó Phòng HC-TC	Ủy viên
12	Cn. Châu Quang Trọng	TP HC-TC	Ủy viên
13	Cn. Nguyễn Hồ Xuân Hương	Đại diện Đảng ủy – Bí thư Đoàn	Ủy viên
14	Cn. Huỳnh Cao Tuấn	PGĐ TT Thông Tin Tư Liệu	Ủy viên

**HỘI NGUYỄN**

(đã ký)

**TRƯỜNG**



**Ph 1 c 2:** Quyết định về việc thành lập Ban thư ký và Nhóm chuyên trách

**B GIÁO D C VÀ ÀO T O C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM**

**Tr ng i H c L c H ng**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 511 /ĐHLH

Biên hòa, ngày 15 tháng 6 n m 2008

## **QUY T NH**

Về việc thành lập Ban Thư Ký và nhóm chuyên trách

Hội Đồng Tự đánh giá trường Đại Học Lạc Hồng

### **HI U TR NG TR NG I H C L C H NG**

- Thực hiện Quyết định 27/2006/QĐ-BGDĐT ngày 27-06-2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học;
- Thực hiện hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học tại công văn số 1929/KT&KĐ ngày 16/3/2005 của Bộ GD-ĐT;
- Căn cứ Quyết định số 6114/QĐ-BGD&ĐT – TCCB ngày 06/12/2002 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc công nhận Hiệu trưởng trường Đại Học Lạc Hồng;
- Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Tổ chức – Hành Chánh;

## **QUY T NH**

**i u 1.** Thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách trực thuộc Hội đồng tự đánh giá trường Đại Học Lạc Hồng (có danh sách kèm theo).

**i u 2.** Ban thư ký và các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá trường đại học theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT. Ban thư ký và các nhóm chuyên trách tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

**i u 3.** Các ông Trưởng Phòng Hành chính – Tổ chức, Phòng đào tạo, Phòng Tài vụ, Trung tâm quan hệ quốc tế, Bộ phận quản lý sinh viên, thanh tra và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*N i nh n:*

- Như Điều 3

- Lưu Phòng HC – TC, NCKH – SDH - KĐCL

- Cục KT&KĐCLGD (để báo cáo)

**HI U TR NG**

( *ã ký*)

**TR N HÀNH**

## DANH SÁCH BAN THỰC HIỆN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

( kèm quy trình số 511 ngày 15 tháng 6 năm 2008)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ths. Nguyễn Văn Tân	TP NCKH – SDH – KĐCL	Trưởng ban
2	Ths. Phạm Công Xuyên	TP CTSV	Ủy viên
3	Cn. Huỳnh Cao Tuấn	PGĐ TT Thông tin tư liệu	Ủy viên
4	Ks. Nguyễn Thụy Mai Trâm	Nhân viên VP Hiệu trưởng	Ủy viên
5	Ks. Trịnh Nguyễn Thư Giang	Nhân viên P. NCKH-SDH-KĐCL	Ủy viên

**HIỆU TRƯỞNG**

( *đã ký* )

**TRƯỞNG BAN**

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

( kèm quy t nh s 511 ngày 15 tháng 6 n m 2008)

STT	H và tên	Ch c v	Nhi m v	i n tho i liên h
<b>Nhóm 1: các tiêu chu n: 1,10</b>	TS. Trần Hành	Hiệu trưởng	<b>Tr ng nhóm</b>	
	KS. Nguyễn Thụy Mai Trâm (1)	NV Văn phòng HT	Thành viên	
	CN. Trần Thị Mỹ Hương(10)	TP Tài Vụ	Thành viên	
	CN. Nguyễn Thu Hiền	NV TTTTTL	Thành viên	
	KS. Nguyễn Thị Thanh Trang	NV Văn phòng HT	Thành viên	
<b>Nhóm 2: các tiêu chu n: 3,4</b>	Ths. Lâm Thành Hiền(4)	Phó Hiệu trưởng	<b>Tr ng nhóm</b>	
	CN. Lưu Ngọc Cương(3)	Phó Phòng Đào tạo	Thành viên	
	KS. Trần Thanh Việt	NV TTTTTL	Thành viên	
	CN. Phan Thùy Trang	NV Phòng Đào tạo	Thành viên	
	Ths. Nguyễn Vũ Quỳnh	Phó Khoa Cơ điện	Thành viên	
CN. Nguyễn Hoàng Xuân Anh	Phó Khoa Quản trị	Thành viên		
<b>Nhóm 3: các tiêu chu n: 6</b>	Ths. Phạm Công Xuyên(6)	TP CTSV	<b>Tr ng nhóm</b>	
	KS. Lê Sơn Quang	Phó Bí thư Đoàn	Thành viên	
	CN. Hà Thị Hồng	NV Phòng CTSV	Thành viên	
<b>Nhóm 4: các tiêu chu n: 2,5</b>	Ths. Diệp Cẩm Thu(5)	Phó Hiệu trưởng	<b>Tr ng nhóm</b>	
	CN. Trần Minh Mẫn(2)	TP HC-TC	Thành viên	
	CN. Đào Thanh Mai	PP HC-TC	Thành viên	
	KS. Lê Thị Hằng	NV P.HC-TC	Thành viên	
	CN. Vi Thị Phương	VP Công đoàn	Thành viên	
	Ths. Nguyễn Hồ Xuân Hương	Bí thư Đoàn – Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy	Thành viên	
	KS. Lê Sơn Quang	Chủ tịch Hội Sinh viên – Phó bí thư Đoàn		
<b>Nhóm 5: các tiêu chu n: 7,8</b>	Ths. Nguyễn Văn Tân(7)	TP NCKH – SDH - KĐCL	<b>Tr ng nhóm</b>	
	Ks. Phạm Thái Thanh(8)	Phó TTQHQT	Thành viên	
	KS. Trịnh Nguyễn Thư Giang	NV Phòng NCKH – SDH - KĐCL	Thành viên	
	Ths. Nguyễn Tam Sơn	NV TTQHQT	Thành viên	
	CN. Nguyễn Ngọc Cương	NC TTQHQT	Thành viên	
<b>Nhóm 6: tiêu chu n: 9</b>	CN. Huỳnh Cao Tuấn(9)	PGĐ TTTTTL	<b>Tr ng nhóm</b>	
	CN. Đinh Thị Minh Nguyệt	NV TTTTTL	Thành viên	
	CN. Châu Quang Trọng	Nhân viên	Thành viên	

**HI U TR NG**

( ã ký)

**TR N HÀNH**

**Ph 1 c 3: Kế hoạch Tự đánh giá**

<i>Th i gian d k i n</i>	<i>N i dung</i>	<i>Ph trách</i>	<i>Th c hi n</i>
<b>Tu n 1 9/6/2008 – 15/6/2008</b>	Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.	Hiệu trưởng	
<b>Tu n 2 - 4 16/6/2008 – 6/7/2008</b>	Họp hội đồng tự đánh giá lần 1	Hiệu trưởng	Các thành viên hội đồng
	- Công bố quyết định thành lập HĐ TDG	HT	
	- Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng.	HT	Các thành viên HĐ
	- Công bố quyết định thành lập ban thư ký và các nhóm chuyên trách	HT	Ban TK và NCT
	- Dự thảo kế hoạch tự đánh giá.	Ban TK	Các thành viên BTK
<b>Tu n 5-7 7/7/2008 – 27/7/2008</b>	- Phổ biến chủ trương tự đánh giá và đảm bảo chất lượng	Hiệu trưởng	Chuyên gia tư vấn, Ban thư ký
	- Chuẩn bị tài liệu và triển khai tập huấn cho các nhóm cán bộ tự đánh giá	Ban thư ký	Các chuyên gia, Ban TK
	- Hội đồng tự đánh giá họp lần 2 để góp ý về kế hoạch TDG. - Phê duyệt và thông qua bản kế hoạch tự đánh giá chính thức. - Nộp kế hoạch tự đánh giá cho BGD&ĐT - Dự thảo bản đề cương tự đánh giá	HT	Các thành viên HĐ và BTK
<b>Tu n 8-13 28/7/2008 – 7/9/2008</b>	- Xây dựng kế hoạch hoạt động của từng nhóm, phân công trách nhiệm của các thành viên trong nhóm. - Lê kế hoạch báo cáo công việc định kỳ của các nhóm chuyên trách, ban thư ký. - Xây dựng các bản câu hỏi, phiếu điều tra - Xây dựng phần mềm xử lý các bảng biểu	Ban Thư ký, Nhóm trưởng CT, Nhóm IT	Các thành viên nhóm chuyên trách
	<b>Các nhóm chuyên trách tiến hành các hoạt động:</b> - Thu thập thông tin minh chứng - Mã hóa các thông tin minh chứng được - Mô tả thông tin và minh chứng thu	Ban thư ký	Các thành viên nhóm chuyên trách

	<p>được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, lý giải nội hàm các minh chứng để chứng minh trường đạt được các yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn KĐCL</li> </ul>		
<b>Tu n 14 -17</b> <b>8/9/2008 –</b> <b>5/10/2008</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm chuyên trách viết các báo cáo cho từng tiêu chí</li> <li>- Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết)</li> </ul>	Nhóm trưởng	Các thành viên nhóm CT
<b>Tu n 18 – 21</b> <b>6/10/2008 –</b> <b>2/11/2008</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo của từng tiêu chí.</li> <li>- Thu thập thông tin bổ sung (Nếu cần thiết)</li> </ul>	Hiệu trưởng	
<b>Tu n 22 -25</b> <b>3/11/2008 –</b> <b>30/11/2008</b>	<p><b>H i  n g  á n h  g i á c  a  t r  n g  h  p  l  n  3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các báo cáo của các nhóm chuyên trách</li> <li>- Kiểm tra các thông tin minh chứng</li> <li>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các minh chứng.</li> <li>- Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá của nhà trường</li> </ul>	Hiệu trưởng	Các thành viên HĐTĐG, Ban thư ký
<b>Tu n 26-29</b> <b>1/12/2008 –</b> <b>28/12/2008</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng tự đánh giá xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa.</li> <li>- Hội đồng thông qua bản báo cáo tự đánh giá</li> </ul>	Hiệu trưởng	Các thành viên HĐ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố bản báo cáo TĐG trong nội bộ trường</li> <li>- Đóng góp ý kiến phản biện của toàn thể nhân viên nhà trường.</li> <li>- Thu thập và tổng hợp các ý kiến phản biện</li> </ul>	Ban thư ký	Toàn thể nhân viên
<b>Tu n 30 – 31</b> <b>29/12/2008 –</b> <b>11/01/2009</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng TĐG tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo ý kiến phản biện</li> <li>- Thông qua bản báo cáo TĐG lần cuối</li> <li>- Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt báo cáo TĐG</li> </ul>	Hiệu trưởng	Các thành viên HĐ
<b>Tu n 32</b> <b>12/01/2009 –</b> <b>18/01/2009</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp báo cáo tự đánh giá cho Bộ GD&amp;ĐT</li> <li>- Các hoạt động lưu trữ tài liệu để chuẩn bị cho đoàn đánh giá ngoài</li> </ul>	Hiệu trưởng Ban thư ký	Các thành viên

